

| TT  | Họ và tên           | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/hệ căn cước công dân |
|-----|---------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|------------------------------|
|     |                     |                                 |                            |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                              |
| 956 | Dương Thị Chân      | Công Nhân Giường Trẻ Em A2      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/05/2021                       | 9521643314     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Dương Thị Chân                           | 5903205808941 | Agribank  | 385132968                    |
| 957 | Tạ Kim Ngọt         | Công Nhân Lau Mầu               | không xác định thời hạn    | 01/09/2017                       | 9521685838     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Tạ Kim Ngọt                              | 5903205587045 | Agribank  | 385457224                    |
| 958 | Son Thị Chương      | Công Nhân Lau Mầu 2             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/10/2020                       | 9521691543     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Son Thị Chương                           | 5903205476933 | Agribank  | 385385525                    |
| 959 | Phạm Văn Tản        | Công Nhân Bao Bì 7              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/08/2018                       | 9521724070     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Phạm Văn Tản                             | 5903205637949 | Agribank  | 385820588                    |
| 960 | Võ Thị Cẩm          | Công Nhân Mặt Bàn 1             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9521842294     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Võ Thị Cẩm                               | 5903205808840 | Agribank  | 385750138                    |
| 961 | Nguyễn Văn Giàu     | Công Nhân Bao Bì 3              | không xác định thời hạn    | 01/12/2017                       | 9521900093     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Giàu                          | 5903205600433 | Agribank  | 385161954                    |
| 962 | Nguyễn Thị Cẩm Dân  | Công Nhân Sửa Hàng              | không xác định thời hạn    | 01/12/2017                       | 9521900094     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Cẩm Dân                       | 5903205600558 | Agribank  | 385368417                    |
| 963 | Nguyễn Diệu Mỹ      | Tay Súng Sơn                    | không xác định thời hạn    | 01/01/2018                       | 9522005489     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Diệu Mỹ                           | 5903205608464 | Agribank  | 385845700                    |
| 964 | Nguyễn Văn Thêm Em  | Công Nhân Mặt Bàn 1             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2021                       | 9522033526     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Thêm Em                       | 5903205808879 | Agribank  | 385713909                    |
| 965 | Thị Kim Thanh       | Công Nhân Tủ A 1                | xác định thời hạn 12 tháng | 01/05/2021                       | 9522039792     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Thị Kim Thanh                            | 5903205487322 | Agribank  | 385137756                    |
| 966 | Dương Thị Hân       | Công Nhân Cào Nổi               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2020                       | 9522039793     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Dương Thị Hân                            | 5903205623690 | Agribank  | 385453316                    |
| 967 | Liều Thị Kỳ Anh     | Công Nhân Bao Bì 7              | không xác định thời hạn    | 01/05/2018                       | 9522055319     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Liều Thị Kỳ Anh                          | 5903205623967 | Agribank  | 385857875                    |
| 968 | Nguyễn Diệu Thủy    | Công Nhân Công Nhân Sơn/7/1     | xác định thời hạn 12 tháng | 01/06/2021                       | 9522068405     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Diệu Thủy                         | 5903205632735 | Agribank  | 385762783                    |
| 969 | Nguyễn Thị Cẩm Doan | Kỹ Thuật Mặt Bàn 1              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/08/2018                       | 9522083691     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Cẩm Doan                      | 5903205647971 | Agribank  | 385864859                    |
| 970 | Nguyễn Thị Mỹ       | Công Nhân Giường Trẻ Em A2      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2018                       | 9522090807     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Mỹ                            | 5903205650005 | Agribank  | 385869194                    |



| TT  | Họ và tên              | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|------------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|     |                        |                                 |                            |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 971 | Bùi Việt Thúy          | Công Nhân Nc                    | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2018                       | 9522090808     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Bùi Việt Thúy                            | 5903205643970 | Agribank  | 385589108                     |
| 972 | Trần Thị Diễm          | Công Nhân Giường Trẻ Em A1      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/10/2018                       | 9522103263     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Diễm                            | 5903205647886 | Agribank  | 385872392                     |
| 973 | Liều Hoài Khánh        | Công Nhân Lau Máu 2             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/11/2018                       | 9522114292     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Liều Hoài Khánh                          | 5903205653315 | Agribank  | 385375694                     |
| 974 | Nguyễn Thị Hoài Phương | Công Nhân Máy Bảo               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2019                       | 9522143105     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Hoài Phương                   | 5903205782818 | Agribank  | 385824549                     |
| 975 | Võ Thị Suốt            | Công Nhân Tủ B6/1               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9522150049     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Võ Thị Suốt                              | 5903205808906 | Agribank  | 385805434                     |
| 976 | Đỗ Thị Vũ              | Công Nhân Giường Trẻ Em A2      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2019                       | 9522150124     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Đỗ Thị Vũ                                | 5903205685255 | Agribank  | 385517704                     |
| 977 | Huỳnh Thị Bé Ba        | Kỹ Thuật Ngăn Kéo               | không xác định thời hạn    | 01/08/2016                       | 96090004714    | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Huỳnh Thị Bé Ba                          | 5903205526063 | Agribank  | 381213401                     |
| 978 | Lê Thị Bích Thùy       | Công Nhân Ngăn Kéo              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2019                       | 9609005184     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Thị Bích Thùy                         | 5903205404071 | Agribank  | 381651936                     |
| 979 | Trần Hồng Tiếp         | Công Nhân Cào Nổi               | không xác định thời hạn    | 01/06/2016                       | 9609006296     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Hồng Tiếp                           | 5903205493059 | Agribank  | 381438980                     |
| 980 | Lê Minh Dũng           | Công Nhân Máy Nc                | xác định thời hạn 12 tháng | 01/11/2019                       | 9612004283     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Minh Dũng                             | 5903205710432 | Agribank  | 381071902                     |
| 981 | Biện Thành Tài         | Kỹ Thuật Bộ Phận Nc             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2020                       | 9613004745     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Biện Thành Tài                           | 5903205725814 | Agribank  | 381508349                     |
| 982 | Diệp Trung Ai          | Công Nhân Tủ A2                 | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2020                       | 9615005180     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Diệp Trung Ai                            | 5903205710563 | Agribank  | 381606616                     |
| 983 | Nguyễn Bích Liễu       | Kỹ Thuật Qc Xưởng 6             | không xác định thời hạn    | 01/04/2016                       | 9616009861     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Bích Liễu                         | 5903205398714 | Agribank  | 381510702                     |
| 984 | Nguyễn Kim Ân          | Công Nhân Ngăn Kéo              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2020                       | 9621273759     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Kim Ân                            | 5903205733178 | Agribank  | 380967913                     |
| 985 | Huỳnh Kim Ngân         | Công Nhân Ngăn Kéo              | không xác định thời hạn    | 01/09/2017                       | 9621349049     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                               | 08/10/2021         | 3.710.000      | Huỳnh Kim Ngân                           | 5903205586541 | Agribank  | 381047152                     |



| TT   | Họ và tên           | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------|---------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|      |                     |                                 |                            |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 986  | Trần Quốc Dầy       | Công Nhân Lắp Ráp 7             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2021                       | 9621407276     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Quốc Dầy                            | 5903205786411 | Agribank  | 381578769                     |
| 987  | Khấu Thị Hồng Nhiên | Công Nhân Giường Tré Em A2      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/12/2020                       | 9621461883     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Khấu Thị Hồng Nhiên                      | 5903205270907 | Agribank  | 381777399                     |
| 988  | Dương Tư Hải        | Tây súng Sơn treo               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2019                       | 9621492744     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Dương Tư Hải                             | 5903205688904 | Agribank  | 381674208                     |
| 989  | Lê Tấn Phúc         | Kỹ Thuật Tủ A 2                 | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2020                       | 9621540402     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Tấn Phúc                              | 5903205565007 | Agribank  | 381917626                     |
| 990  | Nguyễn Phú Thịnh    | Công Nhân Tủ A 1                | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2021                       | 9621542029     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Phú Thịnh                         | 5903205609908 | Agribank  | 381947618                     |
| 991  | Nguyễn Thị Linh     | Công Nhân Sơn 7/1               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2021                       | 9621581539     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Linh                          | 5903205821310 | Agribank  | 381843567                     |
| 992  | Lê Huyền Trân       | Kỹ Thuật Tủ B6/1                | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2017                       | 9621615165     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Huyền Trân                            | 5903205582216 | Agribank  | 381948054                     |
| 993  | Trần Thu Yên        | Công Nhân Lắp Ráp 7             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/08/2020                       | 9621671928     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Thu Yên                             | 5903205774701 | Agribank  | 381685571                     |
| 994  | Nguyễn Diễm My      | Công Nhân Sơn 3 Máy             | không xác định thời hạn    | 01/12/2017                       | 9621698231     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Diễm My                           | 5903205600485 | Agribank  | 381834973                     |
| 995  | Dương Bích Ngân     | Kỹ Thuật Sinh Quản              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2020                       | 9621700667     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Dương Bích Ngân                          | 5903205758678 | Agribank  | 381870655                     |
| 996  | Lê Hoàng Nhân       | Công Nhân Bao Bì 3              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2019                       | 9621766423     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Hoàng Nhân                            | 5903205705410 | Agribank  | 381402468                     |
| 997  | Bùi Thị Nương       | Công Nhân Tủ A2                 | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2019                       | 9621767554     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Bùi Thị Nương                            | 5903205665031 | Agribank  | 381514385                     |
| 998  | Trần Thúy Vy        | Công Nhân Lau Mài 2             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/01/2021                       | 9621848684     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Thúy Vy                             | 5903205798230 | Agribank  | 381945031                     |
| 999  | Phạm Văn Toàn       | Công Nhân Mài Bàn 1             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2020                       | 9621879839     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Phạm Văn Toàn                            | 5903205725764 | Agribank  | 381755249                     |
| 1000 | Nguyễn Quốc Thích   | Nhân Viên Nhân Sự               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/11/2020                       | 9621904928     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Quốc Thích                        | 5903205785483 | Agribank  | 381975867                     |



| TT   | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số số bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------|--------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|      |                    |                                 |                            |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 1001 | Phạm Bích Vàng     | Nhân Viên Kho Ván               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2019                       | 9621910867     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Phạm Bích Vàng                           | 5903205705636 | Agribank  | 381534032                     |
| 1002 | Phan Văn Lợi       | Công Nhân Ngăn Kéo              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/11/2020                       | 9621919443     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Phan Văn Lợi                             | 5903205796660 | Agribank  | 381911099                     |
| 1003 | Cao Văn Ân         | Công Nhân Ngăn Kéo              | không xác định thời hạn    | 01/05/2018                       | 9621921596     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Cao Văn Ân                               | 5903205626437 | Agribank  | 381458268                     |
| 1004 | Trần Thị Hồng Phên | Công Nhân Ngăn Kéo              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/06/2020                       | 9621934789     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Hồng Phên                       | 5903205717874 | Agribank  | 381319637                     |
| 1005 | Nguyễn Chí Linh    | Công Nhân Sơn 7/1               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9621951629     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Chí Linh                          | 5903205808760 | Agribank  | 381921400                     |
| 1006 | Trần Khải Nam      | Công Nhân Tủ B6/1               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/05/2021                       | 9621956738     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Khải Nam                            | 5903205819058 | Agribank  | 382055081                     |
| 1007 | Nguyễn Thị Nhệ     | Công Nhân Mặt Bàn 1             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2020                       | 9621963654     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Nhệ                           | 5903205725866 | Agribank  | 381755472                     |
| 1008 | Lê Hồng Nga        | Công Nhân Tủ A 2                | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2020                       | 9621978356     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Hồng Nga                              | 5903205771256 | Agribank  | 381311011                     |
| 1009 | Nguyễn Huỳnh Như   | Nhân Viên Kho Vật Tư            | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2021                       | 9621979981     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Huỳnh Như                         | 5903205814497 | Agribank  | 382022616                     |
| 1010 | Trương Ngọc Tú     | Công Nhân Mặt Bàn 1             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2020                       | 9621980261     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trương Ngọc Tú                           | 5903205730685 | Agribank  | 381881925                     |
| 1011 | Tô Cẩm Thu         | Công Nhân Lau Màu 2             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2020                       | 9621990175     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Tô Cẩm Thu                               | 5903205782593 | Agribank  | 381820428                     |
| 1012 | Nguyễn Văn Trường  | Công Nhân Giường Tré Em A 1     | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2019                       | 9621991284     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Trường                        | 5903205705709 | Agribank  | 381964694                     |
| 1013 | Nguyễn Phi Hào     | Công Nhân Sơn 3 Treo/1          | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2020                       | 9621998088     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Phi Hào                           | 5903205661190 | Agribank  | 381975724                     |
| 1014 | Lê Hoàng Nam       | Công Nhân Tủ A 1                | xác định thời hạn 12 tháng | 01/11/2020                       | 9622029539     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Hoàng Nam                             | 5903205796581 | Agribank  | 381694068                     |
| 1015 | Lưu Ngọc Mai       | Công Nhân Mặt Bàn 1             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2021                       | 9622050487     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lưu Ngọc Mai                             | 5903205808862 | Agribank  | 381944539                     |



| TT   | Họ và tên        | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/người không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------|------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|      |                  |                                 |                            |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                               | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 1016 | Hứa Ngọc Niềm    | Công Nhân Cao Nổi               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2021                       | 9622078344     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Hứa Ngọc Niềm                            | 5903205820579 | Agribank  | 381902606                     |
| 1017 | Trần Văn Nghiệp  | Công Nhân Máy Cắt               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2021                       | 9622083142     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Văn Nghiệp                          | 5903205820714 | Agribank  | 381822203                     |
| 1018 | Đặng Thành Chung | Công Nhân Máy Bào               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2021                       | 9622102521     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Đặng Thành Chung                         | 5903205820585 | Agribank  | 381793568                     |
| 1019 | Nguyễn Văn Nhanh | Công Nhân Bao Bì 4              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/12/2020                       | 9622109863     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Nhanh                         | 5903205796625 | Agribank  | 381341654                     |
| 1020 | Hồ Chúc Lili     | Công Nhân Giường Trê Em B       | xác định thời hạn 12 tháng | 01/08/2019                       | 9622115572     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Hồ Chúc Lili                             | 5903205705846 | Agribank  | 381562631                     |
| 1021 | Nguyễn Văn Tấn   | Công Nhân Hàng Mẫu 2            | xác định thời hạn 12 tháng | 01/05/2021                       | 9622137752     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Tấn                           | 5903205819041 | Agribank  | 381985839                     |
| 1022 | Tô Thanh Toán    | Nhân Viên Kho Vật Tư            | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9622255843     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Tô Thanh Toán                            | 5903205809077 | Agribank  | 381954035                     |
| 1023 | Đỗ Văn Chiến     | Công Nhân Cắt Phôi /1           | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2020                       | 9622274532     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Đỗ Văn Chiến                             | 5903205732890 | Agribank  | 380988474                     |
| 1024 | Nguyễn Văn Thiết | Công Nhân Cánh Tủ               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/05/2019                       | 9622287215     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Thiết                         | 5903205670763 | Agribank  | 380968380                     |
| 1025 | Thạch Văn Thom   | Công Nhân Cánh Tủ               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/08/2019                       | 9622288621     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Thạch Văn Thom                           | 5903205694580 | Agribank  | 381460846                     |
| 1026 | Hồng Văn Hùng    | Công Nhân Cắt Phôi /1           | không xác định thời hạn    | 01/04/2018                       | 9622296508     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Hồng Văn Hùng                            | 5903205623859 | Agribank  | 381627119                     |
| 1027 | Tạ Thị Út Lớn    | Công Nhân Máy Bàn 1             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9622311230     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Tạ Thị Út Lớn                            | 5903205808833 | Agribank  | 381601272                     |
| 1028 | Huỳnh Thanh Tân  | Công Nhân Giường Trê Em A2      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2020                       | 9622319331     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Huỳnh Thanh Tân                          | 5903205725974 | Agribank  | 381565020                     |
| 1029 | Trần Văn Chân    | Công Nhân Máy Bàn 1             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2021                       | 9622323622     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Văn Chân                            | 5903205820664 | Agribank  | 381347709                     |
| 1030 | Trần Văn Dự      | Công Nhân Máy Bàn 1             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2021                       | 9622332842     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Văn Dự                              | 5903205814350 | Agribank  | 382007952                     |



| TT   | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------|-------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|      |                   |                                 |                            |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 1031 | Trần Thị Phương   | Công Nhân Cáo Nổi               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/05/2021                       | 9622343273     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Phương                          | 5903205476492 | Agribank  | 381697575                     |
| 1032 | Nguyễn Thị Ngoan  | Công Nhân Sơn 3 Máy             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/08/2019                       | 9622358611     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Ngoan                         | 5903205694920 | Agribank  | 381749907                     |
| 1033 | Nguyễn Nghĩa Hữu  | Kỹ Thuật Giường Trẻ Em B        | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2019                       | 9622359598     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Nghĩa Hữu                         | 5903205688940 | Agribank  | 381995482                     |
| 1034 | Nguyễn Thị Đẹp    | Công Nhân Cắt Phoi /I           | không xác định thời hạn    | 01/04/2018                       | 9622364600     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Đẹp                           | 5903205624120 | Agribank  | 381627133                     |
| 1035 | Lữ Ánh Duy        | Công Nhân Giường Trẻ Em A2      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2020                       | 9622364996     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lữ Ánh Duy                               | 5903205725968 | Agribank  | 381806134                     |
| 1036 | Nguyễn Huyền Hân  | Công Nhân Sơn 7/2               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9622381967     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Huyền Hân                         | 5903205808777 | Agribank  | 381958616                     |
| 1037 | Đinh Văn Hải      | Công Nhân Tủ A 1                | xác định thời hạn 12 tháng | 01/10/2020                       | 9622386348     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Đinh Văn Hải                             | 5903205766892 | Agribank  | 381662989                     |
| 1038 | Đinh Hùng Cường   | Công Nhân Lau Màu 3             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2020                       | 9622396809     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Đinh Hùng Cường                          | 5903205782587 | Agribank  | 381134194                     |
| 1039 | Lê Minh Chiến     | Công Nhân Mặt Bàn 1             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9622436579     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Minh Chiến                            | 5903205808856 | Agribank  | 381662532                     |
| 1040 | Bùi Thị Thương    | Công Nhân Tủ B6/1               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9622436580     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Bùi Thị Thương                           | 5903205808891 | Agribank  | 381802139                     |
| 1041 | Trần Lệ Xuân      | Công Nhân Lau Màu 4             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2020                       | 9622447825     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Lệ Xuân                             | 5903205782570 | Agribank  | 381134195                     |
| 1042 | Nguyễn Đan Trường | Tổ Trưởng Chuyên Sơn            | không xác định thời hạn    | 01/09/2017                       | 9622454166     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Đan Trường                        | 5903205587130 | Agribank  | 381920161                     |
| 1043 | Nguyễn Thị Quyền  | Công Nhân Cắt Phoi /I           | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2019                       | 9622454168     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Quyền                         | 5903205595680 | Agribank  | 381911608                     |
| 1044 | Ngô Văn Châu      | Công Nhân Chà Nhám              | không xác định thời hạn    | 01/09/2017                       | 9622454169     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Ngô Văn Châu                             | 5903205586978 | Agribank  | 381842305                     |
| 1045 | Phạm Hoàng Hiên   | Công Nhân Tủ A 1                | không xác định thời hạn    | 01/09/2017                       | 9622454174     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Phạm Hoàng Hiên                          | 5903205586555 | Agribank  | 381954734                     |



| TT   | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------|-------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|      |                   |                                 |                            |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 1046 | Phạm Thị Mỹ Linh  | Công Nhân Qc Xưởng 6/1          | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2021                       | 9622486576     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Phạm Thị Mỹ Linh                         | 5903205814439 | Agribank  | 382055755                     |
| 1047 | Nguyễn Thị Thường | Công Nhân Sơn 3 Máy             | không xác định thời hạn    | 01/10/2017                       | 9622523739     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Thường                        | 5903205591695 | Agribank  | 381391180                     |
| 1048 | Đào Tuyết Sang    | Tay súng Sơn                    | không xác định thời hạn    | 01/10/2017                       | 9622523740     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Đào Tuyết Sang                           | 5903205591774 | Agribank  | 381873427                     |
| 1049 | Nguyễn Quốc Phòng | Kỹ thuật Giường Tré Em B        | không xác định thời hạn    | 01/10/2017                       | 9622523742     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Quốc Phòng                        | 5903205591506 | Agribank  | 381530115                     |
| 1050 | Nguyễn Thị Nhó    | Công Nhân Tiệt Cây              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/12/2018                       | 9622537399     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Nhó                           | 5903205602287 | Agribank  | 381643803                     |
| 1051 | Nguyễn Thị Chi    | Công Nhân Cải Phoi /1           | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2020                       | 9622561958     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Chi                           | 5903205732884 | Agribank  | 381614145                     |
| 1052 | Bùi Thị Tiên      | Công Nhân Sửa Hàng              | không xác định thời hạn    | 01/11/2017                       | 9622586688     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Bùi Thị Tiên                             | 5903205478741 | Agribank  | 381278222                     |
| 1053 | Bùi Thị Phương    | Công Nhân Chà Nhám 2            | không xác định thời hạn    | 01/12/2017                       | 9622674360     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Bùi Thị Phương                           | 5903205494261 | Agribank  | 381506496                     |
| 1054 | Trần Yến Nhi      | Tay súng sơn                    | không xác định thời hạn    | 01/12/2017                       | 9622674362     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Yến Nhi                             | 5903205601413 | Agribank  | 381939628                     |
| 1055 | Trần Kim Nhi      | Công Nhân Sơn 3 Máy             | không xác định thời hạn    | 01/12/2017                       | 9622674363     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Kim Nhi                             | 5903205601407 | Agribank  | 381939629                     |
| 1056 | Phan Văn Vinh     | Công Nhân Sơn X3                | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2018                       | 9622798562     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Phan Văn Vinh                            | 5903205643748 | Agribank  | 380880858                     |
| 1057 | Phan Nhật Phi     | Công Nhân Tủ A 1                | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2021                       | 9622817560     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Phan Nhật Phi                            | 5903205814445 | Agribank  | 382001338                     |
| 1058 | Nguyễn Yến Linh   | Công Nhân Bộ Phận Nc            | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9622843573     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Yến Linh                          | 5903205809025 | Agribank  | 381827831                     |
| 1059 | Bùi Duy Tham      | Công Nhân Qc Xưởng 7            | xác định thời hạn 12 tháng | 01/06/2021                       | 9622861221     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Bùi Duy Tham                             | 5903205639973 | Agribank  | 381912398                     |
| 1060 | Nguyễn Thanh Sang | Công Nhân Tủ A 1                | không xác định thời hạn    | 01/01/2018                       | 9622872034     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thanh Sang                        | 5903205608616 | Agribank  | 381720838                     |



| TT   | Họ và tên           | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số số bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------|---------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|      |                     |                                 |                            |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 1061 | Nguyễn Ngọc Tường   | Công Nhân Sơn 7/1               | không xác định thời hạn    | 01/01/2018                       | 9622872036     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Ngọc Tường                        | 5903205604769 | Agribank  | 381236305                     |
| 1062 | Nguyễn Thị Thu Loan | Công Nhân Nhám 2                | không xác định thời hạn    | 01/01/2018                       | 9622872039     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Thu Loan                      | 5903205604463 | Agribank  | 381067961                     |
| 1063 | Nguyễn Văn Bình     | Tổ Trưởng Cơ Khí                | không xác định thời hạn    | 01/01/2018                       | 9622872047     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Bình                          | 5903205608514 | Agribank  | 381475000                     |
| 1064 | Trần Thanh Duy      | Công Nhân Ngăn Kéo              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/12/2018                       | 9622890818     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Thanh Duy                           | 5903205616230 | Agribank  | 380990767                     |
| 1065 | Trần Sơn Lam        | Kỹ Thuật Sơn                    | xác định thời hạn 12 tháng | 01/11/2020                       | 9622899592     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Sơn Lam                             | 5903205355162 | Agribank  | 381743214                     |
| 1066 | Huỳnh Hữu Tuấn      | Công Nhân Bao Bì 7              | không xác định thời hạn    | 01/04/2018                       | 9622912100     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Huỳnh Hữu Tuấn                           | 5903205620004 | Agribank  | 381954040                     |
| 1067 | Hồ Thị Tiên         | Công Nhân Giường Tré Em A2      | không xác định thời hạn    | 01/04/2018                       | 9622912107     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Hồ Thị Tiên                              | 5903205620112 | Agribank  | 381978634                     |
| 1068 | Nguyễn Văn Vinh     | Công Nhân Mật Bần 1             | không xác định thời hạn    | 01/04/2018                       | 9622912108     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Vinh                          | 5903205619953 | Agribank  | 381572264                     |
| 1069 | Nguyễn Văn Phước    | Công Nhân Bốc Công              | không xác định thời hạn    | 01/04/2018                       | 9622912112     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Phước                         | 5903205620289 | Agribank  | 381845319                     |
| 1070 | Tạ Hoàng Khang      | Kỹ Thuật Tủ A2                  | không xác định thời hạn    | 01/04/2018                       | 9622912113     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Tạ Hoàng Khang                           | 5903205623836 | Agribank  | 381894845                     |
| 1071 | Nguyễn Cường Khang  | Kỹ Thuật Tủ A1                  | không xác định thời hạn    | 01/04/2018                       | 9622912114     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Cường Khang                       | 5903205624092 | Agribank  | 381783663                     |
| 1072 | Trần Văn Đông       | Kỹ Thuật Ngăn Kéo               | không xác định thời hạn    | 01/04/2018                       | 9622912115     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Văn Đông                            | 5903205620250 | Agribank  | 381167179                     |
| 1073 | Trần Minh Thừa      | Công Nhân Bộ Phận Nc            | không xác định thời hạn    | 01/05/2018                       | 9622928553     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Minh Thừa                           | 5903205623770 | Agribank  | 381082030                     |
| 1074 | Nguyễn Hoài Ngọc    | Công Nhân Giường Tré Em A2      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9622948776     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Hoài Ngọc                         | 5903205655622 | Agribank  | 381880792                     |
| 1075 | Nguyễn Như Ý        | Tay Súng Sơn                    | không xác định thời hạn    | 01/07/2018                       | 9622950027     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                              | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Như Ý                             | 5903205632758 | Agribank  | 381986300                     |



| TT   | Họ và tên           | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------|---------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|      |                     |                                 |                            |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 1076 | Dặng Thị Bích Trâm  | Công nhân Lau Mầu               | không xác định thời hạn    | 01/07/2018                       | 9622950030     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Dặng Thị Bích Trâm                       | 5903205647959 | Agribank  | 381990778                     |
| 1077 | Trần Như Bình       | Tay Súng Sơn treo               | không xác định thời hạn    | 01/07/2018                       | 9622950031     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Như Bình                            | 5903205586860 | Agribank  | 381954158                     |
| 1078 | Ngô Thị Yến Linh    | Công Nhân Cảnh Tú               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/06/2019                       | 9622962268     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Ngô Thị Yến Linh                         | 5903205685147 | Agribank  | 381977423                     |
| 1079 | Nguyễn Thị Cẩm Tiên | Công Nhân Cắt Phoi /1           | xác định thời hạn 12 tháng | 01/08/2018                       | 9622962301     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Cẩm Tiên                      | 5903205639308 | Agribank  | 381988498                     |
| 1080 | Trần Thị Bích Quyên | Công Nhân Giường Trẻ Em A1      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/08/2018                       | 9622962303     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Bích Quyên                      | 5903205650086 | Agribank  | 381978653                     |
| 1081 | Hồng Văn Nhi        | Kỹ Thuật Tủ A 1                 | xác định thời hạn 12 tháng | 01/08/2018                       | 9622962305     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Hồng Văn Nhi                             | 5903205639287 | Agribank  | 381987530                     |
| 1082 | Lê Chí Khang        | Kỹ Thuật Máy Tiên               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/08/2018                       | 9622962309     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Chí Khang                             | 5903205648055 | Agribank  | 381973851                     |
| 1083 | Lê Thị Ngọc Anh     | Tay Súng Sơn X3                 | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2019                       | 9622962310     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Thị Ngọc Anh                          | 5903205637984 | Agribank  | 381939607                     |
| 1084 | Trần Hải Nghi       | Công Nhân Mặt Bàn 1             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9622965805     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Hải Nghi                            | 5903205670728 | Agribank  | 381955275                     |
| 1085 | Hồ Thị Dền          | Công Nhân Chà Nhám              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2018                       | 9622973003     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Hồ Thị Dền                               | 5903205643080 | Agribank  | 381523040                     |
| 1086 | Trần Thị Thủy Trang | Công Nhân Bao Bì 7              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2018                       | 9622973004     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Thủy Trang                      | 5903205643935 | Agribank  | 381644968                     |
| 1087 | Nguyễn Văn Kiệt     | Công Nhân Qc Xưởng 3            | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2018                       | 9622973005     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Kiệt                          | 5903205643176 | Agribank  | 380950059                     |
| 1088 | Trần Văn Út         | Công Nhân Giường Trẻ Em B       | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2018                       | 9622973006     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Văn Út                              | 5903205643199 | Agribank  | 381619384                     |
| 1089 | Nguyễn Chí Cường    | Công Nhân Giường Trẻ Em B       | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2018                       | 9622973011     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Chí Cường                         | 5903205650070 | Agribank  | 381954740                     |
| 1090 | Trần Văn Tuấn       | Công nhân cào nói               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/10/2018                       | 9622990446     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Văn Tuấn                            | 5903205644025 | Agribank  | 381488178                     |



| TT   | Họ và tên           | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngiht không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------|---------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|      |                     |                                 |                            |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 1091 | Lê Hồng Ấu          | Công Nhân Cắt Phôi /I           | xác định thời hạn 12 tháng | 01/10/2018                       | 9622990448     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Hồng Ấu                               | 5903205644229 | Agribank  | 381334668                     |
| 1092 | Nguyễn Thị Trước    | Công Nhân Mặt Bàn I             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/10/2018                       | 9622990450     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Trước                         | 5903205643340 | Agribank  | 381657580                     |
| 1093 | Phạm Thị Kiều Trang | Công Nhân Bao Bì 4              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/12/2020                       | 9623000354     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Phạm Thị Kiều Trang                      | 5903205798196 | Agribank  | 381150097                     |
| 1094 | Quách Chí Toán      | Công Nhân Máy Cắt               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9623001832     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Quách Chí Toán                           | 5903205650750 | Agribank  | 381801440                     |
| 1095 | Lê Thoại Ngân       | Công Nhân Mặt Bàn I             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2021                       | 9623001833     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Thoại Ngân                            | 5903205650868 | Agribank  | 381922181                     |
| 1096 | Nguyễn Hồng Sa      | Công Nhân Cắt Phôi /I           | xác định thời hạn 12 tháng | 01/11/2018                       | 9623001834     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Hồng Sa                           | 5903205650851 | Agribank  | 381801439                     |
| 1097 | Quách Văn Phóng     | Công Nhân Máy Cắt               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/11/2018                       | 9623001836     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Quách Văn Phóng                          | 5903205650800 | Agribank  | 381105285                     |
| 1098 | Trương Văn Trung    | Công Nhân Giường Trề Em A2      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/12/2018                       | 9623016855     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trương Văn Trung                         | 5903205652312 | Agribank  | 380719639                     |
| 1099 | Vô Hoàng Nhi        | Công Nhân Ngăn Kéo              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/01/2019                       | 9623031966     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Vô Hoàng Nhi                             | 5903205653997 | Agribank  | 381781310                     |
| 1100 | Lê Thanh Đồng       | Công Nhân Cào Nổi               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2019                       | 9623048079     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Thanh Đồng                            | 5903205660225 | Agribank  | 381507238                     |
| 1101 | Lương Thị Tâm       | Công Nhân Sơn 7/I               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2019                       | 9623048084     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lương Thị Tâm                            | 5903205660406 | Agribank  | 380889594                     |
| 1102 | Huỳnh Ánh Nguyệt    | Công Nhân Lau Màu 2             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2019                       | 9623048092     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Huỳnh Ánh Nguyệt                         | 5903205660680 | Agribank  | 380775486                     |
| 1103 | Nguyễn Thị Như Thảo | Tay Súng Sơn                    | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2019                       | 9623048094     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Như Thảo                      | 5903205660890 | Agribank  | 381979366                     |
| 1104 | Bùi Minh Tân        | Công Nhân Giường Trề Em A2      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2019                       | 9623048100     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Bùi Minh Tân                             | 5903205685261 | Agribank  | 382013417                     |
| 1105 | Nguyễn Thị Ánh      | Công Nhân Tủ A 2                | xác định thời hạn 12 tháng | 01/03/2019                       | 9623048110     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Ánh                           | 5903205666720 | Agribank  | 381576315                     |





| TT   | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDL.D | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDL.D/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------|-----------------------|---------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|      |                       |                                 |                            |                                   |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                               | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 1106 | Trần Thị Nói          | Công Nhân Cao Nổi               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2020                        | 9623054031     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Nói                             | 590320526772  | Agribank  | 381413033                     |
| 1107 | Nguyễn Thành Đông     | Công Nhân Sơn/7/1               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2020                        | 9623055275     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thành Đông                        | 5903205782558 | Agribank  | 381982750                     |
| 1108 | Quách Chí Thanh       | Công Nhân Tủ A 2                | xác định thời hạn 12 tháng | 01/11/2021                        | 9623061124     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Quách Chí Thanh                          | 5903205665019 | Agribank  | 381816116                     |
| 1109 | Nguyễn Thị Sáng       | Công Nhân Qc Xưởng 3            | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2019                        | 9623061125     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Sáng                          | 5903205660651 | Agribank  | 381625797                     |
| 1110 | Phạm Văn Tiến         | Công Nhân Cầu Phôi /1           | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2019                        | 9623061126     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Phạm Văn Tiến                            | 5903205687766 | Agribank  | 381205655                     |
| 1111 | Đỗ Bé Phương          | Công Nhân Giường Trẻ Em A2      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2019                        | 9623061129     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Đỗ Bé Phương                             | 5903205664912 | Agribank  | 381020270                     |
| 1112 | Nguyễn Thị Bích Hương | Công Nhân Mát Bàn 1             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/11/2019                        | 9623061130     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Bích Hương                    | 5903205664790 | Agribank  | 381944965                     |
| 1113 | Nguyễn Yến Trinh      | Kỹ Thuật Tủ B                   | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2019                        | 9623061133     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Yến Trinh                         | 5903205664840 | Agribank  | 381910090                     |
| 1114 | Lý Văn Quang          | Công Nhân Tủ B6/1               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2019                        | 9623061134     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lý Văn Quang                             | 5903205660730 | Agribank  | 381326915                     |
| 1115 | Nguyễn Chúc Đào       | Công Nhân Canh Tủ               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/05/2019                        | 9623068122     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Chúc Đào                          | 5903205670770 | Agribank  | 382012220                     |
| 1116 | Lưu Nhật Hào          | Công Nhân Tủ A 2                | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2019                        | 9623088761     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lưu Nhật Hào                             | 5903205705330 | Agribank  | 382022273                     |
| 1117 | Đặng Mộng Huỳnh       | Công Nhân Bao Bì 7              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2019                        | 9623088780     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Đặng Mộng Huỳnh                          | 5903205705403 | Agribank  | 382018651                     |
| 1118 | Trần Thị Ngọc Thùy    | Công Nhân Giường Trẻ Em A2      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/08/2020                        | 9623095015     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Ngọc Thùy                       | 5903205702775 | Agribank  | 365789481                     |
| 1119 | La Công Dư            | Tổ Trưởng chuyển son            | không xác định thời hạn    | 01/07/2015                        | 9708632157     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | La Công Dư                               | 5903205467456 | Agribank  | 365464398                     |
| 1120 | Lê Thị Tuyết Trinh    | Tay Súng Sơn 3 Máy              | không xác định thời hạn    | 01/04/2018                        | 9121661587     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                      | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Thị Tuyết Trinh                       | 5903205620447 | Agribank  | 371247847                     |



| TT   | Họ và tên               | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động     | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ | Số số bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/ngiht không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|      |                         |                                 |                            |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 1121 | Lê Thị Hồng             | Công Nhân Giường Trẻ Em A2      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2021                       | 7721948995     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Lê Thị Hồng                              | 6001205229744 | Agribank  | 077176000135                  |
| 1122 | Nguyễn Thị Sáu Nhỏ      | Công Nhân Chà Nhám              | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2021                       | 7513184860     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      |                                          |               |           | 351273365                     |
| 1123 | Nguyễn Thị Gấm          | Công Nhân Cào Nối               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/06/2019                       | 7513184865     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      |                                          |               |           | 371265585                     |
| 1124 | Võ Thị Thanh Hằng       | Công Nhân Lau Máu               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2021                       | 8925360076     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      |                                          |               |           | 352449698                     |
| 1125 | Phạm Văn Trường         | Tổ Trưởng Giường Trẻ Em A1      | xác định thời hạn 12 tháng | 01/04/2021                       | 9521698244     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      |                                          |               |           | 385489602                     |
| 1126 | Phạm Văn Huỳnh          | Công Nhân Sơn 7/1               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2021                       | 9623051886     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      |                                          |               |           | 381918591                     |
| 1127 | Trần Thị Ngân           | Công Nhân bộ phận NC            | xác định thời hạn 12 tháng | 01/07/2021                       | 8922542304     | 04/08/2021                                                               | 04/08/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      |                                          |               |           | 352470092                     |
| 1128 | Trịnh Thị Thúy          | Công Nhân Sơn 3 Máy             | xác định thời hạn 12 tháng | 01/11/2019                       | 7508165531     | 08/09/2021                                                               | 08/09/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trịnh Thị Thúy                           | 5903205666772 | Agribank  | 381915130                     |
| 1129 | Hoàng Thị Thu           | Công Nhân Qc Xưởng 7            | không xác định thời hạn    | 01/06/2008                       | 7508119474     | 08/09/2021                                                               | 08/09/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Hoàng Thị Thu                            | 5903205458750 | Agribank  | 186026702                     |
| 1130 | Thạch Thị Chanh Đa      | Công Nhân Sửa Hàng 7            | xác định thời hạn 12 tháng | 01/06/2020                       | 8421394108     | 08/09/2021                                                               | 08/09/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Thạch Thị Chanh Đa                       | 5903205732970 | Agribank  | 334524479                     |
| 1131 | Nguyễn Hoàng Phương ánh | Nhân Viên Kế Toán               | không xác định thời hạn    | 01/07/2011                       | 7509065864     | 08/09/2021                                                               | 08/09/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Hoàng Phương ánh                  | 5903205457764 | Agribank  | 271921371                     |
| 1132 | Võ Thị Lương            | Nhân Viên Kế Toán               | xác định thời hạn 12 tháng | 01/09/2019                       | 4217461054     | 01/09/2021                                                               | 01/09/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Võ Thị Lương                             | 5903205705484 | Agribank  | 184249213                     |
| 1133 | Phạm Thị Trà Giang      | Nhân Viên Xuất Nhập Khẩu        | xác định thời hạn 12 tháng | 01/06/2019                       | 4221329751     | 01/09/2021                                                               | 01/09/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Phạm Thị Trà Giang                       | 5903205685226 | Agribank  | 184195058                     |
| 1134 | Trần Thị Kim Ngân       | Trưởng Ca Sinh Quân             | không xác định thời hạn    | 01/02/2003                       | 4705048893     | 01/09/2021                                                               | 01/09/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Kim Ngân                        | 5903205461364 | Agribank  | 271662300                     |
| 1135 | Trần Thị Nga            | Tổ Trưởng Kho Thành Phẩm        | không xác định thời hạn    | 01/05/2004                       | 4706077100     | 01/09/2021                                                               | 01/09/2021                                | 08/10/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Nga                             | 5903205455457 | Agribank  | 272806895                     |



| TT                                       | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ         | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-------------------------|------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|                                          |                       |                                 |                         |                                          |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 1136                                     | Nguyễn Thị Tinh       | Tổ Trưởng Sinh Quân             | không xác định thời hạn | 01/06/2010                               | 4705048934     | 01/09/2021                                                               | 01/09/2021                                     | 08/10/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Tinh                          | 5903205455411 | Agribank  | 172235994                     |
| Cộng: 1.136 người lao động               |                       |                                 |                         |                                          |                |                                                                          |                                                |                    | 4.214.560.000  |                                          |               |           |                               |
| II. Hỗ trợ người lao động đang mang thai |                       |                                 |                         |                                          |                |                                                                          |                                                |                    |                |                                          |               |           |                               |
| TT                                       | Họ và tên             | Thư tự tại mục I                | Số tiền hỗ trợ          | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                |                                                                          | Số CMND/thẻ căn cước công dân                  |                    |                |                                          |               |           |                               |
|                                          |                       |                                 |                         | Tên TK                                   | Số TK          | Ngân hàng                                                                |                                                |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 1                                        | Trương Thị Nga        | 657                             | 1.000.000               | Trương Thị Nga                           | 5903205532910  | Agribank                                                                 | 187421284                                      |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 2                                        | Nguyễn Thị Vân        | 138                             | 1.000.000               | Nguyễn Thị Vân                           | 5903205709331  | Agribank                                                                 | 221441040                                      |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 3                                        | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 774                             | 1.000.000               | Nguyễn Thị Hồng Nhung                    | 5903205517969  | Agribank                                                                 | 271989762                                      |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 4                                        | Quang Thị Vi          | 152                             | 1.000.000               | Quang Thị Vi                             | 5903205512370  | Agribank                                                                 | 241642695                                      |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 5                                        | Nguyễn Thị Hằng       | 244                             | 1.000.000               | Nguyễn Thị Hằng                          | 5903205124985  | Agribank                                                                 | 381582020                                      |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 6                                        | Nguyễn Thị Bé         | 286                             | 1.000.000               | Nguyễn Thị Bé                            | 5903205455390  | Agribank                                                                 | 271963757                                      |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 7                                        | Nguyễn Thanh Sang     | 1060                            | 1.000.000               | Nguyễn Thanh Sang                        | 5903205608616  | Agribank                                                                 | 381720838                                      |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 8                                        | Đỗ Hồng Nhiên         | 720                             | 1.000.000               | Đỗ Hồng Nhiên                            | 5903205774406  | Agribank                                                                 | 381860573                                      |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 9                                        | Trương Thị Kim Long   | 181                             | 1.000.000               | Trương Thị Kim Long                      | 5903205789948  | Agribank                                                                 | 363989811                                      |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 10                                       | Thái Thị Ngọc         | 867                             | 1.000.000               | Thái Thị Ngọc                            | 5903205660760  | Agribank                                                                 | 371668359                                      |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 11                                       | Nguyễn Biên Thùy      | 714                             | 1.000.000               | Nguyễn Biên Thùy                         | 5903205530212  | Agribank                                                                 | 230849811                                      |                    |                |                                          |               |           |                               |



| TT                      | Họ và tên       | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLD/ngiht không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                 |               | Số CMND/thẻ căn cước công dân |           |
|-------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------|-----------|
|                         |                 |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK           | Ngân hàng     |                               |           |
| 12                      | Nguyễn Thị Lý   |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | 351                                       |                    |                | 1.000.000                                | Nguyễn Thị Lý   | 5903205455197 | Agribank                      | 187264973 |
| 13                      | Trần Thị Diễm   |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | 844                                       |                    |                | 1.000.000                                | Trần Thị Diễm   | 5903205808804 | Agribank                      | 371477438 |
| 14                      | Nguyễn Thị Sáng |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | 1109                                      |                    |                | 1.000.000                                | Nguyễn Thị Sáng | 5903205660651 | Agribank                      | 381625797 |
| 15                      | Trần Thị Hạnh   |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | 630                                       |                    |                | 1.000.000                                | Trần Thị Hạnh   | 5903205513111 | Agribank                      | 366107343 |
| 16                      | Cao Hồng Lạc    |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | 509                                       |                    |                | 1.000.000                                | Cao Hồng Lạc    | 5903205500908 | Agribank                      | 385389421 |
| Cộng: 16 người lao động |                 |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | 16.000.000                                |                    |                |                                          |                 |               |                               |           |

| III. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi |                     |                 |                                 |                                |                                 |                                                |                |                                              |               |           |                               |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
| TT                                                                                                   | Họ và tên           | Số TT tại mục I | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2 | Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng | Số tiền hỗ trợ | Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ | Số tài khoản  | Ngân hàng | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
| 1                                                                                                    | Nguyễn Hồng Ái      | 412             | Lê Bích Chi                     | 15/08/2016                     | Lê Văn Dũ                       | 385225171                                      | 1.000.000      | Nguyễn Hồng Ái                               | 5903205457889 | Agribank  | 385139375                     |
| 2                                                                                                    | Nguyễn Thị Ngọc Anh | 771             | Đậu Nguyễn Hai Nguyễn           | 08/04/2017                     | Đậu Hải Nam                     | 271848357                                      | 1.000.000      | Nguyễn Thị Ngọc anh                          | 5903205525894 | Agribank  | 272052691                     |
| 3                                                                                                    | Nguyễn Ngọc Anh     | 25              | Nguyễn Ngọc Thiên Phúc          | 27/08/2020                     | Nguyễn Thị Hào                  | 183813080                                      | 1.000.000      | Nguyễn Ngọc Anh                              | 5903205685153 | Agribank  | 183718871                     |
|                                                                                                      |                     |                 | Nguyễn Ngọc Thiên Phước         | 27/08/2020                     |                                 |                                                | 1.000.000      |                                              |               |           |                               |
| 4                                                                                                    | Nguyễn Thị Ánh      | 1105            | Đặng Hồng Lụa                   | 12/9/2020                      | Đặng Văn Giang                  | 381365097                                      | 1.000.000      | Nguyễn Thị Ánh                               | 5903205666720 | Agribank  | 381576315                     |
| 5                                                                                                    | Dương Kim Anh       | 526             | Trần Kim Yến                    | 28/07/2016                     | Trần Văn Tâm                    | 371209056                                      | 1.000.000      | Dương Kim Anh                                | 5903205456726 | Agribank  | 385554976                     |
| 6                                                                                                    | Lê Thị Ái           | 475             | Trương Trọng Nghĩa              | 02/02/2018                     | Trương Văn Hiếu                 | 381641186                                      | 1.000.000      | Lê Thị Ái                                    | 5903205456630 | Agribank  | 381452494                     |
| 7                                                                                                    | Nguyễn Thị Ba       | 456             | Trịnh Quốc Khánh                | 06/3/2019                      | Trịnh Quốc Tuấn                 | 38086012587                                    | 1.000.000      | Nguyễn Thị Ba                                | 5903205798377 | Agribank  | 186697771                     |



| TT | Họ và tên            | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm <b>ĐÔNG</b> bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) |                   |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|    |                      |                                 |                        |                                  |                | HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương                                                          | Từ ngày tháng năm | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 8  | Nguyễn Thị Ba        | 456                             | Trình Quốc Huy         |                                  | 19/05/2017     | Trình Quốc Tuấn                                                                      |                   | 38086012587        | 1.000.000      | Nguyễn Thị Ba                            | 5903205798377 | Agribank  | 186697771                     |
| 9  | Huỳnh Thị Bé Ba      | 977                             | Trần Gia Khánh         |                                  | 11/02/2018     | Trần Văn Hoay                                                                        |                   | 341421709          | 1.000.000      | Huỳnh Thị Bé Ba                          | 5903205526063 | Agribank  | 381213401                     |
| 10 | Nguyễn Thị Bé        | 286                             | Nguyễn Phạm Quỳnh Anh  |                                  | 16/09/2017     | Nguyễn Tiến Hào                                                                      |                   | 271700727          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Bé                            | 5903205455390 | Agribank  | 271963757                     |
| 11 | Nguyễn Thị Ngọc Bích | 155                             | Trần Hữu Nhật Minh     |                                  | 11/1/2021      | Trần Hữu Thắng                                                                       |                   | 197255674          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Ngọc Bích                     | 5903205643249 | Agribank  | 285468434                     |
| 12 | Võ Thị Cẩm           | 960                             | Võ Thành Trục          |                                  | 30/11/2019     | Nguyễn Văn Ít                                                                        |                   | 385461874          | 1.000.000      | Võ Thị Cẩm                               | 5903205808840 | Agribank  | 385750138                     |
| 13 | Nguyễn Thị Châu      | 140                             | Trần Nhã Thy           |                                  | 24/10/2019     | Trần Sơn Lam                                                                         |                   | 381743214          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Châu                          | 5903205651644 | Agribank  | 225663997                     |
| 14 | Đỗ Thị Diễm Chi      | 856                             | Nguyễn Thị Thu Quỳnh   |                                  | 29/04/2020     | Nguyễn Văn Tĩnh                                                                      |                   | 371733373          | 1.000.000      | Đỗ Thị Diễm Chi                          | 5903205619924 | Agribank  | 371733668                     |
| 15 | Bùi Minh Chiêu       | 746                             | Bùi Quang Mạnh         |                                  | 25/10/2016     | Nguyễn Thị Thúy                                                                      |                   | 272805596          | 1.000.000      | Bùi Minh Chiêu                           | 5903205822913 | Agribank  | 272146762                     |
| 16 | Bùi Thị Diệu         | 190                             | Võ Thị Tuyết Nhung     |                                  | 23/12/2020     | Võ Chí Nguyễn                                                                        |                   | 381338903          | 1.000.000      | Bùi Thị Diệu                             | 5903205456256 | Agribank  | 385466729                     |
| 17 | Lê Minh Dũng         | 980                             | Lê Minh Lương          |                                  | 06/10/2017     | Phùng Thị Bích Tuyền                                                                 |                   | 381404579          | 1.000.000      | Lê Minh Dũng                             | 5903205710432 | Agribank  | 381071902                     |
| 18 | Phạm Văn Duy         | 472                             | Phạm Minh Đăng         |                                  | 29/04/2019     | Nguyễn Mai Trần                                                                      |                   | 385426884          | 1.000.000      | Phạm Văn Duy                             | 5903205452600 | Agribank  | 385340488                     |
| 19 | Đinh Thị Mỹ Duyên    | 376                             | Đăng Quang Đạt         |                                  | 05/12/2020     | Đăng Quang Lập                                                                       |                   | 183372056          | 1.000.000      | Đinh Thị Mỹ Duyên                        | 5903205460332 | Agribank  | 183930603                     |
|    |                      |                                 | Đăng Quang Thành       |                                  | 26/06/2018     |                                                                                      | 1.000.000         |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 20 | Trần Thị Trang Đài   | 515                             | Đoàn Bảo Khang         |                                  | 31/11/2020     | Đoàn Thành Trọng                                                                     |                   | 163084221          | 1.000.000      | Trần Thị Trang Đài                       | 5903205650930 | Agribank  | 272153650                     |
|    |                      |                                 | Đoàn Gia Bảo           |                                  | 24/11/2016     |                                                                                      | 1.000.000         |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 21 | Nguyễn Chúc Đào      | 1115                            | Hồ Như Quỳnh           |                                  | 11/12/2020     | Hồ Công Khanh                                                                        |                   | 381848431          | 1.000.000      | Nguyễn Chúc Đào                          | 5903205670770 | Agribank  | 382012220                     |
| 22 | Trần Văn Đào         | 704                             | Trần Thị Yến Nhi       |                                  | 24/04/2018     | Nguyễn Thị Huệ                                                                       |                   | 68194000719        | 1.000.000      | Trần Văn Đào                             | 5903205564917 | Agribank  | 381410111                     |
| 23 | Trần Văn Đào         | 704                             | Trần Thị Thảo Vy       |                                  | 04/8/2021      | Nguyễn Thị Huệ                                                                       |                   | 68194000719        | 1.000.000      | Trần Văn Đào                             | 5903205564917 | Agribank  | 381410111                     |



| TT | Họ và tên              | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động   | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|------------------------|---------------------------------|--------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|    |                        |                                 |                          |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 24 | Trần Văn Đen           | 247                             | Trần Chí Tâm             |                                  | 06/9/2020      | Nguyễn Thị Đào                                                           | 96183001322                             |                    | 1.000.000      | Trần Văn Đen                             | 5903205518252 | Agribank  | 381137357                     |
| 25 | Nguyễn Thị Đẹp         | 810                             | Nguyễn Bảo Anh           |                                  | 24/11/2016     | Nguyễn Liễu Giang                                                        | 381703107                               |                    | 1.000.000      | Nguyễn Thị Đẹp                           | 5903205624317 | Agribank  | 341822566                     |
|    |                        |                                 | Nguyễn Bảo Nam           |                                  | 27/11/2020     |                                                                          |                                         |                    | 1.000.000      |                                          |               |           |                               |
| 26 | Phạm Thị Cẩm Giang     | 253                             | Nguyễn Thị Bảo Trân      |                                  | 11/9/2016      | Nguyễn Văn Rol                                                           | 371161288                               |                    | 1.000.000      | Phạm Thị Cẩm Giang                       | 5903205456761 | Agribank  | 381489593                     |
|    |                        |                                 | Nguyễn Anh Tuấn          |                                  | 09/11/2020     |                                                                          |                                         |                    | 1.000.000      |                                          |               |           |                               |
| 27 | Trần Thị Cẩm Giang     | 101                             | Trần Quang Thái          |                                  | 31/10/2018     | Trần Văn Hòa                                                             | 186362012                               |                    | 1.000.000      | Trần Thị Cẩm Giang                       | 590320543212  | Agribank  | 183467408                     |
| 28 | Nguyễn Thị Hương Giang | 670                             | Nguyễn Lương Nguyễn Khôi |                                  | 03/4/2020      | Nguyễn Lương Hiếu                                                        | 183675195                               |                    | 1.000.000      | Nguyễn Thị Hương Giang                   | 5903205538713 | Agribank  | 184027492                     |
| 29 | Dương Thị Thu Hà       | 909                             | Lý Hữu Phát              |                                  | 16/12/2016     | Lý Pha Rum                                                               | 365786624                               |                    | 1.000.000      | Dương Thị Thu Hà                         | 5903205782700 | Agribank  | 365786146                     |
| 30 | Huỳnh Ngọc Hà          | 780                             | Huỳnh Ngọc Huyền         |                                  | 23/11/2018     | Lê Quốc Nhân                                                             | 385222246                               |                    | 1.000.000      | Huỳnh Ngọc Hà                            | 5903205725850 | Agribank  | 365048468                     |
| 31 | Lê Chí Hải             | 932                             | Giấy Chứng Sinh          |                                  | 01/9/2021      | Lê Thanh Ngân                                                            | 381977767                               |                    | 1.000.000      | Lê Chí Hải                               | 5903205705592 | Agribank  | 385785274                     |
| 32 | Hoàng Thị Hạnh         | 161                             | Phan Diệp Nhi            |                                  | 02/1/2020      | Phan Văn Đồng                                                            | 276127400                               |                    | 1.000.000      | Hoàng Thị Hạnh                           | 5903205454431 | Agribank  | 186494258                     |
| 33 | Nguyễn Thị Hằng        | 385                             | Nguyễn Hữu Hiệp          |                                  | 08/11/2018     | Nguyễn Văn Tú                                                            | 112431403                               |                    | 1.000.000      | Nguyễn Thị Hằng                          | 5903205456913 | Agribank  | 135348026                     |
| 34 | Nguyễn Thị Hiền        | 671                             | Danh Nguyễn Gia Hân      |                                  | 10/9/2020      | Danh Phương Bình                                                         | 385379907                               |                    | 1.000.000      | Nguyễn Thị Hiền                          | 5903205544269 | Agribank  | 385792758                     |
| 35 | Ngô Thị Thu Hiền       | 47                              | Lê Gia Hưng              |                                  | 10/4/2019      | Lê Quốc Thắng                                                            | 186051472                               |                    | 1.000.000      | Ngô Thị Thu Hiền                         | 5903205456749 | Agribank  | 187847937                     |
| 36 | Thạch Thị Hoi          | 795                             | Thạch Số Thi             |                                  | 09/3/2016      | không có chồng                                                           |                                         |                    | 1.000.000      | Thạch Thị Hoi                            | 5903205710461 | Agribank  | 334964195                     |
| 37 | Ngô Thị Hồng           | 16                              | Hà Khánh Vy              |                                  | 03/3/2016      | Hà Văn Hùng                                                              | 82071293                                |                    | 1.000.000      | Ngô Thị Hồng                             | 5903205184016 | Agribank  | 186626463                     |
| 38 | Lê Thị Huệ             | 747                             | Nguyễn Nam Đại           |                                  | 09/01/2016     | Nguyễn Nam Đức                                                           | 182246729                               |                    | 1.000.000      | Lê Thị Huệ                               | 5903205665002 | Agribank  | 272715904                     |
| 39 | Lê Thị Huệ             | 747                             | Nguyễn Huỳnh Như         |                                  | 18/08/2017     | Nguyễn Nam Đức                                                           | 182246729                               |                    | 1.000.000      | Lê Thị Huệ                               | 5903205665002 | Agribank  | 272715904                     |



| TT | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động                 | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) |                    | Số tiền hỗ trợ         | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|-----------------------|---------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|    |                       |                                 |                                        |                                  |                | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương                           | Đến ngày tháng năm |                        | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 40 | Trịnh Quốc Huy        | 117                             | Trịnh Lê Trung Hiếu<br>Giấy Chứng Sinh | 02/9/2016<br>21/07/2021          |                | Lê Thị Minh Kiên                                                         | 221269190          | 1.000.000<br>1.000.000 | Trịnh Quốc Huy                           | 5903205452509 | Agribank  | 272438903                     |
| 41 | Dương Thị Yến         | 284                             | Quách Dương Tường Vi                   | 02/11/2020                       |                | Quách Ngọc Huy                                                           | 113502754          | 1.000.000              | Dương Thị Yến                            | 5903205069227 | Agribank  | 186863505                     |
| 42 | Đặng Thị Hương        | 8                               | Hồ Ngọc Bảo An                         | 22/09/2017                       |                | Hồ Đình Quân                                                             | 186891442          | 1.000.000              | Đặng Thị Hương                           | 5903205547982 | Agribank  | 60980595                      |
| 43 | Nguyễn Thị Bích Hương | 1112                            | Quách Mộng Nghi                        | 14/08/2017                       |                | Quách Chí Thanh                                                          | 381816116          | 1.000.000              | Nguyễn Thị Bích Hương                    | 5903205664790 | Agribank  | 381944965                     |
| 44 | Chau Thị Hương        | 239                             | Nguyễn Minh Đức                        | 08/11/2019                       |                | Nguyễn Văn Hiếu                                                          | 231073361          | 1.000.000              | Chau Thị Hương                           | 5903205464327 | Agribank  | 186665328                     |
| 45 | Lê Thị Hương          | 765                             | Nguyễn Hoàng Khang                     | 20/12/2018                       |                | Nguyễn Văn Thảo                                                          | 77079000521        | 1.000.000              | Lê Thị Hương                             | 5903205758632 | Agribank  | 7.748E+10                     |
| 46 | Lê Thị Hương          | 322                             | Nguyễn Thanh Tâm                       | 07/02/2016                       |                | Nguyễn Đức Trinh                                                         | 163086950          | 1.000.000              | Lê Thị Hương                             | 5903205460680 | Agribank  | 183845975                     |
| 47 | Trịnh Thị Cẩm Hương   | 403                             | Lê Thị Như Ý<br>Lê Thị Cát Tường       | 23/07/2018<br>23/07/2018         |                | Lê Văn Nhân                                                              | 352231239          | 1.000.000<br>1.000.000 | Trịnh Thị Cẩm Hương                      | 5903205473646 | Agribank  | 352233631                     |
| 48 | Nguyễn Thị Mỹ Hương   | 436                             | Lê Thị Kim Ánh                         | 22/12/2018                       |                | Lê Văn Đến                                                               | 351658867          | 1.000.000              | Nguyễn Thị Mỹ Hương                      | 5903205466141 | Agribank  | 352342238                     |
| 49 | Lê Văn Kiên           | 105                             | Lê Bình An                             | 22/06/2019                       |                | Hà Thị Hằng                                                              | 134483647          | 1.000.000              | Lê Văn Kiên                              | 5903205452488 | Agribank  | 172180815                     |
| 50 | Danh Thị Thanh Kiều   | 893                             | Châu Thị Diễm My                       | 28/06/2016                       |                | Chau Sóc Phia                                                            | 364193637          | 1.000.000              | Danh Thị Thanh Kiều                      | 5903205687750 | Agribank  | 363948231                     |
| 51 | Trần Tiếp Khắc        | 455                             | Trần Văn Thuận                         | 02/7/2018                        |                | Đặng Kiều Diễm                                                           | 381459691          | 1.000.000              | Trần Tiếp Khắc                           | 5903205653939 | Agribank  | 381591708                     |
| 52 | Đặng Kiều Diễm        | 533                             | Trần Thảo Vy                           | 25/03/2016                       |                | Trần Tiếp Khắc                                                           | 381591708          | 1.000.000              | Đặng Kiều Diễm                           | 5903205666789 | Agribank  | 381459691                     |
| 53 | Nguyễn Thị Lài        | 269                             | Võ Thị Huyền Trinh                     | 11/01/2019                       |                | Võ Quốc Duy                                                              | 381534717          | 1.000.000              | Nguyễn Thị Lài                           | 5903205441729 | Agribank  | 381440294                     |
| 54 | Phạm Thị Lan          | 165                             | Lê Thái Sơn                            | 06/11/2016                       |                | Lê Duy Thanh                                                             | 272434651          | 1.000.000              | Phạm Thị Lan                             | 5903205464123 | Agribank  | 276029326                     |
| 55 | Nguyễn Thị Lành       | 236                             | Lâm Minh Kha                           | 08/11/2020                       |                | Lâm Tuấn Anh                                                             | 371605491          | 1.000.000              | Nguyễn Thị Lành                          | 5903205463195 | Agribank  | 372098532                     |



| TT | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|--------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|    |                    |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 56 | Nguyễn Thị Lành    | 236                             | Lâm Minh Khôi          |                                  | 21/06/2016     | Lâm Tuấn Anh                                                             |                                                | 371605491          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Lành                          | 5903205463195 | Agribank  | 372098532                     |
| 57 | Thị Kim Lành       | 507                             | Thị Kim Ngân           |                                  | 10/12/2019     | Danh Cạnh                                                                |                                                | 371622183          | 1.000.000      | Thị Kim Lành                             | 5903205482291 | Agribank  | 371647485                     |
| 58 | Ngô Thị Yến Linh   | 1078                            | Ngô Phạm Việt Tinh     |                                  | 13/12/2017     | không có chồng                                                           |                                                |                    | 1.000.000      | Ngô Thị Yến Linh                         | 5903205685147 | Agribank  | 381977423                     |
| 59 | Lê Hồng Linh       | 711                             | Lê Trần Tường Vy       |                                  | 15/10/2019     | không có chồng                                                           |                                                |                    | 1.000.000      | Lê Hồng Linh                             | 5903205571284 | Agribank  | 385681616                     |
| 60 | Nguyễn Kim Loan    | 781                             | Ngô Nguyễn Nghi        |                                  | 22/07/2019     | Ngô Văn Kết                                                              |                                                | 341601667          | 1.000.000      | Nguyễn Kim Loan                          | 5903205796359 | Agribank  | 371476200                     |
| 61 | La Thị Lôi         | 288                             | Mạc Chí Khang          |                                  | 05/8/2017      | Mạc Văn Bội                                                              |                                                | 381682202          | 1.000.000      | La Thị Lôi                               | 5903205177027 | Agribank  | 73242297                      |
| 62 | Tạ Thị Út Lớn      | 1027                            | Đào Khánh Vy           |                                  | 31/3/2018      | Đào Minh Vương                                                           |                                                | 381549304          | 1.000.000      | Tạ Thị Út Lớn                            | 5903205808833 | Agribank  | 381601272                     |
| 63 | Nguyễn Thị Hải Lý  | 151                             | Lê Thị Phương Khanh    |                                  | 08/12/2017     | Lê Ngọc Lâm                                                              |                                                | 241014580          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Hải Lý                        | 5903205798252 | Agribank  | 241696682                     |
| 64 | Nguyễn Thị Mai     | 547                             | Nguyễn Trần Khang      |                                  | 29/12/2017     | Nguyễn Mười Lâm                                                          |                                                | đã chồng bỏ        | 1.000.000      | Nguyễn Thị Mai                           | 5903205462140 | Agribank  | 385168842                     |
| 65 | Đậu Thị Liên       | 164                             | Vương Bảo Ngọc         |                                  | 10/10/2017     | Vương Bá Chương                                                          |                                                | 272501305          | 1.000.000      | Đậu Thị Liên                             | 5903205523512 | Agribank  | 271908243                     |
| 66 | Huỳnh Thị Ngọc Mai | 414                             | Nguyễn Huỳnh Duy Khang |                                  | 12/11/2020     | Nguyễn Vũ Linh                                                           |                                                | 381563655          | 1.000.000      | Huỳnh Thị Ngọc Mai                       | 5903205236728 | Agribank  | 272107335                     |
| 67 | Nguyễn Văn Minh    | 227                             | Nguyễn Lê Duyên        |                                  | 25/07/2019     | Trần Thị Bạch Lê                                                         |                                                | 271607344          | 1.000.000      | Nguyễn Văn Minh                          | 5903205809019 | Agribank  | 341396505                     |
| 68 | Nguyễn Văn Minh    | 227                             | Nguyễn Minh Nhân       |                                  | 21/08/2016     | Trần Thị Bạch Lê                                                         |                                                | 271607344          | 1.000.000      | Nguyễn Văn Minh                          | 5903205809019 | Agribank  | 341396505                     |
| 69 | Lê Thị Ný Na       | 735                             | Lê Thị Thiên Kim       |                                  | 01/7/2016      | Trần Văn Bảo                                                             |                                                | 381755514          | 1.000.000      | Lê Thị Ný Na                             | 5903205582318 | Agribank  | 352354527                     |
| 70 | Lê Thị Ný Na       | 735                             | Trần Bảo Long          |                                  | 07/10/2020     | Trần Văn Bảo                                                             |                                                | 381755514          | 1.000.000      | Lê Thị Ný Na                             | 5903205582318 | Agribank  | 352354527                     |
| 71 | Huỳnh Quốc Nin     | 304                             | Huỳnh Thị Khả Ái       |                                  | 21/04/2021     | Huỳnh Thị Đàm                                                            |                                                | 381247235          | 1.000.000      | Huỳnh Quốc Nin                           | 5903205293403 | Agribank  | 381603173                     |
| 72 | Trần Thị Nơi       | 546                             | Trịnh Nhật Hạ          |                                  | 20/11/2019     | Trịnh Văn Tuấn                                                           |                                                | 381620537          | 1.000.000      | Trần Thị Nơi                             | 5903205462061 | Agribank  | 381674747                     |
| 73 | Kim Thị Ngân       | 897                             | Thạch Minh Tâm         |                                  | 22/06/2019     | Thạch Cao Rinh                                                           |                                                | 365854584          | 1.000.000      | Kim Thị Ngân                             | 5903205591643 | Agribank  | 366207545                     |



| TT | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|-----------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|    |                       |                                 |                         |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 74 | Lê Thoại Ngân         | 1095                            | Quách Triệu Phú         | 27/06/2019                       |                | Quách Chí Toàn                                                           |                                                | 381801440          | 1.000.000      | Lê Thoại Ngân                            | 5903205650868 | Agribank  | 381922181                     |
| 75 | Lâm Nhật Nghiêm       | 538                             | Lâm Quốc Huy            | 19/04/2021                       |                | Trần Thùy Trang                                                          |                                                | 381389424          | 1.000.000      | Lâm Nhật Nghiêm                          | 5903205644048 | Agribank  | 381364922                     |
| 76 | Tô Hoàng Ngọc         | 439                             | Giấy Chứng Sinh         | 28/07/2021                       |                | Lê Thị Mỹ Hương                                                          |                                                | 366073990          | 1.000.000      | Tô Hoàng Ngọc                            | 5903205452652 | Agribank  | 366023983                     |
| 77 | Trịnh Huỳnh Nha       | 573                             | Nguyễn Trịnh Quỳnh Giao | 14/05/2019                       |                | Nguyễn Kho Dil                                                           |                                                | 381615392          | 1.000.000      | Trịnh Huỳnh Nha                          | 5903205174800 | Agribank  | 381471739                     |
| 78 | Nguyễn Thị Nhan       | 675                             | Trần Duy Đức            | 01/11/2018                       |                | Trần Hoàng Dũng                                                          |                                                | 351645311          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Nhan                          | 5903205550357 | Agribank  | 351645822                     |
| 79 | Nguyễn Thị Nhạn       | 675                             | Trần Bích Châu          | 11/9/2015                        |                | Trần Hoàng Dũng                                                          |                                                | 351645311          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Nhạn                          | 5903205550357 | Agribank  | 351645822                     |
| 80 | Lê Văn Nhất           | 616                             | Lê Thị Thảo Như         | 02/4/2018                        |                | Lang Thị Nhân                                                            |                                                | 174892210          | 1.000.000      | Lê Văn Nhất                              | 5903205500870 | Agribank  | 3.8091E+10                    |
| 81 | Nguyễn Minh Nhí       | 419                             | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm    | 07/8/2017                        |                | Nguyễn Thị Huệ                                                           |                                                | 273562873          | 1.000.000      | Nguyễn Minh Nhí                          | 5903205459100 | Agribank  | 381778940                     |
| 82 | Mã Văn Nhị            | 144                             | Giấy Chứng Sinh         | 12/7/2021                        |                | Lê Thị Lợi                                                               |                                                | 261319235          | 1.000.000      | Mã Văn Nhị                               | 5903205624250 | Agribank  | 261533586                     |
| 83 | Nguyễn Thị Yến Nhi    | 645                             | Nguyễn Ngọc Tường Vy    | 06/6/2017                        |                | Trần Nhật Duy                                                            |                                                | 381793404          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Yến Nhi                       | 5903205619947 | Agribank  | 381806492                     |
| 84 | Nguyễn Thị Nhi        | 725                             | Dương Thị Yến Trinh     | 01/11/2018                       |                | Dương Hải Long                                                           |                                                | 334581865          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Nhi                           | 5903205480750 | Agribank  | 381894514                     |
| 85 | Nguyễn Thị Mỹ Nhiên   | 860                             | Nguyễn Ngọc Thảo        | 04/6/2016                        |                | Nguyễn Văn Bảo                                                           |                                                | 370998895          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Mỹ Nhiên                      | 5903205630723 | Agribank  | 371982061                     |
| 86 | Nguyễn Thị Nhỏ        | 1050                            | Lê Văn Chở              | 11/8/2016                        |                | Lê Văn Bạc                                                               |                                                | 381360898          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Nhỏ                           | 5903205602287 | Agribank  | 381643803                     |
| 87 | Nguyễn Thị Huỳnh Như  | 849                             | Nguyễn Thị Ánh Tuyết    | 14/09/2017                       |                | Phạm Hữu Khánh                                                           |                                                | 385478112          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Huỳnh Như                     | 5903205687839 | Agribank  | 385899640                     |
| 88 | Nguyễn Thị Huỳnh Như  | 849                             | Phạm Triệu Kha          | 19/06/2020                       |                | Phạm Hữu Khánh                                                           |                                                | 385478112          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Huỳnh Như                     | 5903205687839 | Agribank  | 385899640                     |
| 89 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | 774                             | Phạm Nguyễn Gia Bảo     | 06/6/2019                        |                | Phạm Văn Long                                                            |                                                | 272917251          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Hồng Nhung                    | 5903205517969 | Agribank  | 271989762                     |
| 90 | Nguyễn Thị Nhung      | 271                             | Lê Thái Trinh           | 06/9/2017                        |                | Lê Hoàng Nam                                                             |                                                | 371292045          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Nhung                         | 5903205422015 | Agribank  | 381625125                     |
| 91 | Trần Thị Tuyết Nhung  | 113                             | Nguyễn Trần Ngọc Vy     | 13/05/2016                       |                | Nguyễn Khắc Hùng                                                         |                                                | 272540897          | 1.000.000      | Trần Thị Tuyết Nhung                     | 5903205463108 | Agribank  | 272801323                     |



| TT  | Họ và tên              | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ | Số số bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|------------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|     |                        |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 92  | Trịnh Thị Nhung        | 66                              | Nguyễn Anh Thư         |                                  | 01/7/2016      | Nguyễn Văn Dũng                                                          |                                          | 173377015          | 1.000.000      | Trịnh Thị Nhung                          | 5903205219049 | Agribank  | 172244578                     |
| 93  | Nguyễn Thị Nhung       | 330                             | Trần Thiên Phúc        |                                  | 16/11/2020     | Trần Quang Phước                                                         |                                          | 272989507          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Nhung                         | 5903205461420 | Agribank  | 271884309                     |
| 94  | Nguyễn Hồng Như        | 693                             | Nguyễn Hải Bằng        |                                  | 27/05/2019     | Nguyễn Văn Mai                                                           |                                          | 381659238          | 1.000.000      | Nguyễn Hồng Như                          | 5903205560590 | Agribank  | 381693525                     |
| 95  | Lê Thị Huỳnh Như       | 581                             | Hồ Ngọc Minh Khang     |                                  | 15/07/2019     | Hồ Minh Mẫn                                                              |                                          | 381713057          | 1.000.000      | Lê Thị Huỳnh Như                         | 5903205467196 | Agribank  | 352301391                     |
| 96  | Bùi Thị Quỳnh Như      | 147                             | Nguyễn Quỳnh Oanh      |                                  | 24/04/2016     | Nguyễn Thành Công                                                        |                                          | 172503255          | 1.000.000      | Bùi Thị Quỳnh Như                        | 5903205798246 | Agribank  | 271664534                     |
| 97  | Huỳnh Thị Oanh         | 889                             | Quang Huỳnh Ngọc Lam   |                                  | 01/02/2018     | Quang Văn Việt                                                           |                                          | 363891759          | 1.000.000      | Huỳnh Thị Oanh                           | 5903205684932 | Agribank  | 363891758                     |
| 98  | Trương Chí Phúc        | 718                             | Trương Ngọc Huyền      |                                  | 16/09/2019     | Phạm Tú Ni                                                               |                                          | 385765372          | 1.000.000      | Trương Chí Phúc                          | 5903205565440 | Agribank  | 381911811                     |
| 99  | Nguyễn Hải Phương      | 676                             | Nguyễn Thủy Ngân       |                                  | 14/09/2020     | Nguyễn Yến Nhi                                                           |                                          | 381878960          | 1.000.000      | Nguyễn Hải Phương                        | 5903205548151 | Agribank  | 381878396                     |
| 100 | Thị Phương             | 595                             | Danh Đăng Khoa         |                                  | 09/6/2020      | Danh Che                                                                 |                                          | 371237292          | 1.000.000      | Thị Phương                               | 5903205473929 | Agribank  | 385539919                     |
| 101 | Nguyễn Út Phương       | 287                             | Nguyễn Phước Thiêng    |                                  | 03/3/2017      | Nguyễn Văn Phước                                                         |                                          | 381845319          | 1.000.000      | Nguyễn Út Phương                         | 5903205162269 | Agribank  | 381139344                     |
| 102 | Nguyễn Thị Phương      | 21                              | Lê Bảo Ngọc            |                                  | 13/09/2018     | Lê Đăng Trường                                                           |                                          | 183883395          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Phương                        | 5903205460638 | Agribank  | 184178665                     |
| 103 | Nguyễn Thị Bích Phương | 305                             | Nguyễn Việt Nam        |                                  | 14/06/2017     | Nguyễn Văn Quang                                                         |                                          | 352014104          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Bích Phương                   | 5903205252622 | Agribank  | 351836813                     |
| 104 | Lê Đức Quang           | 79                              | Lê Kim Ngân            |                                  | 27/03/2021     | Hoàng Thị Thu                                                            |                                          | 186026702          | 1.000.000      | Lê Đức Quang                             | 5903205452929 | Agribank  | 186073932                     |
| 105 | Thạch Sa Quân          | 787                             | Thạch Nhật Huy         |                                  | 24/03/2021     | Thạch Thị Chanh Đa                                                       |                                          | 334524479          | 1.000.000      | Thạch Sa Quân                            | 5903205733155 | Agribank  | 334260090                     |
| 106 | Trần Văn Sang          | 768                             | Trần Lê Thiên Ân       |                                  | 07/3/2017      | Hà Lê Thiên Thanh                                                        |                                          | 276059260          | 1.000.000      | Trần Văn Sang                            | 5903205643630 | Agribank  | 371194566                     |
| 107 | Phan Thị Sáu           | 744                             | Vũ Thu An              |                                  | 17/03/2018     | Vũ Đức Nha                                                               |                                          | 261057243          | 1.000.000      | Phan Thị Sáu                             | 5903205364548 | Agribank  | 276041373                     |
| 108 | Phan Văn Sil           | 223                             | Phan Thị Lan Ngọc      |                                  | 02/10/2018     | Đặng Thị Lan                                                             |                                          | 382048926          | 1.000.000      | Phan Văn Sil                             | 5903205460218 | Agribank  | 381606231                     |
| 109 | Trần Ngọc Sương        | 951                             | Nguyễn Thùy Ngân       |                                  | 19/10/2017     | Nguyễn Chí Linh                                                          |                                          | 385187877          | 1.000.000      | Trần Ngọc Sương                          | 5903205491631 | Agribank  | 385187839                     |



| TT  | Họ và tên            | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/người không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|     |                      |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                               | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 110 | Kiên Thị Ngọc Sương  | 794                             | Kiên Thị Ngọc Trinh    | 25/01/2018                       |                | không có chồng                                                           |                                                 |                    | 1.000.000      | Kiên Thị Ngọc Sương                      | 5903205643760 | Agribank  | 334815300                     |
| 111 | Lê Hùng Tạng         | 233                             | Lê Hồng Phong          | 16/04/2021                       |                | Hồng Thị Ngân                                                            |                                                 | 385514949          | 1.000.000      | Lê Hùng Tạng                             | 5903205461870 | Agribank  | 385514949                     |
| 112 | Phạm Chí Tâm         | 352                             | Phạm Khánh Đăng        | 01/11/2018                       |                | Nguyễn Thu Thảo                                                          |                                                 | 381761559          | 1.000.000      | Phạm Chí Tâm                             | 5903205458800 | Agribank  | 381660583                     |
| 113 | Nguyễn Thị Thanh Tâm | 512                             | Nguyễn Nhật Kim Anh    | 23/02/2019                       |                | Nguyễn Văn Sĩ                                                            |                                                 | 371102294          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Thanh Tâm                     | 5903205441242 | Agribank  | 371825139                     |
| 114 | Nguyễn Thị Kiều Tiên | 803                             | Mai Linh Huệ           | 04/11/2015                       |                | Mai Văn Hải                                                              |                                                 | 331241767          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Kiều Tiên                     | 5903205684949 | Agribank  | 331694620                     |
| 115 | Phạm Thị Kiều Tiên   | 337                             | Danh Hải Đăng          | 30/03/2016                       |                | Danh Tùng                                                                |                                                 | 363653313          | 1.000.000      | Phạm Thị Kiều Tiên                       | 5903205457105 | Agribank  | 272944320                     |
| 116 | Phạm Văn Toàn        | 999                             | Phạm Hải Đăng          | 25/05/2018                       |                | không có tên mẹ gks                                                      |                                                 | mẹ bỏ đi           | 1.000.000      | Phạm Văn Toàn                            | 5903205725764 | Agribank  | 381755249                     |
| 117 | Nguyễn Thanh Tú      | 506                             | Nguyễn Tố Xương        | 27/10/2016                       |                | Nguyễn Chí Luân                                                          |                                                 | 381241515          | 1.000.000      | Nguyễn Thanh Tú                          | 5903205705570 | Agribank  | 381706757                     |
|     |                      |                                 | Nguyễn Tố Mai          | 13/07/2018                       |                |                                                                          | 1.000.000                                       |                    |                |                                          |               |           |                               |
| 118 | Lê Thị Thanh Tú      | 106                             | Đoàn Ngọc Mai Khuê     | 14/02/2019                       |                | Đoàn Thế Dương                                                           |                                                 | 271478620          | 1.000.000      | Lê Thị Thanh Tú                          | 5903205463189 | Agribank  | 271624378                     |
| 119 | Chữ Đức Tuấn         | 428                             | Chữ Quang Minh         | 01/8/2017                        |                | Lê Thị Quỳnh                                                             |                                                 | 272300934          | 1.000.000      | Chữ Đức Tuấn                             | 5903205464202 | Agribank  | 271872901                     |
| 120 | Quách Chí Thanh      | 1108                            | Quách Kiều Nghi        | 14/08/2017                       |                | Nguyễn Thị Bích Hương                                                    |                                                 | 381944965          | 1.000.000      | Quách Chí Thanh                          | 5903205665019 | Agribank  | 381816116                     |
| 121 | Huỳnh Trúc Thành     | 395                             | Dương Trùng Dương      | 17/12/2015                       |                | Dương Hoàng Đảm                                                          |                                                 | 381186301          | 1.000.000      | Huỳnh Trúc Thành                         | 5903205460696 | Agribank  | 381340607                     |
| 122 | Nguyễn Thị Bé Thảo   | 446                             | Huỳnh Minh Triết       | 24/04/2020                       |                | Huỳnh Văn Liêm                                                           |                                                 | 381621796          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Bé Thảo                       | 5903205462344 | Agribank  | 381621795                     |
| 123 | Lê Thị Kim Thiện     | 391                             | Bùi Thanh Sang         | 21/09/2018                       |                | Bùi Công Bằng                                                            |                                                 | 381225737          | 1.000.000      | Lê Thị Kim Thiện                         | 5903205774600 | Agribank  | 7,7188E+10                    |
| 124 | Trần Thị Kim Thoa    | 407                             | Nguyễn Trần Thanh Vân  | 12/11/2016                       |                | Nguyễn Quốc Công                                                         |                                                 | 271147495          | 1.000.000      | Trần Thị Kim Thoa                        | 5903205632820 | Agribank  | 221133937                     |
| 125 | Nguyễn Thị Thơm      | 333                             | Trần Phương Thảo       | 03/5/2017                        |                | Trần Ngọc Thành                                                          |                                                 | 186882589          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Thơm                          | 5903205454448 | Agribank  | 183616818                     |



| TT  | Họ và tên            | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động                | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm           | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ         | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|----------------------|---------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|------------------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|     |                      |                                 |                                       |                                  |                          |                                                                          | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                        | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 126 | Tô Cẩm Thu           | 1011                            | Nguyễn Phú Anh<br>Nguyễn Ngọc Mai Anh | 20/07/2018<br>06/11/2016         | 20/07/2018<br>06/11/2016 | Nguyễn Hoài Nhân                                                         | 381647007                               |                    | 1.000.000<br>1.000.000 | Tô Cẩm Thu                               | 5903205782593 | Agribank  | 381820428                     |
| 127 | Huỳnh Thị Ngọc Thuận | 892                             | Nguyễn Huỳnh Gia Hân                  | 27/09/2016                       | 27/09/2016               | Nguyễn Hoàng Ba                                                          | 363750653                               |                    | 1.000.000              | Huỳnh Thị Ngọc Thuận                     | 5903205620033 | Agribank  | 364078440                     |
| 128 | Lê Thị Bích Thủy     | 978                             | Vũ Tuấn Đạt                           | 27/09/2016                       | 27/09/2016               | Vũ Tuấn Anh                                                              | 172132619                               |                    | 1.000.000              | Lê Thị Bích Thủy                         | 5903205404071 | Agribank  | 381651936                     |
| 129 | Mai Thị Thủy         | 814                             | Lê Phát Tài                           | 13/01/2016                       | 13/01/2016               | Lê Minh Trung                                                            | 352034812                               |                    | 1.000.000              | Mai Thị Thủy                             | 5903205774622 | Agribank  | 352776448                     |
| 130 | Trần Thị Thu Thủy    | 168                             | Trần Ngọc Hân                         | 19/08/2018                       | 19/08/2018               | Trần Văn Duy                                                             | 381861354                               |                    | 1.000.000              | Trần Thị Thu Thủy                        | 5903205820750 | Agribank  | 341688740                     |
| 131 | Trần Thị Ngọc Thùy   | 1118                            | Nguyễn Mạnh Huỳnh                     | 13/08/2016                       | 13/08/2016               | Nguyễn Hoàng Kiêm                                                        | 381326899                               |                    | 1.000.000              | Trần Thị Ngọc Thùy                       | 5903205702775 | Agribank  | 365789481                     |
| 132 | Nguyễn Bá Thủy       | 78                              | Nguyễn Bá Trí                         | 19/11/2017                       | 19/11/2017               | Nguyễn Thị Hằng                                                          | 175033387                               |                    | 1.000.000              | Nguyễn Bá Thủy                           | 5903205457452 | Agribank  | 172288420                     |
| 133 | Tôn Nữ Hoài Thương   | 464                             | Bạch Thùy Dương                       | 30/08/2017                       | 30/08/2017               | Bạch Văn Sở                                                              | 381448829                               |                    | 1.000.000              | Tôn Nữ Hoài Thương                       | 5903205520934 | Agribank  | 381589826                     |
| 134 | Trần Thị Thường      | 217                             | Nguyễn Thiên An                       | 18/12/2017                       | 18/12/2017               | Nguyễn Thanh Lâm                                                         | 264264196                               |                    | 1.000.000              | Trần Thị Thường                          | 5903205109765 | Agribank  | 186956455                     |
| 135 | Hoàng Thị Thùy Trang | 382                             | Lê Hoàng Anh                          | 01/01/2016                       | 01/01/2016               | Lê Duy Khánh                                                             | 321463598                               |                    | 1.000.000              | Hoàng Thị Thùy Trang                     | 5903205429145 | Agribank  | 371085670                     |
| 136 | Nguyễn Kiều Trang    | 166                             | Nguyễn Thị Ngọc Nhiều                 | 13/12/2020                       | 13/12/2020               | Nguyễn Thanh Bền                                                         | 381710078                               |                    | 1.000.000              | Nguyễn Kiều Trang                        | 5903205493115 | Agribank  | 381741424                     |
| 137 | Trần Thị Thùy Trang  | 1086                            | Trần Gia Bảo                          | 15/11/2020                       | 15/11/2020               | không có chồng                                                           |                                         |                    | 1.000.000              | Trần Thị Thùy Trang                      | 5903205643935 | Agribank  | 381644968                     |
| 138 | Nguyễn Thị Mỹ Trang  | 599                             | Nguyễn Anh Thư                        | 09/02/2019                       | 09/02/2019               | Nguyễn Văn Nhờ                                                           | 381555321                               |                    | 1.000.000              | Nguyễn Thị Mỹ Trang                      | 5903205450510 | Agribank  | 382012935                     |
| 139 | Hoàng Thị Trung      | 7                               | Hoàng Mai Hương                       | 19/12/2015                       | 19/12/2015               | Hoàng Xuân Trung                                                         | 82079271                                |                    | 1.000.000              | Hoàng Thị Trung                          | 5903205624687 | Agribank  | 82005484                      |
| 140 | Trần Văn Út          | 1088                            | Trần Nguyễn Gia Hân                   | 02/11/2015                       | 02/11/2015               | Nguyễn Thị Loan                                                          | 381550164                               |                    | 1.000.000              | Trần Văn Út                              | 5903205643199 | Agribank  | 381619384                     |
| 141 | Nguyễn Thị Vĩnh      | 450                             | Lê Trà Mi                             | 06/01/2018                       | 06/01/2018               | Lê Văn Chơn                                                              | 351895859                               |                    | 1.000.000              | Nguyễn Thị Vĩnh                          | 5903205457787 | Agribank  | 91541918                      |
| 142 | Nguyễn Minh Vương    | 563                             | Nguyễn Hoàng Khang                    | 24/12/2020                       | 24/12/2020               | Nguyễn Huỳnh Nhân                                                        | 371631945                               |                    | 1.000.000              | Nguyễn Minh Vương                        | 5903205461574 | Agribank  | 371155046                     |



| TT  | Họ và tên              | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) |                    | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |           | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |          | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|------------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------|-----------|----------------|------------------------------------------|---------------|----------|-------------------------------|
|     |                        |                                 |                         |                                  |                | Từ ngày tháng năm                                                        | Đến ngày tháng năm | Tên TK                                         | Số TK     |                | Ngân hàng                                |               |          |                               |
| 143 | Nguyễn Thị Xuân        | 294                             | Bùi Nguyễn Hoài An      | 08/01/2019                       |                | Bùi Văn Thi                                                              |                    | 113333922                                      | 1.000.000 |                | Nguyễn Thị Xuân                          | 5903205460621 | Agribank | 186831760                     |
| 144 | Lê Văn Tân             | 70                              | Lê Bảo Nguyễn           | 10/5/2021                        |                | Chu Thị Bình                                                             |                    | 3818511202                                     | 1.000.000 |                | Lê Văn Tân                               | 5903205464254 | Agribank | 172118478                     |
| 145 | Phạm Thị Loan          | 327                             | Trần Thảo Nghi          | 16/10/2015                       |                | Trần Văn Tuấn                                                            |                    | 381368868                                      | 1.000.000 |                | Phạm Thị Loan                            | 5903205457061 | Agribank | 381665540                     |
| 146 | Trần Quốc Diên         | 440                             | Trần Bảo Trân           | 10/10/2016                       |                | Nguyễn Thị Lý                                                            |                    | 187264973                                      | 1.000.000 |                | Trần Quốc Diên                           | 5903205330450 | Agribank | 385587903                     |
| 147 | Lâm Văn Nhở            | 285                             | Lâm Trương Bảo Anh      | 26/04/2021                       |                | Trương Thị Thanh Xuân                                                    |                    | 272851741                                      | 1.000.000 |                | Lâm Văn Nhở                              | 5903205459645 | Agribank | 272851742                     |
| 148 | Nguyễn Phong Phú       | 422                             | Giấy Chứng Sinh         | 23/08/2021                       |                | Phạm Thị Loan                                                            |                    | 381526675                                      | 1.000.000 |                | Nguyễn Phong Phú                         | 5903205459849 | Agribank | 381349634                     |
| 149 | Lê Hùng Trường         | 38                              | Lê Hoàng Phúc           | 17/01/2017                       |                | Diệp Thị Phương                                                          |                    | 331410469                                      | 1.000.000 |                | Lê Hùng Trường                           | 5903205466027 | Agribank | 271262735                     |
| 150 | Lê Thị Hà              | 107                             | Nguyễn Lê Nhật Nam      | 29/08/2015                       |                | Nguyễn Minh Tuấn                                                         |                    | 273122624                                      | 1.000.000 |                | Lê Thị Hà                                | 5903205457192 | Agribank | 272329122                     |
| 151 | Nguyễn Thị Mỹ Linh     | 631                             | Lý Thị Huỳnh Như        | 27/10/2018                       |                | Lý Trường Giang                                                          |                    | 366084046                                      | 1.000.000 |                | Nguyễn Thị Mỹ Linh                       | 5903205591558 | Agribank | 364013754                     |
| 152 | Nguyễn Đức Hà          | 222                             | Giấy Chứng Sinh         | 05/7/2021                        |                | Lê Thị Ngọc Yến                                                          |                    | 385411496                                      | 1.000.000 |                | Nguyễn Đức Hà                            | 5903205463114 | Agribank | 272004643                     |
|     |                        |                                 | Nguyễn Đức Phúc         | 07/9/2018                        |                |                                                                          | 1.000.000          |                                                |           |                |                                          |               |          |                               |
| 153 | Bùi Thị Mai            | 19                              | Nguyễn Gia Huy          | 18/10/2017                       |                | Nguyễn Văn Việt                                                          |                    | 186327017                                      | 1.000.000 |                | Bùi Thị Mai                              | 5903205666714 | Agribank | 186726329                     |
| 154 | Bùi Thị Bích           | 948                             | Lâm Gia Hân             | 27/04/2016                       |                | Lâm Hiền Pha                                                             |                    | 385480283                                      | 1.000.000 |                | Bùi Thị Bích                             | 5903205487027 | Agribank | 385668219                     |
|     |                        |                                 | Lâm Gia Bảo             | 16/12/2019                       |                |                                                                          | 1.000.000          |                                                |           |                |                                          |               |          |                               |
| 155 | Nguyễn Thị Diễm        | 522                             | Lê Như Ngọc             | 11/3/2019                        |                | Lê Thiên Dương                                                           |                    | 385642616                                      | 1.000.000 |                | Nguyễn Thị Diễm                          | 5903205458029 | Agribank | 385764405                     |
| 156 | Nguyễn Thúy Ngọc       | 900                             | Nguyễn Hoài An          | 18/07/2017                       |                | không có chồng                                                           |                    |                                                | 1.000.000 |                | Nguyễn Thúy Ngọc                         | 5903205822936 | Agribank | 366307621                     |
| 157 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 301                             | Không Nguyễn Quỳnh Giao | 20/02/2017                       |                | Không Trung Hiếu                                                         |                    | 271506456                                      | 1.000.000 |                | Nguyễn Thị Tuyết Nhung                   | 5903205689052 | Agribank | 276076661                     |
| 158 | Lê Hoàng Nam           | 1014                            | Lê Gia Khang            | 26/01/2017                       |                | Hoàng Thu Hường                                                          |                    | 381736095                                      | 1.000.000 |                | Lê Hoàng Nam                             | 5903205796581 | Agribank | 381694068                     |



| TT  | Họ và tên           | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD | Số số bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLD/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                    |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|---------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|--------------------|-----------|-------------------------------|
|     |                     |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK              | Ngân hàng |                               |
| 159 | Ngô Thành Hoàng     | 827                             | Ngô Thị Đào Ngọc       |                                  | 15/04/2020     | Lê Thị Thu Sương                                                         | 352580997                               |                    | 1.000.000      | Ngô Thành Hoàng                          | 5903205822920      | Agribank  | 351335853                     |
| 160 | Trần Thị Thuận      | 297                             | Nguyễn Đình Hòa        |                                  | 18/05/2019     | Nguyễn Đình Song                                                         | 186026042                               |                    | 1.000.000      | Trần Thị Thuận                           | 5903205458780      | Agribank  | 186053656                     |
| 161 | Trần Thị Ngân       | 1127                            | Nguyễn Thị Mai Phương  |                                  | 10/4/2018      | không có chồng                                                           |                                         |                    | 1.000.000      | Trần Thị Ngân                            | không có tài khoản |           | 352470092                     |
| 162 | Biện Thành Tài      | 981                             | Biện Thành Chung       |                                  | 17/04/2018     | Hồ Cẩm Tiên                                                              | 381703506                               |                    | 1.000.000      | Biện Thành Tài                           | 5903205725814      | Agribank  | 381508349                     |
| 163 | Kim Thị Rân Sây     | 785                             | Son Thị Đa Ri          |                                  | 01/9/2020      | Son Số Oanh Đa                                                           | 334934549                               |                    | 1.000.000      | Kim Thị Rân Sây                          | 5903205684978      | Agribank  | 334896359                     |
| 164 | Nguyễn Thị Thủy     | 234                             | Hồ Nguyễn Phúc         |                                  | 25/01/2016     | Hồ Hùng Cường                                                            | đã chồng bỏ                             |                    | 1.000.000      | Nguyễn Thị Thủy                          | 5903205789744      | Agribank  | 381518002                     |
| 165 | Cù Thị Gọn          | 379                             | Trần Hoàng Duy         |                                  | 30/06/2018     | Trần Hoàng Thiện                                                         | 351852913                               |                    | 1.000.000      | Cù Thị Gọn                               | 5903205725770      | Agribank  | 351521818                     |
|     |                     |                                 | Trần Hoàng Khang       |                                  | 5/6/2016       |                                                                          |                                         |                    | 1.000.000      |                                          |                    |           |                               |
| 166 | Nguyễn Thị Thận     | 199                             | Phạm Thị Kim Ngân      |                                  | 18/04/2016     | Phạm Thanh Phương                                                        | 351430122                               |                    | 1.000.000      | Nguyễn Thị Thận                          | 5903205199150      | Agribank  | 351632610                     |
| 167 | Nguyễn Thị Thủy An  | 559                             | Nguyễn Ngọc Trâm Anh   |                                  | 05/3/2020      | Nguyễn Hữu Tiến                                                          | 352215165                               |                    | 1.000.000      | Nguyễn Thị Thủy An                       | 5903205459674      | Agribank  | 352012238                     |
| 168 | Nguyễn Thị Lợi      | 579                             | Nguyễn Quốc Khánh      |                                  | 09/3/2018      | Nguyễn Văn Lập                                                           | 352044549                               |                    | 1.000.000      | Nguyễn Thị Lợi                           | 5903205465546      | Agribank  | 351430905                     |
| 169 | Diệp Thị Bích Tuyền | 367                             | Nguyễn Duy Mạnh        |                                  | 09/10/2015     | Nguyễn Văn Hoàng                                                         | 351672459                               |                    | 1.000.000      | Diệp Thị Bích Tuyền                      | 5903205405334      | Agribank  | 351614648                     |
| 170 | Nguyễn Hữu Quá      | 498                             | Nguyễn Chí Tuệ         |                                  | 28/05/2017     | Đỗ Thị Lệ                                                                | 351342926                               |                    | 1.000.000      | Nguyễn Hữu Quá                           | 5903205565200      | Agribank  | 351685493                     |
| 171 | Bùi Thị Duyên       | 328                             | Nguyễn Trọng Nghĩa     |                                  | 01/7/2018      | Nguyễn Văn Linh                                                          | 334644635                               |                    | 1.000.000      | Bùi Thị Duyên                            | 5903205454641      | Agribank  | 173833205                     |
| 172 | Dương Tử Hải        | 988                             | Dương Phú              |                                  | 06/7/2017      | Đỗ Thái Trăn                                                             | 381706712                               |                    | 1.000.000      | Dương Tử Hải                             | 5903205688904      | Agribank  | 381674208                     |
| 173 | Nguyễn Văn Tuấn     | 224                             | Nguyễn Lê Như Ý        |                                  | 30/03/2020     | Lê Thị Ngọc Diệp                                                         | 351335456                               |                    | 1.000.000      | Nguyễn Văn Tuấn                          | 5903205457294      | Agribank  | 351112576                     |
| 174 | Vũ Thị Luyến        | 206                             | Nguyễn Vũ Minh Tuệ     |                                  | 15/12/2015     | Nguyễn Hoàng Tý                                                          | 381438530                               |                    | 1.000.000      | Vũ Thị Luyến                             | 5903205461892      | Agribank  | 121745590                     |



| TT  | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động   | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm       | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) |                   |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |             |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|-------------------|---------------------------------|--------------------------|----------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------------|-----------|-------------------------------|
|     |                   |                                 |                          |                                  |                      | HĐLĐ/nghỉ không lương                                                    | Từ ngày tháng năm | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK       | Ngân hàng |                               |
| 175 | Đào Ngọc Tuấn     | 145                             | Đào Gia Huy              | 31/08/2019                       | Nguyễn Thị Thúy Hằng | 344032945                                                                | 1.000.000         | Đào Ngọc Tuấn      | 5903205620401  | Agribank                                 | 261409295   |           |                               |
| 176 | Nguyễn Văn Thanh  | 69                              | Nguyễn Văn Thiên         | 23/02/2019                       | Nguyễn Thị Lộc       | 272508023                                                                | 1.000.000         | Nguyễn Văn Thanh   | 5903205455043  | Agribank                                 | 271034575   |           |                               |
|     |                   |                                 | Nguyễn Văn Thiên Sát     | 27/09/2015                       |                      |                                                                          | 1.000.000         |                    |                |                                          |             |           |                               |
| 177 | Hứa Ngọc Niềm     | 1016                            | Đặng Ngọc Huyền          | 24/04/2020                       | Đặng Thành Chung     | 381793568                                                                | 1.000.000         | Hứa Ngọc Niềm      | 5903205820579  | Agribank                                 | 381902606   |           |                               |
| 178 | Võ Thị Vàng       | 719                             | Trương Nguyễn Tuyết Ngọc | 13/10/2017                       | Trương Minh Triết    | 351884018                                                                | 1.000.000         | Võ Thị Vàng        | 5903205529633  | Agribank                                 | 352477788   |           |                               |
| 179 | Trần Thanh Đèo    | 215                             | Trần Thị Thanh Thảo      | 25/12/2017                       | Phạm Thị Hiền        | 272541196                                                                | 1.000.000         | Trần Thanh Đèo     | 5903205455962  | Agribank                                 | 381358791   |           |                               |
| 180 | Trương Thị Còn    | 143                             | Phạm Xuân Lộc            | 16/11/2018                       | Phạm Xuân Hùng       | 264304867                                                                | 1.000.000         | Trương Thị Còn     | 5903205782535  | Agribank                                 | 264307698   |           |                               |
| 181 | Trần Mỹ Linh      | 187                             | Nguyễn Chi Thành         | 18/01/2017                       | Nguyễn Chi Tâm       | 381466989                                                                | 1.000.000         | Trần Mỹ Linh       | 5903205455927  | Agribank                                 | 381189057   |           |                               |
| 182 | Lê Hoàng Thanh    | 503                             | Lê Phạm Khánh Vân        | 20/04/2021                       | Phạm Thị Thủy Triều  | 381316985                                                                | 1.000.000         | Lê Hoàng Thanh     | 5903205462525  | Agribank                                 | 381686144   |           |                               |
| 183 | Lê Hoàng Thanh    | 503                             | Lê Minh Hải              | 22/05/2017                       | Phạm Thị Thủy Triều  | 381316985                                                                | 1.000.000         | Lê Hoàng Thanh     | 5903205462525  | Agribank                                 | 381686144   |           |                               |
| 184 | Nguyễn Văn Quyết  | 97                              | Nguyễn Gia Hân           | 14/03/2020                       | Nguyễn Thị Hiền      | 36185011390                                                              | 1.000.000         | Nguyễn Văn Quyết   | 5903205461840  | Agribank                                 | 36082007537 |           |                               |
| 185 | Trà Thị Phol      | 923                             | Quách Thanh Hòa          | 16/06/2016                       | Quách Diệp           | 365488732                                                                | 1.000.000         | Trà Thị Phol       | 5903205664929  | Agribank                                 | 366168271   |           |                               |
| 186 | Nguyễn Thanh Tuấn | 944                             | Nguyễn Thị Như Huỳnh     | 30/10/2020                       | Phạm Thị Làng        | 385407097                                                                | 1.000.000         | Nguyễn Thanh Tuấn  | 5903205705738  | Agribank                                 | 385163237   |           |                               |
| 187 | Trương Ngọc Tú    | 1010                            | Cao Ngọc Khánh Thy       | 19/07/2017                       | Cao Khánh Linh       | 381806631                                                                | 1.000.000         | Trương Ngọc Tú     | 5903205730685  | Agribank                                 | 381881925   |           |                               |
| 188 | Trịnh Thị Thúy    | 1128                            | Đỗ Minh Đậu              | 16/03/2021                       | Đỗ Minh Tùng         | 381189910                                                                | 1.000.000         | Trịnh Thị Thúy     | 5903205666772  | Agribank                                 | 381915130   |           |                               |
| 189 | Nguyễn Hoài Ngọc  | 1074                            | Phạm Như Quỳnh           | 14/07/2019                       | Phạm Văn Huỳnh       | 381918591                                                                | 1.000.000         | Nguyễn Hoài Ngọc   | 5903205655622  | Agribank                                 | 381880792   |           |                               |
| 190 | Nguyễn Văn Tới    | 324                             | Nguyễn Đức Nam           | 10/8/2016                        | Nguyễn Thị Lan       | 186997929                                                                | 1.000.000         | Nguyễn Văn Tới     | 5903205467570  | Agribank                                 | 188009858   |           |                               |
| 191 | Phạm Thị Bé       | 762                             | Đỗ Phạm Tường Vy         | 12/10/2019                       | Đỗ Viết Dương        | 272406702                                                                | 1.000.000         | Phạm Thị Bé        | 5903205818997  | Agribank                                 | 381915453   |           |                               |



| TT  | Họ và tên        | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLD/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-----------|-------------------------------|
|     |                  |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng |                               |
| 192 | Võ Thị Vàng      | 719                             | Trương Minh Hưng       |                                  | 12/8/2019      | Trương Minh Triết                                                        |                                         | 351884018          | 1.000.000      | Võ Thị Vàng                              | 5903205529633 | Agribank  | 352477788                     |
| 193 | Nguyễn Thị Nhã   | 861                             | Huỳnh Thanh Nhẹ        |                                  | 15/07/2016     | Huỳnh Tuấn Thanh                                                         |                                         | 371061705          | 1.000.000      | Nguyễn Thị Nhã                           | 5903205670678 | Agribank  | 370984205                     |
|     | Cộng: 206 trẻ em |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                         |                    | 206.000.000    |                                          |               |           |                               |
|     |                  |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                         |                    | 4.436.560.000  |                                          |               |           |                               |
|     |                  |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                         |                    |                |                                          |               |           |                               |

TỔNG CỘNG

Tổng số tiền hỗ trợ: 4.436.560.000 đồng  
(Bốn tỷ bốn trăm ba mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*(Handwritten signature in blue ink)*

Nguyễn Sơn Hùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC  
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA TRUNG TÂM DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

(Đính kèm theo Quyết định số 4024/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                                                                         | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động    | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                |               | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|----------------|---------------|-------------------------------|
|                                                                                            |                    |                                 |                           |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK          | Ngân hàng     |                               |
|                                                                                            |                    |                                 |                           |                                  |                |                                                                          |                                          |                    |                |                                          |                |               |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương |                    |                                 |                           |                                  |                |                                                                          |                                          |                    |                |                                          |                |               |                               |
| 1                                                                                          | Nguyễn Việt Quang  | Phòng Xây dựng - Hạ tầng        | Không xác định thời hạn   | 01/07/2021                       | 0116107201     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                               | 15/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Việt Quang                        | 67910000301889 | BIDV Biên Hòa | 272248255                     |
| 2                                                                                          | Trần Văn Thông     | Phòng Xây dựng - Hạ tầng        | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/01/2021                       | 3107002099     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                               | 15/09/2021         | 3.710.000      | Trần Văn Thông                           | 67910000226344 | BIDV Biên Hòa | 250841612                     |
| 3                                                                                          | Âu Dương Lê Lợi    | Đội Cây xanh - Công viên        | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020                       | 7523609312     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                               | 15/09/2021         | 3.710.000      | Âu Dương Lê Lợi                          | 67910000184327 | BIDV Biên Hòa | 271898938                     |
| 4                                                                                          | Lê Thị Trang       | Đội Cây xanh - Công viên        | Xác định thời hạn (lần 1) | 01/08/2020                       | 4705018325     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                               | 15/09/2021         | 3.710.000      | Lê Thị Trang                             | 67910000171842 | BIDV Biên Hòa | 272927031                     |
| 5                                                                                          | Phùng Duy Thanh    | Đội Cây xanh - Công viên        | Xác định thời hạn (lần 1) | 14/01/2021                       | 7908210963     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                               | 15/09/2021         | 3.710.000      | Phùng Duy Thanh                          | 67910000401743 | BIDV Biên Hòa | 183497466                     |
| 6                                                                                          | Đinh Thị Thu Trang | Đội Cây xanh - Công viên        | Xác định thời hạn (lần 1) | 01/04/2021                       | 7526645987     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                               | 15/09/2021         | 3.710.000      | Đinh Thị Thu Trang                       | 67910000184257 | BIDV Biên Hòa | 271422432                     |
| 7                                                                                          | Nguyễn Chí Cường   | Đội Cây xanh - Công viên        | Xác định thời hạn (lần 1) | 01/05/2021                       | 7523656858     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                               | 15/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Chí Cường                         | 67910000425789 | BIDV Biên Hòa | 272379421                     |
| 8                                                                                          | Tăng Thị Mỹ Linh   | Đội Cây xanh - Công viên        | Xác định thời hạn (lần 1) | 09/11/2020                       | 4707062316     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                               | 15/09/2021         | 3.710.000      | Tăng Thị Mỹ Linh                         | 67910000181452 | BIDV Biên Hòa | 272178704                     |



|    |                      |                               |                              |            |            |            |            |            |           |                         |                |                       |              |
|----|----------------------|-------------------------------|------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|-----------|-------------------------|----------------|-----------------------|--------------|
| 9  | Nguyễn Văn Sang      | Đội Duyệt -<br>Thoát nước     | Xác định thời<br>hạn (lần 1) | 01/06/2021 | 7526661100 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Văn<br>Sang      | 67910000440126 | BIDV Biên Hòa         | 271003385    |
| 10 | Hồ Kim Phương        | Đội Duyệt -<br>Thoát nước     | Xác định thời<br>hạn (lần 1) | 01/07/2021 | 7409315465 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Hồ Kim<br>Phương        | 67010001120251 | BIDV Đồng Nai         | 271535019    |
| 11 | Phan Đình Phúc       | BQL CCN<br>gồm sử Tân<br>Hạnh | Xác định thời<br>hạn (lần 1) | 01/11/2020 | 4024123453 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Phan Đình<br>Phúc       | 67910000370904 | BIDV Biên Hòa         | 184201855    |
| 12 | Huỳnh Anh Tuấn       | BQL Trạm<br>XLNT số 1         | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7523828318 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Huỳnh Anh<br>Tuấn       | 67910000244753 | BIDV Biên Hòa         | 272489943    |
| 13 | Ngô Hoàng Bảo Thái   | BQL Trạm<br>XLNT số 1         | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7526512323 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Ngô Hoàng<br>Bảo Thái   | 67910000218943 | BIDV Biên Hòa         | 272729033    |
| 14 | Nguyễn Đình Hải      | BQL Trạm<br>XLNT số 1         | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7516200059 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Đình<br>Hải      | 67910000218961 | BIDV Biên Hòa         | 272795148    |
| 15 | Nguyễn Hoàng Luân    | BQL Trạm<br>XLNT số 1         | Xác định thời<br>hạn (lần 1) | 01/05/2021 | 7509041975 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn<br>Hoàng Luân    | 67210001194843 | BIDV Biên Hòa         | 272019639    |
| 16 | Nguyễn Ngọc Bảo Sang | BQL Trạm<br>XLNT số 1         | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7522990744 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Ngọc<br>Bảo Sang | 67910000214145 | BIDV Biên Hòa         | 272287678    |
| 17 | Nguyễn Duy Hân       | BQL Trạm<br>XLNT số 1         | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4703034459 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Duy<br>Hân       | 67910000252783 | BIDV Biên Hòa         | 271389937    |
| 18 | Trần Hữu Tài         | BQL Trạm<br>XLNT số 1         | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7511077856 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Trần Hữu Tài            | 67210000906294 | BIDV Biên Hòa         | 270737270    |
| 19 | Nguyễn Từ Kiều Trang | BQL chợ<br>Biên Hòa           | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 06/07/2020 | 7523910628 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Từ<br>Kiều Trang | 7230104348007  | MB PGD<br>QUYET THANG | 272566587    |
| 20 | Nguyễn Thị Mai Anh   | BQL chợ<br>Biên Hòa           | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4703022240 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị<br>Mai Anh   | 7230104022007  | MB PGD<br>QUYET THANG | 271112505    |
| 21 | Bùi Thị Ánh Mỹ       | BQL chợ<br>Biên Hòa           | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4703022238 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Bùi Thị Ánh<br>Mỹ       | 7230104023003  | MB PGD<br>QUYET THANG | 270771985    |
| 22 | Nguyễn Thị Quý       | BQL chợ<br>Biên Hòa           | Xác định thời<br>hạn (lần 1) | 15/10/2020 | 7526998654 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị<br>Quý       | 8750172458094  | MB PGD<br>QUYET THANG | 079173002470 |





|    |                      |                     |                              |            |            |            |            |            |           |                         |               |                       |           |
|----|----------------------|---------------------|------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|-----------|-------------------------|---------------|-----------------------|-----------|
| 23 | Cổ Thanh Hùng        | BQL chợ<br>Biên Hòa | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7515103402 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Cổ Thanh<br>Hùng        | 7230104034005 | MB PGD<br>QUYET THANG | 271333318 |
| 24 | Mai Trí Cao          | BQL chợ<br>Biên Hòa | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7523066611 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Mai Trí Cao             | 7230104032002 | MB PGD<br>QUYET THANG | 270962945 |
| 25 | Nguyễn Văn Tài       | BQL chợ<br>Biên Hòa | Xác định thời<br>hạn (lần 1) | 01/09/2020 | 7511198436 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Văn<br>Tài       | 7180167236566 | MB PGD<br>QUYET THANG | 272269087 |
| 26 | Nguyễn Ngọc Nhật     | BQL chợ<br>Biên Hòa | Xác định thời<br>hạn (lần 1) | 15/09/2020 | 7523701614 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Ngọc<br>Nhật     | 5500147394576 | MB PGD<br>QUYET THANG | 271388812 |
| 27 | Nguyễn Văn Sáu       | BQL chợ<br>Biên Hòa | Xác định thời<br>hạn (lần 1) | 01/11/2020 | 4796024261 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Văn<br>Sáu       | 4730123181808 | MB PGD<br>QUYET THANG | 271103942 |
| 28 | Vũ Thanh Định        | BQL chợ<br>Biên Hòa | Xác định thời<br>hạn (lần 1) | 01/11/2020 | 7526507771 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Vũ Thanh<br>Định        | 2060154369595 | MB PGD<br>QUYET THANG | 271230965 |
| 29 | Nguyễn Văn Hữu Phước | BQL chợ<br>Biên Hòa | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4796003862 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Văn<br>Hữu Phước | 7230104028005 | MB PGD<br>QUYET THANG | 270993593 |
| 30 | Nguyễn Thị Thu       | BQL chợ<br>Biên Hòa | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7523023274 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị<br>Thu       | 7230104027009 | MB PGD<br>QUYET THANG | 272203705 |
| 31 | Dương Văn Hải        | BQL chợ<br>Biên Hòa | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7523884863 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Dương Văn<br>Hải        | 7230104026002 | MB PGD<br>QUYET THANG | 270951869 |
| 32 | Nguyễn Văn Minh Long | BQL chợ<br>Biên Hòa | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7523508266 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Văn<br>Minh Long | 7230104025006 | MB PGD<br>QUYET THANG | 272729747 |
| 33 | Nguyễn Thị Ngọc Nga  | BQL chợ<br>Biên Hòa | Xác định thời<br>hạn (lần 1) | 01/11/2020 | 7510130354 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị<br>Ngọc Nga  | 2670125104214 | MB PGD<br>QUYET THANG | 272140337 |
| 34 | Bùi Văn Hải          | BQL chợ<br>Tân Hiệp | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4703031529 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Bùi Văn Hải             | 7230104051007 | MB PGD<br>QUYET THANG | 272219571 |
| 35 | Tôn Nữ Hằng Nga      | BQL chợ<br>Tân Hiệp | Xác định thời<br>hạn (lần 1) | 03/11/2020 | 7523106089 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Tôn Nữ Hằng<br>Nga      | 7160199645254 | MB PGD<br>QUYET THANG | 271328515 |
| 36 | Phạm Đức Tinh        | BQL chợ<br>Tân Hiệp | Xác định thời<br>hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4703031527 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Phạm Đức<br>Tinh        | 7230104063005 | MB PGD<br>QUYET THANG | 271802647 |



|    |                      |                  |                           |            |            |            |            |            |           |                      |               |                    |           |
|----|----------------------|------------------|---------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|-----------|----------------------|---------------|--------------------|-----------|
| 37 | Dương Hoàng Trí      | BQL chợ Tân Hiệp | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4700161219 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Dương Hoàng Trí      | 7230104052003 | MB PGD QUYET THANG | 270080886 |
| 38 | Lê Nguyễn Sỹ Tiến    | BQL chợ Tân Hiệp | Xác định thời hạn (lần 1) | 01/12/2020 | 7509024719 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Lê Nguyễn Sỹ Tiến    | 8200114021982 | MB PGD QUYET THANG | 271569409 |
| 39 | Nguyễn Văn Khoa      | BQL chợ Tân Hiệp | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4700161217 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Văn Khoa      | 7230104049002 | MB PGD QUYET THANG | 272279082 |
| 40 | Phạm Trung Sỹ        | BQL chợ Tân Hiệp | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4703031526 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Phạm Trung Sỹ        | 7230104064001 | MB PGD QUYET THANG | 270689905 |
| 41 | Đỗ Minh Nhứt         | BQL chợ Tân Hiệp | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4701000202 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Đỗ Minh Nhứt         | 7230104060006 | MB PGD QUYET THANG | 272638109 |
| 42 | Vũ Tiến Dũng         | BQL chợ Tân Hiệp | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4703031528 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Vũ Tiến Dũng         | 7230104058001 | MB PGD QUYET THANG | 271116501 |
| 43 | Bùi Văn Kiên         | BQL chợ Tân Hiệp | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4703034963 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Bùi Văn Kiên         | 7230104062009 | MB PGD QUYET THANG | 272345489 |
| 44 | Lê Văn Trung         | BQL chợ Tân Hiệp | Xác định thời hạn (lần 1) | 01/11/2020 | 7524548719 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Lê Văn Trung         | 7990124101992 | MB PGD QUYET THANG | 173960354 |
| 45 | Võ Ngọc Song Tú      | BQL chợ Hòa An   | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4704019397 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Võ Ngọc Song Tú      | 7230103956006 | MB DONG NAI        | 271458487 |
| 46 | Trương Thị Mai Hoàng | BQL chợ Hòa An   | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7515112977 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Trương Thị Mai Hoàng | 7230104008004 | MB PGD QUYET THANG | 271645362 |
| 47 | Nguyễn Văn Khương    | BQL chợ Hòa An   | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4706070282 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Văn Khương    | 7230104003002 | MB PGD QUYET THANG | 272399372 |
| 48 | Nguyễn Thị Thu Thủy  | BQL chợ Hòa An   | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4707011624 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Thu Thủy  | 7230104007008 | MB PGD QUYET THANG | 270688243 |
| 49 | Nguyễn Văn Cư        | BQL chợ Hòa An   | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7514151439 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Văn Cư        | 7230104072004 | MB PGD QUYET THANG | 270161485 |
| 50 | Nguyễn Văn Cư        | BQL chợ Hòa An   | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7525376798 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Văn Cư        | 7230104079009 | MB PGD QUYET THANG | 270705986 |



|                                |                     |                   |                           |            |             |            |            |            |           |                     |               |                    |           |
|--------------------------------|---------------------|-------------------|---------------------------|------------|-------------|------------|------------|------------|-----------|---------------------|---------------|--------------------|-----------|
| 51                             | Đỗ Hùng Tâm         | BQL chợ Hòa An    | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7511199433  | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Đỗ Hùng Tâm         | 7230104002006 | MB PGD QUYẾT THANG | 271388650 |
| 52                             | Đỗ Thanh Trình      | BQL chợ Hòa An    | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7516090265  | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Đỗ Thanh Trình      | 7230103998008 | MB PGD QUYẾT THANG | 272270953 |
| 53                             | Lê Thị Hồng Yên     | BQL chợ Tân Phong | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 4706090180  | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Lê Thị Hồng Yên     | 7230104015008 | MB PGD QUYẾT THANG | 271683773 |
| 54                             | Nguyễn Thanh Hải    | BQL chợ Tân Phong | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7514150164  | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thanh Hải    | 7230104017003 | MB PGD QUYẾT THANG | 281114435 |
| 55                             | Nguyễn Thị Dợt      | BQL chợ Tân Phong | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 7508252358  | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Dợt      | 7230104092005 | MB PGD QUYẾT THANG | 272224109 |
| 56                             | Nguyễn Thị Kim Loan | BQL chợ Sặt       | Xác định thời hạn (lần 2) | 01/07/2020 | 75090606028 | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thị Kim Loan | 7230104335005 | MB PGD QUYẾT THANG | 272688708 |
| 57                             | Lê Thị Thủy Linh    | BQL chợ Sặt       | Xác định thời hạn (lần 1) | 01/09/2020 | 7526649408  | 01/08/2021 | 01/08/2021 | 15/09/2021 | 3.710.000 | Lê Thị Thủy Linh    | 2170159658498 | MB PGD QUYẾT THANG | 272918540 |
| <b>Cộng: 57 người lao động</b> |                     |                   |                           |            |             |            |            |            |           |                     |               |                    |           |
|                                |                     |                   |                           |            |             |            |            |            |           | <b>211.470.000</b>  |               |                    |           |

**II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi:**

| TT | Họ và tên          | Số TT tại mục I | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2 | Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng | Số tiền hỗ trợ | Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ | Số tài khoản   | Ngân hàng          | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|--------------------|-----------------|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------|----------------|--------------------|-------------------------------|
| 1  | Nguyễn Duy Hân     | 17              | Nguyễn Tạ Diệp Chi              | 18/05/2017                     | Tạ Thị Ngọc Hân                 | 75181000001                                    | 1.000.000      | Nguyễn Duy Hân                               | 67910000252783 | BIDV Biên Hòa      | 27138937                      |
| 2  | Nguyễn Đình Hải    | 14              | Nguyễn Minh Hiếu                | 27/08/2020                     | Đỗ Thị Lý                       | 272990030                                      | 1.000.000      | Nguyễn Đình Hải                              | 67910000218961 | BIDV Biên Hòa      | 272795148                     |
| 3  | Nguyễn Hoàng Luân  | 15              | Nguyễn Như Ngọc                 | 23/05/2016                     | Hứa Thanh Tâm                   | 271817111                                      | 1.000.000      | Nguyễn Hoàng Luân                            | 67210001194843 | BIDV Biên Hòa      | 272019639                     |
| 4  | Nguyễn Thị Mai Anh | 20              | Vũ Thiên Ân                     | 26/05/2018                     | Vũ Khắc Thuận                   | 271112505                                      | 1.000.000      | Nguyễn Thị Mai Anh                           | 7230104022007  | MB PGD QUYẾT THANG | 271112505                     |
| 5  | Nguyễn Ngọc Nhật   | 26              | Nguyễn Ngọc Minh Châu           | 17/07/2017                     | Nguyễn Thị Tuyết Nhung          | 271388812                                      | 1.000.000      | Nguyễn Ngọc Nhật                             | 5500147394576  | MB PGD QUYẾT THANG | 271388812                     |
| 6  | Đỗ Minh Nhật       | 41              | Đỗ Thiên Lộc                    | 13/11/2016                     | Dương Thị Minh Hạnh             | 272601079                                      | 1.000.000      | Đỗ Minh Nhật                                 | 7230104060006  | MB PGD QUYẾT THANG | 272638109                     |
| 7  | Bùi Văn Kiên       | 43              | Bùi Vũ Kim Ngân                 | 29/09/2017                     | Vũ Thị Khuyên                   | 272268567                                      | 1.000.000      | Bùi Văn Kiên                                 | 7230104062009  | MB PGD QUYẾT THANG | 272345489                     |



|                 |                  |           |                              |                         |                       |           |                        |                  |                |                       |           |
|-----------------|------------------|-----------|------------------------------|-------------------------|-----------------------|-----------|------------------------|------------------|----------------|-----------------------|-----------|
| 8               | Đỗ Hùng Tâm      | 51        | Đỗ Anh Tuấn<br>Đỗ Khánh Linh | 14/08/2016<br>06/9/2018 | Vòng Mỹ Anh           | 272244946 | 1.000.000<br>1.000.000 | Đỗ Hùng Tâm      | 7230104002006  | MB PGD<br>QUYET THANG | 271388650 |
| 9               | Trần Văn Thông   | 2         | Trần Anh Hùng                | 15/07/2016              | Trần Thị Thanh Tuyết  | 194206627 | 1.000.000              | Trần Văn Thông   | 67910000226344 | BIDV Biên Hòa         | 250841612 |
| 10              | Phùng Duy Thanh  | 5         | Phùng Duy Khang              | 01/4/2021               | Phạm Thị Lý           | 272717009 | 1.000.000              | Phùng Duy Thanh  | 67910000401743 | BIDV Biên Hòa         | 183497466 |
| 11              | Nguyễn Chí Cường | 7         | Nguyễn Như Ý                 | 24/12/2015              | Nguyễn Hồ Thị Kim Nga | 272248618 | 1.000.000              | Nguyễn Chí Cường | 67910000425789 | BIDV Biên Hòa         | 272379421 |
| Cộng: 12 trẻ em |                  |           |                              |                         |                       |           | 12.000.000             |                  |                |                       |           |
|                 |                  | TỔNG CỘNG |                              |                         |                       |           | 223.470.000            |                  |                |                       |           |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

  
**Nguyễn Sơn Hùng**

**Tổng số tiền hỗ trợ: 223.470.000 đồng**  
**(Hai trăm hai mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn)**



**DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC  
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY CP CHẾ BIẾN GỖ MỘC CÁT TƯỜNG**

(Đính kèm theo Quyết định số **4024** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                                                                         | Họ và tên       | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                                   | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|                                                                                            |                 |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                                         |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương |                 |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                                |                    |                |                                          |               |                                                                   |                               |
| 1                                                                                          | Lương Chi Huệ   | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 0202167766     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 022747362                     |
| 2                                                                                          | Nguyễn Đình Anh | Nhân viên Bảo 4 mặt             | Có thời hạn            | 1/6/2021                         | 4217330266     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Đình Anh                          | 3709205121314 | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam (Agribank) | 183573779                     |
| 3                                                                                          | Trần Hậu Sơn    | Nhân viên                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 4217641962     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Trần Hậu Sơn                             | 3709205155141 | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam (Agribank) | 183696383                     |
| 4                                                                                          | Trần Hậu Duy    | Công nhân kiểm hàng             | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 4220826642     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Trần Hậu Duy                             | 1020441771    | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)                | 183696246                     |
| 5                                                                                          | Nguyễn Văn Linh | Chà nhám                        | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 4396029902     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 270819466                     |
| 6                                                                                          | Trần Việt Hải   | Quản lý sản xuất                | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 4396063121     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Trần Việt Hải                            | 106004376127  | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank)                  | 280998562                     |



| TT | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngiht không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                    | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|-------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                   |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                          |                               |
| 7  | Võ Văn Soái       | Nhân viên Bảo 4 mặt             | Có thời hạn            | 1/6/2021                         | 5222042795     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      | Võ Văn Soái                              | 1013139815    | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) | 215259400                     |
| 8  | Ngô Thị Thu Tuyết | Nhân viên                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 5222042799     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      | Ngô Thị Thu Tuyết                        | 1013139817    | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) | 215166862                     |
| 9  | Phan Thị Vinh     | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 5421035535     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                    | 221129852                     |
| 10 | Lê Thị Hằng       | Công nhân kiểm tra chất lượng   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7221298540     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      | Lê Thị Hằng                              | 1021361610    | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) | 07218700744<br>8              |
| 11 | Võ Vũ Linh        | Công nhân bảo cận               | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7221309605     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                    | 07208500802<br>8              |
| 12 | Trần Thị Thu      | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7408298641     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                    | 361216635                     |
| 13 | Bùi Văn Lĩnh      | Kỹ thuật                        | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7410017076     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      | Bùi Văn Lĩnh                             | 0121000757869 | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) | 183416172                     |
| 14 | Lê Thị Thu Hà     | Tổ trưởng                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7413223196     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                    | 365729464                     |
| 15 | Dương Văn Hanh    | Ghép ngang                      | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7414174803     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                    | 272480362                     |
| 16 | Nguyễn Xuân Văn   | Quản lý kho                     | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7414174804     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Xuân Văn                          | 0109202731    | Ngân hàng TMCP Đông Á (DONGABANK)                  | 281161776                     |



| TT | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                 |                                                    | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|--------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                    |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK           | Ngân hàng                                          |                               |
| 17 | Trần Ánh Sáng      | Tổ trưởng                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7414174808     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 365128570                     |
| 18 | Lê Viết Sơn        | Kiểm hàng                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7414174809     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Lê Viết Sơn                              | 0871004238214   | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) | 172915429                     |
| 19 | Phạm Việt Khải     | Ghép dọc                        | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7414174828     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 381053579                     |
| 20 | Trần Mỹ Nhân       | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7414174833     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 381621833                     |
| 21 | Nguyễn Hoài Luân   | Ghép dọc                        | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7415055991     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 365884091                     |
| 22 | Trần Thị Mỹ Phương | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7416333216     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 366034754                     |
| 23 | Nguyễn Thị Luyến   | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7508096993     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 320677632                     |
| 24 | Danh Hoài Thanh    | Công nhân ghép ngang            | Có thời hạn            | 1/3/2021                         | 7516059084     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Danh Hoài Thanh                          | 161704070006657 | Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM (HDBANK)          | 320677632                     |
| 25 | Phạm Hoàng Giang   | Bảo vệ                          | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516098329     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 270772514                     |
| 26 | Phạm Hoàng Trọng   | Kiểm hàng                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516098331     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Phạm Hoàng Trọng                         | 9975596709      | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) | 272399933                     |
| 27 | Cao Văn Nam        | Kiểm hàng                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516098333     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 111950432                     |



| TT | Họ và tên        | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số số bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngiht không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                                   | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                  |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                                         |                               |
| 28 | Đặng Quốc Trí    | Kiểm hàng                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516098334     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      | Đặng Quốc Trí                            | 104871512305  | Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank)                  | 272267906                     |
| 29 | Phạm Văn Đội     | Chà nhám                        | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516101575     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 351221681                     |
| 30 | Ngô Thị Mỹ Linh  | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516101576     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      | Ngô Thị Mỹ Linh                          | 0968849374    | Ngân Hàng TMCP Quân Đội (MBBANK)                                  | 352531420                     |
| 31 | Võ Ngọc Mai      | KCS                             | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516151833     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 351013822                     |
| 32 | Nguyễn Văn Chặt  | Kiểm hàng                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516151834     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 291128175                     |
| 33 | Nguyễn Văn Cường | Tổ trưởng                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516151835     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Cường                         | 5905205517802 | Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam (Agribank) | 211813717                     |
| 34 | Trần Thị Thành   | Tập vụ                          | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516199716     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 184015778                     |
| 35 | Huỳnh Cường      | Bào 4 mặt                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516199717     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 270858254                     |
| 36 | Đỗ Thị Ngọc Thúy | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516199718     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 312213682                     |
| 37 | Nguyễn Thị Yên   | Nhân viên                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516199723     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Yên                           | 7250100980004 | Ngân Hàng TMCP Quân Đội (MBBANK)                                  | 385792727                     |
| 38 | Lê Viết Tâm      | Bảo vệ                          | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516201704     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 170653900                     |



| TT | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                 |                                                    | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|--------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                    |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK           | Ngân hàng                                          |                               |
| 39 | Trần Khánh Dương   | Công nhân ghép dúc              | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516201705     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 381899562                     |
| 40 | Hồ Thị Hạnh        | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7516201706     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Hồ Thị Hạnh                              | 050100834542    | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank)      | 341402785                     |
| 41 | Huỳnh Văn Cư       | Nhân viên bảo vệ                | Có thời hạn            | 1/2/2021                         | 7523515377     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 271371821                     |
| 42 | Phạm Hoàng Thông   | Quản lý điều hành               | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7523744690     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 271252800                     |
| 43 | Trương Văn Đông    | Công nhân chà nhám              | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7524530311     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 272641465                     |
| 44 | Nguyễn Văn Phúc    | Công nhân GHÉP NGANG            | Có thời hạn            | 1/3/2021                         | 7524618528     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Phúc                          | 9327158065      | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) | 364065366                     |
| 45 | Phạm Hoàng Sang    | Công nhân Ghép dúc              | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7524630487     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Phạm Hoàng Sang                          | 9326144856      | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) | 272095826                     |
| 46 | Nguyễn Văn Chen    | Công nhân chà nhám              | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7526357247     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                                    | 351567284                     |
| 47 | Huỳnh Thanh Giàu   | Bào 4 mặt                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7526852386     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Huỳnh Thanh Giàu                         | 9393826300      | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) | 272815634                     |
| 48 | Phạm Thị Bích Hạnh | Kế toán                         | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7908231344     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Phạm Thị Bích Hạnh                       | 181115053096079 | Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)  | 264171132                     |



| TT | Họ và tên              | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                                                   | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|------------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                        |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                                                         |                               |
| 49 | Bùi Thị Thúy           | Tổ trưởng                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7909257239     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Bùi Thị Thúy                             | 13818307      | Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)                                       | 183581911                     |
| 50 | Lưu Thị Nhân           | Nhân viên KCS                   | Có thời hạn            | 1/6/2021                         | 7912380379     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 183725916                     |
| 51 | Phạm Tấn Đăng          | Công nhân bảo 4 mặt             | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 7935024367     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 021271017                     |
| 52 | Huỳnh Thị Thảo Vân     | Nhân viên KCS                   | Có thời hạn            | 1/6/2021                         | 8222350247     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 312316533                     |
| 53 | Nguyễn Thị Kim Ngọc    | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 8323059735     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 321559202                     |
| 54 | Nguyễn Thị Thanh Tuyền | Nhân viên                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 8622144713     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Thanh Tuyền                   | 7302205211963 | Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) | 086185000170                  |
| 55 | Nguyễn Thị Bé Tư       | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 8922403734     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 350646840                     |
| 56 | Nguyễn Long Hồ         | Công nhân Bảo vệ                | Có thời hạn            | 1/3/2021                         | 8923059779     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 352691329                     |
| 57 | Nguyễn Thị Bé Sáu      | Nhân viên                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 8923191622     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 350974595                     |
| 58 | Nguyễn Thị Mỹ Nhung    | Nhân viên KCS                   | Có thời hạn            | 1/6/2021                         | 8923257460     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Mỹ Nhung                      | 1012981136    | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)                | 342080133                     |
| 59 | Phạm Đức Tuấn          | Công nhân bảo 4 mặt             | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 8923302861     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                                                   | 351159195                     |



| TT | Họ và tên           | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                |                                                    | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|---------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                     |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK          | Ngân hàng                                          |                               |
| 60 | Trần Văn Thạch      | Công nhân Chà nhám              | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 8923603894     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                |                                                    | 352133793                     |
| 61 | Trần Văn Em         | Công nhân bảo 4 mặt             | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 8925055255     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                |                                                    | 350974270                     |
| 62 | Lê Thị Lê Hằng      | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 8925284179     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                |                                                    | 350994239                     |
| 63 | Huỳnh Thị Quỳnh Hoa | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 8925307524     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Huỳnh Thị Quỳnh Hoa                      | 1013726833     | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) | 352632598                     |
| 64 | Hồ Văn Minh         | Công nhân bảo cạnh              | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 8925528721     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                |                                                    | 350700265                     |
| 65 | Hồ Văn Phương       | Công nhân bảo cạnh              | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 8925772947     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                |                                                    | 352313633                     |
| 66 | Đào Quý Tú          | Nhân viên kinh doanh            | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9106022686     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Đào Quý Tú                               | 67910000369735 | Ngân hàng TMCP Dầu Tự và Phát Triển (BIDV)         | 271439313                     |
| 67 | Tiêu Quang Chánh    | Nhân viên kinh doanh            | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9107007736     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                |                                                    | 280828371                     |
| 68 | Đinh Văn Thống      | Công nhân Bảo cạnh              | Có thời hạn            | 1/3/2021                         | 9122148982     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                |                                                    | 372065333                     |
| 69 | Phan Thị Ngọc Diễm  | Công nhân Kiểm hàng             | Có thời hạn            | 1/3/2021                         | 9123987194     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                |                                                    | 371940590                     |
| 70 | Lê Thị Hồng Tuyết   | Công nhân kiểm tra chất lượng   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9222204391     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                |                                                    | 364036095                     |
| 71 | Võ Thị Thanh Thảo   | Nhân viên KCS                   | Có thời hạn            | 1/6/2021                         | 9320975397     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                |                                                    | 364209767                     |



| TT | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số số bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngiht không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|--------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|    |                    |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 72 | Bùi Thanh Việt     | Công nhân bảo vệ                | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9320986125     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 364025348                     |
| 73 | Lê Hoàng Tuấn      | Công nhân bảo vệ 4 mặt          | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9421796825     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 365774263                     |
| 74 | Lê Thị Thắm        | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9421863965     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 366205801                     |
| 75 | Sơn Tươi           | Công nhân kiểm hàng             | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9422249577     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 365133159                     |
| 76 | Nguyễn Thị Dậm     | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9422249578     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 365133157                     |
| 77 | Nguyễn Ngọc Lờ     | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9422316303     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 366259971                     |
| 78 | Nguyễn Ngọc Dặng   | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9422316304     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 366336669                     |
| 79 | Nguyễn Hoàng Trang | Công nhân chà nhám              | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9422339056     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 365684537                     |
| 80 | Phan Văn Phương    | Công nhân chà nhám              | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9422349830     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 365147024                     |
| 81 | Nguyễn Tuấn Anh    | Công nhân bảo vệ 4 mặt          | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9422353385     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 366093126                     |
| 82 | Phan Quốc Khánh    | Công nhân kiểm hàng             | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9422378129     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 366118909                     |
| 83 | Lý Thị Ngọc Linh   | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9422698771     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 366342450                     |
| 84 | Danh Hoàng Lợi     | Nhân viên                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9422849976     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 366401585                     |
| 85 | Thạch Thị Sáng     | Nhân viên                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9422849977     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 366034719                     |



| TT                                       | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------------------------------------------|-------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|                                          |                   |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 86                                       | Danh Linh         | Nhân viên                       | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9422849978     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 365387712                     |
| 87                                       | Danh Hoàng Vũ     | Công nhân Kiểm hàng             | Có thời hạn            | 1/3/2021                         | 9422849979     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 366401586                     |
| 88                                       | Võ Thành Thụy     | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9423230657     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 365684538                     |
| 89                                       | Nguyễn Thái Quốc  | Công nhân chà nhám              | Có thời hạn            | 1/2/2021                         | 9621276492     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 381478753                     |
| 90                                       | Đoàn Thị Hà       | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9621281324     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 381732337                     |
| 91                                       | Trần Diễm My      | Công nhân ghép dọc              | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9621329077     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 381838499                     |
| 92                                       | Phạm Minh Khải    | Nhân viên bảo vệ                | Có thời hạn            | 1/6/2021                         | 9621657154     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 381943054                     |
| 93                                       | Đoàn Thị Tiên     | Công nhân KCS                   | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9621872538     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 381819510                     |
| 94                                       | Lê Văn Trùm       | Công nhân Bảo 4 mặt             | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9622613350     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 381972125                     |
| 95                                       | Lê Văn Thắng      | Công nhân bảo 4 mặt             | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9622613352     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 382020448                     |
| 96                                       | Lê Hiệp Định      | Công nhân bảo 4 mặt             | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9622786003     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 381208660                     |
| 97                                       | Đặng Trường Huỳnh | Công nhân kiểm hàng             | Có thời hạn            | 1/1/2021                         | 9622986757     | 01/08/2021                                                               | 01/08/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 381807857                     |
| Tổng: 97 người lao động                  |                   |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                                |                    | 359.870.000    |                                          |       |           |                               |
| II. Hỗ trợ người lao động đang mang thai |                   |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                                |                    |                |                                          |       |           |                               |



| TT                                                                                                   | Họ và tên               | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động          | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm                  | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương |                                              | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ                          |                               |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------|-------------------------------|
|                                                                                                      |                         |                                 |                                 |                                  |                                 |                                                                          | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm                           |                | Tên TK                                                            | Số TK                         | Ngân hàng |                               |
|                                                                                                      |                         |                                 |                                 |                                  |                                 |                                                                          |                                         |                                              |                |                                                                   |                               |           |                               |
| 1                                                                                                    | Đồng Thị Ngọc Thúy      |                                 |                                 |                                  |                                 | 36                                                                       |                                         |                                              | 1.000.000      |                                                                   |                               |           | 312213682                     |
|                                                                                                      | Cộng: 01 người lao động |                                 |                                 |                                  |                                 |                                                                          |                                         | 1.000.000                                    |                |                                                                   |                               |           |                               |
| III. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi |                         |                                 |                                 |                                  |                                 |                                                                          |                                         |                                              |                |                                                                   |                               |           |                               |
| TT                                                                                                   | Họ và tên               | Số TT tại mục I                 | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi | Ngày tháng năm sinh của trẻ em   | Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2 | Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng                           | Số tiền hỗ trợ                          | Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ | Số tài khoản   | Ngân hàng                                                         | Số CMND/thẻ căn cước công dân |           |                               |
| 1                                                                                                    | Lê Thị Hằng             | 10                              | Võ Thị Như Ngọc                 | 11/09/2015                       | Võ Vũ Linh                      | 7,2085E+10                                                               | 1.000.000                               | Lê Thị Hằng                                  | 1021361610     | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)                | 072187007448                  |           |                               |
| 2                                                                                                    | Trương Văn Đông         | 43                              | Trương Ngọc Yến Vy              | 08/5/2020                        | Lê Thị Huỳnh Chi                | 366327271                                                                | 1.000.000                               |                                              |                |                                                                   |                               |           |                               |
| 3                                                                                                    | Đồng Thị Ngọc Thúy      | 36                              | Lê Thị Thúy Vy                  | 24/10/2018                       | Lê Viết Sơn                     | 172915429                                                                | 1.000.000                               |                                              |                |                                                                   |                               |           |                               |
| 4                                                                                                    | Lê Thị Thắm             | 74                              | Nguyễn Hoàng Gia Huy            | 04/5/2019                        | Nguyễn Tuấn Anh                 | 366093126                                                                | 1.000.000                               |                                              |                |                                                                   |                               |           |                               |
| 5                                                                                                    | Nguyễn Thị Thanh Tuyền  | 54                              | Nguyễn Ngọc Kim Hiền            | 29/05/2017                       | Nguyễn Huỳnh Long               | 290613534                                                                | 1.000.000                               | Nguyễn Thị Thanh Tuyền                       | 7302205211963  | Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam (Agribank) | 086185000170                  |           |                               |



| TT              | Họ và tên           | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |            |                                                    | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----------------|---------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------|-------------------------------|
|                 |                     |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                |                                          |            |                                                    |                               |
| 6               | Lưu Thị Nhân        | 50                              | Bùi Nhật Minh          | 10/10/2019                       | Bùi Văn Linh   | 183416172                                                                | 1.000.000                                      | 1.000.000          | 1.000.000      |                                          |            |                                                    |                               |
|                 |                     |                                 | Bùi Ánh Dương          | 07/4/2017                        |                |                                                                          |                                                |                    |                |                                          |            |                                                    |                               |
| 7               | Huỳnh Thị Quỳnh Hoa | 63                              | Trần Kiều Linh         | 19/10/2019                       | Trần Hậu Duy   | 183696246                                                                | 1.000.000                                      |                    |                | Huỳnh Thị Quỳnh Hoa                      | 1013726833 | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) | 352632598                     |
| Cộng: 08 trẻ em |                     |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                                |                    | 8.000.000      |                                          |            |                                                    |                               |
| TỔNG CỘNG       |                     |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                                |                    | 368.870.000    |                                          |            |                                                    |                               |

Tổng số tiền hỗ trợ: 368.870.000 đồng  
(Ba trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm bảy ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

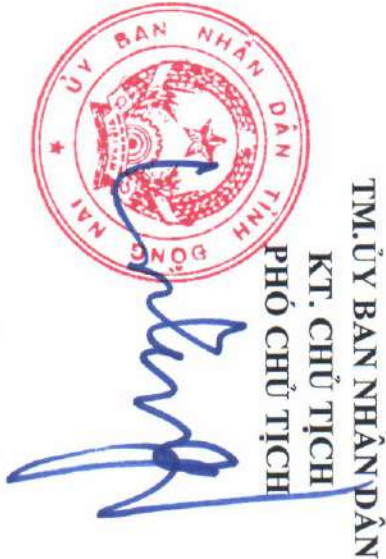
DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC  
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH TMDV PHẠM ĐĂNG PHÁT

(Đính kèm theo Quyết định số 4024 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                                                                         | Họ và tên      | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoàn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |              |                                                   | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|
|                                                                                            |                |                                 |                         |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK        | Ngân hàng                                         |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động tạm hoàn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương |                |                                 |                         |                                  |                |                                                                          |                                                |                    |                |                                          |              |                                                   |                               |
| 1                                                                                          | Nguyễn Thị Hoa | Nhân viên bán hàng              | không xác định thời hạn | 01/9/2020                        | 7515114231     | 01/09/2021                                                               | 01/09/2021                                     | 30/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thị Hoa                           | 101005521479 | Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam | 186484544                     |
| Cộng: 01 người lao động                                                                    |                |                                 |                         |                                  |                |                                                                          |                                                |                    | 3.710.000      |                                          |              |                                                   |                               |

Tổng số tiền hỗ trợ: 3.710.000 đồng  
(Ba triệu, bảy trăm mười ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



**DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC  
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỒNG NAI**  
(Đính kèm theo Quyết định số **4024** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                                                                         | Họ và tên          | Phòng, ban, phần xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoàn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|                                                                                            |                    |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động tạm hoàn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương |                    |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                                |                    |                |                                          |       |           |                               |
| 1                                                                                          | Nguyễn Thị Nhan    | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/11/2003                       | 4705010692     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272376141                     |
| 2                                                                                          | Nguyễn Ngọc Tin    | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/07/2020                       | 7908178189     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271498575                     |
| 3                                                                                          | Phan Thị Thanh Lê  | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/06/2020                       | 7526775305     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272546650                     |
| 4                                                                                          | Lưu Thị Thúy Hòa   | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/10/2009                       | 7509122607     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272268444                     |
| 5                                                                                          | Nguyễn Văn Vượng   | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/04/2000                       | 4702008964     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271408738                     |
| 6                                                                                          | Mai Xuân Thiện     | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/12/2013                       | 7513005521     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 215230862                     |
| 7                                                                                          | Vũ Anh Thư         | Nhân viên                       | XĐTH                   | 01/05/2020                       | 7523926683     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272689106                     |
| 8                                                                                          | Thiếu Thị Hiền     | Nhân viên                       | XĐTH                   | 01/07/2021                       | 4707145261     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271885653                     |
| 9                                                                                          | Trần Thị Thanh Hải | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/03/1999                       | 4703029795     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272645627                     |
| 10                                                                                         | Lê Thị Mỹ Châu     | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/09/2020                       | 7526574738     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 191489380                     |
| 11                                                                                         | Nguyễn Thị Hiền    | Nhân viên                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 7512033556     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 173236028                     |
| 12                                                                                         | Bùi Bắc Phong      | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/06/2021                       | 0110083138     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 030085005601                  |
| 13                                                                                         | Bùi Thị Duyên      | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/10/1991                       | 4707077089     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271588722                     |
| 14                                                                                         | Lê Thanh Tân       | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/04/2009                       | 7509052154     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270782106                     |



| TT | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngày không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|-----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|    |                       |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 15 | Nguyễn Thị Thảo Uyên  | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/08/2013                       | 7412086136     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271969498                     |
| 16 | Nguyễn Thị Kiều Hương | Nhân viên                       | XĐTH                   | 01/07/2020                       | 7526605395     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272658805                     |
| 17 | Đoàn Đỗ Thúy An       | Nhân viên                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 7508245119     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271940471                     |
| 18 | Hoàng Thị Thúy Hằng   | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/09/2020                       | 0116375258     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 184267013                     |
| 19 | Trần Thị Hoài Hương   | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/01/2004                       | 4705010690     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272779847                     |
| 20 | Trần Trung Dũng       | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/01/1986                       | 4702009349     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270705406                     |
| 21 | Phạm Thị Hà           | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/11/2006                       | 4707045893     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271435472                     |
| 22 | Đỗ Thị Thu            | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/07/2020                       | 7509122603     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271671954                     |
| 23 | Trần Văn Năm          | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/08/2010                       | 7510156111     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272456133                     |
| 24 | Phạm Hữu Lý           | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/05/2010                       | 7510071820     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271461067                     |
| 25 | Huỳnh Thị Trúc Diễm   | Nhân viên                       | XĐTH                   | 01/08/2019                       | 5420305272     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 221461517                     |
| 26 | Lê Hữu Nghĩa          | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/10/2011                       | 4705048642     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270746875                     |
| 27 | Đặng Văn Toán         | Nhân viên                       | KXĐTH                  | 01/01/2018                       | 7523322379     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271981720                     |
| 28 | Nguyễn Thị Loan       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/09/2014                       | 7514054267     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271436342                     |
| 29 | Nguyễn Thị Đào        | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/11/2009                       | 7509126868     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 371483317                     |
| 30 | Ngô Thị Nga           | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/10/2020                       | 4706072532     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272844602                     |
| 31 | Bùi Đình Tú           | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/09/2014                       | 4702010156     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271364298                     |
| 32 | Trương Thị Tuyết      | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/07/1998                       | 4702009000     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272945359                     |
| 33 | Nguyễn Kim Lang       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/02/2004                       | 4706069680     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270780043                     |



| TT | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) |                   |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|-------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|    |                   |                                 |                        |                                  |                | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/người không hưởng lương                          | Từ ngày tháng năm | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 34 | Vũ Thị Mẫn        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2000                       | 4702009366     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272917511                     |
| 35 | Lê Thị Nhuận      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2000                       | 4703001650     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272973571                     |
| 36 | Lâm Thị Khuyên    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2004                       | 4706070083     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272795808                     |
| 37 | Lưu Thị Hồng Hiệp | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/1998                       | 4702009005     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272726507                     |
| 38 | Nguyễn Minh Phúc  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2009                       | 4704049049     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271477247                     |
| 39 | Lê Thị Mai Em     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2003                       | 4705010629     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272895914                     |
| 40 | Nguyễn Thị Quí    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/2008                       | 7508176176     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272566293                     |
| 41 | Lê Thị Hưng       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/1999                       | 4703029713     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271552652                     |
| 42 | Trần Thị Năm      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2002                       | 4705010599     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 168020340                     |
| 43 | Nguyễn Đức Thịnh  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/2003                       | 4705010453     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 131284066                     |
| 44 | Huỳnh Thị Mau     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2017                       | 4797091924     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270881659                     |
| 45 | Đỗ Thị Hối        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2020                       | 4701013211     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271448904                     |
| 46 | Cao Thị Hoa       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/2008                       | 7508167754     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 172074190                     |
| 47 | Lê Ngọc Thạch     | Công nhân                       | XDTH                   | 01/06/2020                       | 7510070038     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271826806                     |
| 48 | Lê Thị Mỹ Dân     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/2006                       | 4707141925     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272991986                     |
| 49 | Đào Trọng Đại     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2002                       | 4705010512     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272238138                     |
| 50 | Nguyễn Thái Hiền  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2004                       | 4706069986     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 280892519                     |
| 51 | Lý Thị Hồng Tuyền | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/2017                       | 4706058118     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 281250367                     |
| 52 | Phùng Thị Nhứt    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2013                       | 4702008969     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272569326                     |



| TT | Họ và tên              | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD | Số số bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLD/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|------------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|    |                        |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 53 | Nguyễn Thị Ngọc ánh    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/02/2004                       | 4706069681     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270608724                     |
| 54 | Trần Thị Nhung         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2008                       | 0202049571     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272544330                     |
| 55 | Trần Thị Tư            | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/2010                       | 0200002290     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272327099                     |
| 56 | Đặng Văn Hải           | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/1997                       | 4704032395     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 182003865                     |
| 57 | Nguyễn Văn Thiêm       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2009                       | 7509122613     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270951421                     |
| 58 | Quách Văn Đầy          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2010                       | 7510172247     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 385611915                     |
| 59 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2001                       | 4703029687     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271560010                     |
| 60 | Trần Thị Phương        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/2004                       | 4707051341     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 276002554                     |
| 61 | Phạm Thị Mẫn           | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2003                       | 4705010349     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 186532048                     |
| 62 | Lê Tấn Thanh           | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/11/2019                       | 4706058270     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271788963                     |
| 63 | Trần Ngọc Nam          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2016                       | 4703030208     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 035073001633                  |
| 64 | Phạm Thị Ngọc Hương    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/1999                       | 4702009023     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271434641                     |
| 65 | Nguyễn Thị Lang        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2005                       | 4707110781     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271886985                     |
| 66 | Trần Quang Khải        | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/12/2019                       | 7914149335     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272228339                     |
| 67 | Nguyễn Thị Ngọc ánh    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/1998                       | 2696039321     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 034176004630                  |
| 68 | Nguyễn Trí Dũng        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2000                       | 4702008968     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270872922                     |
| 69 | Hồ Thị Huệ             | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/1998                       | 4702008979     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272669661                     |
| 70 | Đoàn Thị Lương         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/1999                       | 4702009035     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272759438                     |
| 71 | Trần Thị Kim Ngân      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2006                       | 4702009049     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272239881                     |



| TT | Họ và tên            | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số số bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) |                   |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|    |                      |                                 |                        |                                  |                | Thời gian tạm hoàn HĐLĐ/nghỉ không hưởng                                 | Từ ngày tháng năm | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 72 | Trịnh Thị Giang      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/02/1998                       | 4702008973     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271924453                     |
| 73 | Nguyễn Thị Thu Thủy  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/1997                       | 4702008975     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272193054                     |
| 74 | Hoàng Thị Thu Phương | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/2000                       | 4702009061     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 090793935                     |
| 75 | Phạm Đức Tuấn        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/1999                       | 4702009222     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271160641                     |
| 76 | Trần Văn Thúc        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2000                       | 4702009303     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272122033                     |
| 77 | Đỗ Đường Lân         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/2002                       | 4703001569     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271552374                     |
| 78 | Lê Thị Vân           | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/1999                       | 4703001584     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272437331                     |
| 79 | Chu Thị Tâm          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2001                       | 4703029719     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272568771                     |
| 80 | Phạm Thị Loan        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/1998                       | 4704032341     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272699387                     |
| 81 | Lê Thị Hạnh          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/2004                       | 4707051337     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 026126264                     |
| 82 | Vũ Thị Huệ           | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2006                       | 4707110783     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 372010726                     |
| 83 | Nguyễn Thị Mận       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2007                       | 4707110854     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271245181                     |
| 84 | Trần Thị Kiều        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2007                       | 4708004588     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 351545757                     |
| 85 | Trịnh Thị Kim Oanh   | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/2002                       | 4703029723     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272098124                     |
| 86 | Mai Thị Mỹ Lệ        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/2007                       | 4703032452     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272678779                     |
| 87 | Mai Đình Phương      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/1998                       | 4704032368     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272879673                     |
| 88 | Bùi Thị Bảy          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/1998                       | 4704032369     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 113289963                     |
| 89 | Nguyễn Thị Kim Thu   | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/2009                       | 4704049207     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271190575                     |
| 90 | Đoàn Thị Hương       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2003                       | 4705010342     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 281319116                     |



| TT  | Họ và tên              | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số số bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|------------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|     |                        |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 91  | Văn Thị Mỹ Thanh       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/10/2020                       | 4705051817     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272122621                     |
| 92  | Nguyễn Thị Diễm        | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/09/2010                       | 4706110494     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272778242                     |
| 93  | Nguyễn Thị Ngọc        | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/01/2004                       | 4707051339     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 111904667                     |
| 94  | Nguyễn Võ Điền Khanh   | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/06/2007                       | 4707111423     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271990144                     |
| 95  | Huỳnh Ngọc Hiếu        | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/07/2007                       | 4707141899     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271885207                     |
| 96  | Trần Thị Thu Hồng      | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/04/1993                       | 4797091616     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271219956                     |
| 97  | Nguyễn Thị Nguyễn      | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/07/1995                       | 4797091973     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272178637                     |
| 98  | Đường Thị Thuận        | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/06/1993                       | 4797092096     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271489928                     |
| 99  | Đoàn Thị Mỹ Lệ         | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/05/1991                       | 4797092272     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270951661                     |
| 100 | Phạm Thị Phái          | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/05/1993                       | 4797092302     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271426966                     |
| 101 | Nay Tham               | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/09/2020                       | 6422563276     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 231153299                     |
| 102 | Lê Thị Mỹ Lệ           | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/09/2020                       | 7414105862     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 215236041                     |
| 103 | Bùi Văn Hiệp           | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/04/1991                       | 4797091740     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272087553                     |
| 104 | Đào Thị Kim Thủy       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/03/1993                       | 4797091834     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271161970                     |
| 105 | Đỗ Thị Tuyết Minh      | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/12/2016                       | 7511223243     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272219972                     |
| 106 | Đặng Ngọc Thơ          | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/09/2012                       | 7512061197     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 362239846                     |
| 107 | Đoàn Thị ý             | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/05/2013                       | 7513025399     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 340829646                     |
| 108 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/07/2013                       | 7513047551     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271105278                     |
| 109 | Hoàng Đức Long         | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/09/2020                       | 7515061807     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 245302012                     |



| TT  | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn    |                   |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/hệ căn cước công dân |
|-----|-----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|------------------------------|
|     |                       |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | HĐLĐ/nghỉ không lương | Từ ngày tháng năm | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                              |
| 110 | Trần Duy Thanh        | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/05/2020                       | 7516022207     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 351631616                    |
| 111 | Hoàng Thị Nhung       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/05/2017                       | 7516087197     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 174866618                    |
| 112 | Nguyễn Đình Phúc Đức  | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/09/2017                       | 7523363517     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272248203                    |
| 113 | Nguyễn Thảo Nguyễn    | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/08/2018                       | 7523602483     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272615066                    |
| 114 | Nguyễn Quang Lâm      | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/09/2017                       | 7523952759     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272312382                    |
| 115 | Lê Tấn Tài            | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/06/2020                       | 7526510686     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271645281                    |
| 116 | Võ Tùng Siêu          | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/01/2018                       | 7526678622     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 026072993                    |
| 117 | Ngô Thị Yến Hạnh      | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/12/2007                       | 7508072447     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271161000                    |
| 118 | Nguyễn Thị Thu Hồng   | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/04/2008                       | 7508095562     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271737024                    |
| 119 | Trần Minh Yên         | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/05/2017                       | 7508100804     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272184108                    |
| 120 | Nguyễn Anh Tuấn       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/10/2008                       | 7508229876     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271751971                    |
| 121 | Nguyễn Thị Huyền Diễm | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/09/2020                       | 7509103613     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271914072                    |
| 122 | Nguyễn Hữu Tuấn       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/04/2018                       | 7512073048     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272372208                    |
| 123 | Hồ Trọng Hậu          | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/04/2013                       | 7513022734     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271826082                    |
| 124 | Nguyễn Thị Bạch       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/04/2014                       | 7514017618     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 351698131                    |
| 125 | Phạm Hoàng Đăng       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 24/05/2016                       | 7514027079     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271545204                    |
| 126 | Hứa Bùi Minh Thiện    | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/05/2014                       | 7514032345     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271844938                    |
| 127 | Sú Xuân Hoàng         | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/11/2014                       | 7514068349     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272446365                    |
| 128 | Võ Ngọc Yến           | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/02/2016                       | 7516017487     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021            |                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 321550379                    |



| TT  | Họ và tên              | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngày không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|------------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|     |                        |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 129 | Nguyễn Hoàng Ân        | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/04/2018                       | 7526180535     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272815729                     |
| 130 | Nguyễn Thị Hương       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/10/2005                       | 4706058132     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272357721                     |
| 131 | Phạm Gia Trọng         | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/08/2020                       | 4703007468     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272765515                     |
| 132 | Nguyễn Thị Thái Hiền   | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/11/2016                       | 7510052756     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271347099                     |
| 133 | Nguyễn Thị Nương       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/06/2021                       | 7914082484     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 197331697                     |
| 134 | Phạm Thị Hằng          | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/04/2021                       | 3720813440     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 037172000164                  |
| 135 | Trần Thị Diễm Trang    | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/04/2021                       | 4705044108     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272783670                     |
| 136 | Nguyễn Văn Dũng        | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/06/2017                       | 7516207290     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272050885                     |
| 137 | Nguyễn Đăng Thắng      | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/05/2000                       | 4703030144     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 191371629                     |
| 138 | Nguyễn Thị Vững        | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/10/2004                       | 4706069615     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 151055163                     |
| 139 | Lê Thị Thanh Loan      | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/04/2003                       | 4705010435     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270871761                     |
| 140 | Nguyễn Thị Ngọc Thùy   | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/07/2012                       | 7512047809     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272050882                     |
| 141 | Vũ Thị Hồng Loan       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/11/2009                       | 4799153535     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270914563                     |
| 142 | Trương Thị Thanh Hương | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/10/2002                       | 4705010765     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272579177                     |
| 143 | Phạm Thị Giang         | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/08/2002                       | 4705010636     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272748263                     |
| 144 | Nguyễn Thị Doan        | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/04/2002                       | 4703029827     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272729614                     |
| 145 | Phạm Thị Thúy Nga      | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/07/2010                       | 4707034823     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271498547                     |
| 146 | Trần Nhật Tuyền Vy     | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/10/2013                       | 4707109622     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272049388                     |
| 147 | Đặng Thị Thùy Liên     | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/12/2020                       | 4705002036     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271288279                     |



| TT  | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) |                   |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|--------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|     |                    |                                 |                        |                                  |                | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Từ ngày tháng năm | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 148 | Lã Duy Tuấn        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2020                       | 7523155029     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272201441                     |
| 149 | Bùi Thị Thùy Linh  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2020                       | 4796053988     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271242122                     |
| 150 | Lê Thị Hồng Dịu    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2020                       | 7510203890     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 250826110                     |
| 151 | Hoàng Thị Diệp     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2020                       | 4706033275     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 197087479                     |
| 152 | Lê Thị Ngọc Trị    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2021                       | 8924588487     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 352099872                     |
| 153 | Nguyễn Thị Loan    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2013                       | 7511004950     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 362215577                     |
| 154 | Tăng Thị Dung      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/02/2004                       | 4706069655     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272806758                     |
| 155 | Nguyễn Thị Hạnh    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2016                       | 4707030803     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271049189                     |
| 156 | Lê Thị Man         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2020                       | 7512173351     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272759866                     |
| 157 | Phan Thị Lành      | Công nhân                       | XDTH                   | 01/04/2021                       | 7516208756     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 184163037                     |
| 158 | Huỳnh Minh Sang    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2018                       | 7909339026     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 024142053                     |
| 159 | Trần Thị Kim Kiều  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2020                       | 4706072293     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271444836                     |
| 160 | Trần Thị Hoàng Anh | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2017                       | 7516218291     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 273598720                     |
| 161 | Phạm Thị Lan Hương | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/2002                       | 4704033543     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272040104                     |
| 162 | Nguyễn Diệu Thủy   | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/1999                       | 4703029915     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272229656                     |
| 163 | Nguyễn Thị Đăng    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/03/2004                       | 4706069708     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 111747073                     |
| 164 | Đinh Thị Mai       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2000                       | 4703029998     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272778623                     |
| 165 | Nguyễn Thanh Tùng  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/1999                       | 4703029819     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 026079000085                  |
| 166 | Nguyễn Thị Huệ     | Công nhân                       | XDTH                   | 01/04/2021                       | 7509131246     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 172294799                     |



| TT  | Họ và tên              | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghi không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|------------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|     |                        |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 167 | Phan Thị Hồng Tâm      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/2008                       | 7508117960     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 186209755                     |
| 168 | Phạm Thị Phi Phụng     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/2007                       | 4707072256     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271116844                     |
| 169 | Trương Thị Hòa         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/2000                       | 4703029853     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 031170008490                  |
| 170 | Cao Văn Lành           | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2020                       | 4706069606     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 300841654                     |
| 171 | Quế Thị Hải Lý         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/1997                       | 4704032531     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 182204215                     |
| 172 | Trần Thị Kim Hồng      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2013                       | 7513057831     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 351005940                     |
| 173 | Nguyễn Thị Mát         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2009                       | 4705010547     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 121377309                     |
| 174 | Đỗ Thủy Hằng           | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/2011                       | 75111113238    | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 052181000120                  |
| 175 | Hoàng Thị Đào          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/2005                       | 4706058142     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 182365963                     |
| 176 | Nguyễn Thị Tuyết Thanh | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/03/2005                       | 4706069722     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 135012654                     |
| 177 | Phạm Thị Nhung         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/2007                       | 4707141919     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 182488095                     |
| 178 | Trần Thị Hạnh          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/03/2012                       | 7512011637     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 191380330                     |
| 179 | Phạm Thị Hời           | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/1997                       | 4707141935     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272788971                     |
| 180 | Nguyễn Thị Sâm         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/03/2005                       | 4706069714     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272389633                     |
| 181 | Lê Thị Sen             | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2002                       | 4705010376     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272782988                     |
| 182 | Bùi Thị Huệ            | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/1999                       | 4702009034     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272678753                     |
| 183 | Nguyễn Thị Dung        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/1998                       | 4702008988     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272544668                     |
| 184 | Phạm Thị Hương         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/1998                       | 4704032478     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271849967                     |
| 185 | Triệu Thị Lệ Thu       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/2008                       | 7508117964     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272067751                     |



| TT  | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời gian tạm hoãn                                                       |                   |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|-----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|     |                       |                                 |                        |                                  |                | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Từ ngày tháng năm | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 186 | Phạm Thị Bích         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/2004                       | 4706069791     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271343054                     |
| 187 | Vũ Thị Khánh Hương    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/1997                       | 4704032552     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272389380                     |
| 188 | Nguyễn Thị Ngọc Thanh | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2014                       | 4705010669     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271347861                     |
| 189 | Lưu Thị Hồng          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2000                       | 4703007517     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272622893                     |
| 190 | Đinh Thị Nghiếp       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/2000                       | 4704032588     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 211925574                     |
| 191 | Trần Thị Oanh         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2005                       | 4706058169     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272545573                     |
| 192 | Trần Thị Hải          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2001                       | 4704032611     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 183352891                     |
| 193 | Phan Thị Ngà          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/2010                       | 7509106004     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272338787                     |
| 194 | Bùi Thị Hào           | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2006                       | 4707045916     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272637725                     |
| 195 | Nguyễn Ngọc Phương    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2021                       | 7515024323     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 352416419                     |
| 196 | Hoàng Thị Vân         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/2000                       | 4703030035     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272868402                     |
| 197 | Lê Thị Thu Hiền       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2002                       | 4705010742     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272806769                     |
| 198 | Đinh Thị Thắm         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2010                       | 7510061858     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272387878                     |
| 199 | Đặng Thị Sinh         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/2001                       | 4703029969     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272601348                     |
| 200 | Lê Thị Thu            | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/2008                       | 7508229883     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 171540613                     |
| 201 | Ngô Thị Ái            | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/2012                       | 7512029645     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272766401                     |
| 202 | Nhữ Thị Ái            | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/2007                       | 4708004628     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 038181006606                  |
| 203 | Nguyễn Thị Nam        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2013                       | 7513022746     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 091096361                     |
| 204 | Nguyễn Thị Hải        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2004                       | 4706070068     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 182152408                     |



| TT  | Họ và tên            | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLD/ngiht không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|     |                      |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 205 | Vũ Thị Hồng          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/1994                       | 4797092138     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271445604                     |
| 206 | Đỗ Thanh Hồng        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/1999                       | 4702009131     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 001178012350                  |
| 207 | Hoàng Thị Thoa       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2016                       | 7516039436     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 194502932                     |
| 208 | Bùi Thị Phương Nga   | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/1999                       | 4703029933     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272715609                     |
| 209 | Lê Thị Mỹ            | Công nhân                       | XDTH                   | 01/08/2019                       | 7510090673     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272848887                     |
| 210 | Nguyễn Khắc Sỹ       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2005                       | 4706058155     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 285232584                     |
| 211 | Nguyễn Thị Nghĩa     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2006                       | 4706058471     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 273241795                     |
| 212 | Nguyễn Thị Bích Huệ  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2015                       | 7515031092     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 351573326                     |
| 213 | Nguyễn Thị Viên      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2020                       | 7721852511     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 276129136                     |
| 214 | Quách Thị Thảo Em    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2020                       | 8622528561     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 331936677                     |
| 215 | Đặng Thị Hoa         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2021                       | 0202073006     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 151430014                     |
| 216 | Nguyễn Thị Mai       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2020                       | 7515035596     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272752397                     |
| 217 | Đoàn Thị Hoa Huệ     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2020                       | 7911182378     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 215098711                     |
| 218 | Lê Thị Hoàng         | Công nhân                       | XDTH                   | 01/04/2021                       | 4702003087     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 182194753                     |
| 219 | Lê Thị Tuyết         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2021                       | 7524561601     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272992401                     |
| 220 | Nguyễn Thị Túc       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2016                       | 9107104591     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 121459869                     |
| 221 | Nguyễn Thị Thúy Hằng | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2021                       | 8209003496     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 312146574                     |
| 222 | Huỳnh Xuân Anh       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/03/2006                       | 0202200700     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 217320583                     |
| 223 | Tô Thị Lương         | Công nhân                       | XDTH                   | 01/04/2020                       | 3020262990     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 141747636                     |



| TT  | Họ và tên              | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) |                    |            | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |       |           | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |  |  | Số CMND/hẻ căn cước công dân |
|-----|------------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------|------------------------------------------------|-------|-----------|----------------|------------------------------------------|--|--|------------------------------|
|     |                        |                                 |                        |                                  |                | Từ ngày tháng năm                                                        | Đến ngày tháng năm |            | Tên TK                                         | Số TK | Ngân hàng |                |                                          |  |  |                              |
| 224 | Nguyễn Thị Phương      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2021                       | 4421128032     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 044184000453                             |  |  |                              |
| 225 | Nguyễn Thị Hương       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/2010                       | 4701003608     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 272445781                                |  |  |                              |
| 226 | Doãn Thị Hồng Bình     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2001                       | 4702009324     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 272582185                                |  |  |                              |
| 227 | Nguyễn Thị Hải         | Công nhân                       | XDTH                   | 01/07/2019                       | 4703005597     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 271560792                                |  |  |                              |
| 228 | Phạm Thanh Vân         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/2002                       | 4703029823     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 272678009                                |  |  |                              |
| 229 | Nguyễn Thị Quyết       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2001                       | 4703029873     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 272466522                                |  |  |                              |
| 230 | Nguyễn Thị Màu         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/1999                       | 4703029905     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 271328359                                |  |  |                              |
| 231 | Đỗ Thị Bình            | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2000                       | 4703030055     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 168024403                                |  |  |                              |
| 232 | Trần Thị Trang         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/02/2013                       | 0207062635     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 260887081                                |  |  |                              |
| 233 | Đỗ Thị Hương           | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2010                       | 4704049082     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 271503790                                |  |  |                              |
| 234 | Nguyễn Thanh Lịch      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/2003                       | 4705010681     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 272806371                                |  |  |                              |
| 235 | Trương Hữu Nhân        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/2009                       | 4705083064     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 270672537                                |  |  |                              |
| 236 | Nguyễn Thị Phương Dung | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/2008                       | 4706014023     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 271400720                                |  |  |                              |
| 237 | Bùi Huy Việt           | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2005                       | 4706058175     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 271864438                                |  |  |                              |
| 238 | Trần Thị Quỳnh Như     | Công nhân                       | XDTH                   | 01/04/2020                       | 4706058565     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 271885327                                |  |  |                              |
| 239 | Nguyễn Phạm Duy        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2012                       | 4706094916     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 271619392                                |  |  |                              |
| 240 | Nông Thị Hên           | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/2012                       | 4707051379     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 272688558                                |  |  |                              |
| 241 | Doãn Thị Viên          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/03/2007                       | 4707051424     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 272095204                                |  |  |                              |
| 242 | Hồ Thị Bích Xuân       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/2018                       | 4707077078     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021         | 20/09/2021 | 3.710.000                                      |       |           |                | 058169000311                             |  |  |                              |



| TT  | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|-----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|     |                       |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                             | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 243 | Lê Thị Phương Loan    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/03/2019                       | 4707130814     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 381490462                     |
| 244 | Danh Thị Mai          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2001                       | 4703030259     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271076346                     |
| 245 | Nguyễn Thị Loan       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2020                       | 4704025864     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 276056030                     |
| 246 | Võ Thị Kim Phượng     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/1996                       | 4704032505     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 320851174                     |
| 247 | Trần Thị Hương        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/1998                       | 4704032541     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 152087080                     |
| 248 | Ngô Thị Nhật          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2001                       | 4704032610     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 162450099                     |
| 249 | Đinh Thị Hải          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2005                       | 4705005123     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272463143                     |
| 250 | Nguyễn Thị Hiền       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/2005                       | 4706069627     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 060800653                     |
| 251 | Nguyễn Thị Hiền       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2020                       | 7408196443     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 171743400                     |
| 252 | Nguyễn Thị Dung       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/02/2004                       | 4706069683     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 183339609                     |
| 253 | Trần Huy Trí          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2007                       | 4707110809     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 371340976                     |
| 254 | Lê Thị Quỳnh Hoa      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2007                       | 4707111296     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 225413627                     |
| 255 | Bùi Thúy Phượng       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/1993                       | 4797092409     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271240876                     |
| 256 | Huỳnh Văn Lễ          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/1995                       | 4797092434     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 320826306                     |
| 257 | Nguyễn Ánh Mai        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/05/2005                       | 4797092472     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270672559                     |
| 258 | Nguyễn Thị Thanh Ngân | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2021                       | 6423350931     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 230962252                     |
| 259 | Nguyễn Thị Thu Hòa    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2020                       | 7508153687     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271510623                     |
| 260 | Hứa Thị Diệu Hiền     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2009                       | 7509140319     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272169716                     |
| 261 | Nguyễn Văn Nghiêm     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2021                       | 7510202167     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 385505915                     |



| TT  | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) |                   |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|-----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|     |                       |                                 |                        |                                  |                | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Từ ngày tháng năm | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 262 | Nguyễn Thị Mỹ Phụng   | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/01/2013                       | 7513008739     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272382674                     |
| 263 | Trần Văn Tuyên        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2013                       | 7513072295     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272143887                     |
| 264 | Trịnh Thị Hải         | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/2014                       | 7514044165     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 172228750                     |
| 265 | Nguyễn Phạm Hồng Sơn  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2020                       | 7522997048     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272929347                     |
| 266 | Nguyễn Thị Thủy Tiên  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/02/1995                       | 4797092137     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272389362                     |
| 267 | Nguyễn Thị Ngọc Trinh | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2021                       | 4797092497     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271043727                     |
| 268 | Nguyễn Thị Thu Phương | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2021                       | 7021166551     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 285174438                     |
| 269 | Nguyễn Thị Dung       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2008                       | 7508095623     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272386568                     |
| 270 | Nguyễn Thị Diễm ánh   | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/03/2008                       | 7508095673     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271395598                     |
| 271 | Bùi Thị Kim Liên      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/02/2011                       | 7511016195     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 212702271                     |
| 272 | Nguyễn Anh Minh       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2020                       | 7511022379     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272051140                     |
| 273 | Nguyễn Ngọc Kim Ngân  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/03/2013                       | 7513008741     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272428275                     |
| 274 | Phan Thị Thanh Thủy   | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2019                       | 7523341266     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 340755658                     |
| 275 | Nguyễn Thị Kim Yến    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/2020                       | 7523484908     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272399868                     |
| 276 | Hà Nguyễn Bảo Nhi     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2020                       | 7523664858     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272618185                     |
| 277 | Nguyễn Thanh Được     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2020                       | 7526576859     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271777628                     |
| 278 | Lê Trí Thúc           | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2020                       | 8925264460     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 351707421                     |
| 279 | Nguyễn Thủy Thu Nga   | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/06/2021                       | 7523218215     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272456199                     |
| 280 | Phạm Thị Bích Trâm    | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/04/2021                       | 7523608738     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272768258                     |



| TT  | Họ và tên           | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|---------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|     |                     |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                             | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 281 | Ngô Thị Nga         | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/04/2021                       | 7526752686     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272545258                     |
| 282 | Trần Thị Kim Xuyên  | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/10/2020                       | 8722873429     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 340899253                     |
| 283 | Trần Anh Duy        | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/06/2007                       | 7508017398     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271965701                     |
| 284 | Nguyễn Kim Dung     | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 7909129446     | 15/07/2021                                                               | 15/07/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 025078669                     |
| 285 | Cao Văn Linh        | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/02/2021                       | 7915149216     | 16/07/2021                                                               | 16/07/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272552779                     |
| 286 | Nguyễn Đức Vẹn      | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/01/2013                       | 0203009588     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021                                    | 12/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 341015117                     |
| 287 | Tô Thị Thương       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/04/2014                       | 0207255646     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272085118                     |
| 288 | Kiều Thị Kim Lài    | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/04/2017                       | 7510166852     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021                                    | 12/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271591400                     |
| 289 | Phạm Thị Hoa        | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/12/2020                       | 7510183726     | 12/08/2021                                                               | 12/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272438236                     |
| 290 | Lê Thị Thanh Hoa    | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/09/2020                       | 7510190676     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271403751                     |
| 291 | Trần Thị Thúy Kiều  | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/06/2014                       | 7511026738     | 12/08/2021                                                               | 12/08/2021                                    | 12/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271986197                     |
| 292 | Nguyễn Minh Thông   | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/02/2015                       | 7511152786     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021                                    | 12/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271773270                     |
| 293 | Huỳnh Thị Kim Loan  | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/10/2012                       | 7512068741     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271249730                     |
| 294 | Trần Thị Thùy Trang | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/08/2013                       | 7513054363     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021                                    | 19/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270800582                     |
| 295 | Huỳnh Yến Nhi       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/06/2014                       | 7514032289     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272894951                     |
| 296 | Vũ Thị Phương       | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 7510097912     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272997628                     |
| 297 | Lưu Thị Bạch Nguyệt | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/08/2020                       | 7510101060     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021                                    | 12/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271345556                     |
| 298 | Lê Minh Quang       | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/04/2021                       | 7512068729     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021                                    | 19/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272157060                     |
| 299 | Nguyễn Thị Kim Đình | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/06/2013                       | 7513034967     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021                                    | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271072454                     |



| TT  | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) |                   |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|-----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|     |                       |                                 |                        |                                  |                | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngày không hưởng lương                           | Từ ngày tháng năm | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 300 | Trần Thị Kim Quy      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2013                       | 7513034973     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021        | 12/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272109561                     |
| 301 | Lưu Thị Mỹ Lợi        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/09/2014                       | 7513166768     | 12/08/2021                                                               | 12/08/2021        | 12/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 276035021                     |
| 302 | Nguyễn Thị Thu Trang  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2015                       | 7514052931     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021        | 12/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271621110                     |
| 303 | Cù Thị Linh           | Công nhân                       | XDTH                   | 01/10/2020                       | 7514061209     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021        | 19/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 163016203                     |
| 304 | Dặng Ngọc Nhân        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2016                       | 7516027878     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021        | 19/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272707201                     |
| 305 | Đoàn Thị Liên         | Công nhân                       | XDTH                   | 01/04/2021                       | 7525256860     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 276080465                     |
| 306 | Đinh Thị Lan Hương    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2018                       | 0205194679     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 023927529                     |
| 307 | Phạm Hoàng Trúc Linh  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/2016                       | 7510112239     | 11/08/2021                                                               | 11/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271562541                     |
| 308 | Nguyễn Thị Lệ Huyền   | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2018                       | 7526696495     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 197082329                     |
| 309 | Đỗ Thị Hồng Đào       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/2016                       | 7513069966     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272410947                     |
| 310 | Vũ Thị Hòa            | Công nhân                       | XDTH                   | 01/04/2021                       | 7523402284     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 038189004942                  |
| 311 | Trần Thị Thu Hồng     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/2018                       | 4520838748     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 197035126                     |
| 312 | Nguyễn Thị Thuý Vy    | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/11/2018                       | 4705046980     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271231714                     |
| 313 | Nguyễn Ngọc Lực       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/02/2015                       | 4706069634     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271441821                     |
| 314 | Bùi Thị Thúy An       | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/2017                       | 4707104929     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271667305                     |
| 315 | Huyền Thị Thu Quyên   | Công nhân                       | XDTH                   | 01/10/2020                       | 5221065955     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 215556045                     |
| 316 | Nguyễn Thị Thuý Linh  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2021                       | 5420655793     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 221103402                     |
| 317 | Huỳnh Thị Mạnh        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2016                       | 7508086870     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272041802                     |
| 318 | Nguyễn Thị Thuý Trang | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2016                       | 7510038541     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021        | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272124470                     |



| TT  | Họ và tên              | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngiht không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|------------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|     |                        |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                         | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 319 | Đào Thị Thu Thủy       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/12/2020                       | 7510099846     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272044332                     |
| 320 | Nguyễn Thị Kim Trang   | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/06/2016                       | 7512184722     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272442396                     |
| 321 | Nguyễn Thị Hoa         | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/11/2018                       | 7512185800     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271153807                     |
| 322 | Nguyễn Thị Bích Thùy   | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/10/2018                       | 7513010315     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271995989                     |
| 323 | Vy Yến Nhi             | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/07/2016                       | 7516033099     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272531481                     |
| 324 | Lê Thị Hiền            | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 7524143029     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 276075233                     |
| 325 | Lê Thị Mỹ Hậu          | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/09/2019                       | 7511188956     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272772727                     |
| 326 | Trần Thanh Quyên       | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/08/2016                       | 7512203590     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271667159                     |
| 327 | Lê Thị Thu Sang        | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/08/2019                       | 7514170749     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272643689                     |
| 328 | Lê Bảo Trí             | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/07/2018                       | 7516027340     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 264461629                     |
| 329 | Lê Thị Hồng            | Công nhân                       | KXĐTH                  | 09/06/2016                       | 7516033095     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270895981                     |
| 330 | Chu Thị Hồng Loan      | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/11/2016                       | 7516057622     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272016864                     |
| 331 | Phan Thị Anh           | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/07/2017                       | 7516068425     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 245324090                     |
| 332 | Nguyễn Thị Hoàng Thanh | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/03/2017                       | 7516070979     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272755492                     |
| 333 | Trần Thị Hậu           | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/05/2021                       | 7524858960     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 276114912                     |
| 334 | Nguyễn Thái Hòa        | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/06/2021                       | 7525082397     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272314384                     |
| 335 | Trần Thị Luyến         | Công nhân                       | KXĐTH                  | 01/06/2021                       | 7525093422     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272773139                     |
| 336 | Đỗ Thanh Nhã           | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 7525140981     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 276027508                     |
| 337 | Đỗ Thanh Như           | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 7525141531     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 276027505                     |



| TT  | Họ và tên              | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----|------------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|     |                        |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 338 | Lê Thị Yến Vy          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/10/2017                       | 7526265322     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272987182                     |
| 339 | Võ Thị Bích Lan        | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2020                       | 7526797839     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272710996                     |
| 340 | Nguyễn Thị Cẩm Thu     | Công nhân                       | KXDTH                  | 04/06/2016                       | 7912047020     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 312072486                     |
| 341 | Lê Kiều Anh            | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/03/2021                       | 9622218579     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 381703529                     |
| 342 | Huỳnh Bùi Thị Anh Thư  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/07/2021                       | 7526618644     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 285479822                     |
| 343 | Nguyễn Thị Bạch Huệ    | Công nhân                       | XDTH                   | 01/11/2020                       | 7525095703     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271119728                     |
| 344 | Nguyễn Thị Bích Trinh  | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/04/2018                       | 7526714151     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 285406876                     |
| 345 | Dương Thị Thu Thảo     | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2018                       | 7526739012     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 271524689                     |
| 346 | Nguyễn Thị Kim Giang   | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/06/2018                       | 7526739017     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 270832005                     |
| 347 | Phan Thị Cẩm Hoài      | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/08/2016                       | 7915032061     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 272832969                     |
| 348 | Nguyễn Thị Đo          | Công nhân                       | KXDTH                  | 01/12/2017                       | 8322854919     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 321102591                     |
| 349 | Bùi Tiến Thảo          | Công nhân                       | XDTH                   | 01/02/2019                       | 9124112971     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 372068104                     |
| 350 | Nguyễn Thiên Thuần     | Công nhân                       | XDTH                   | 01/10/2020                       | 5121126844     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 212841476                     |
| 351 | Nguyễn Thành Phòng     | Công nhân                       | XDTH                   | 01/10/2020                       | 5121661047     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 212208182                     |
| 352 | Nguyễn Văn Tiến        | Công nhân                       | XDTH                   | 01/10/2020                       | 7912210656     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 312076895                     |
| 353 | Nguyễn Thị Thiên Hương | Công nhân                       | XDTH                   | 01/10/2020                       | 7912258051     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 072177001665                  |
| 354 | Nguyễn Ngọc Viễn       | Công nhân                       | XDTH                   | 01/10/2020                       | 7912258057     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 212061469                     |
| 355 | Nguyễn Thanh Giàu      | Công nhân                       | XDTH                   | 01/10/2020                       | 7914065378     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 352057433                     |
| 356 | Bùi Ánh Hào Anh        | Công nhân                       | XDTH                   | 01/10/2020                       | 7916141996     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                                     | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 312020563                     |



| TT                       | Họ và tên       | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|--------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|                          |                 |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 357                      | Trần Văn Dũng   | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 7931263973     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 079091013344                  |
| 358                      | Bùi Ánh Hào Em  | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 8223583940     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 312020562                     |
| 359                      | Trần Văn Hẹ     | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 9422170390     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 365654799                     |
| 360                      | Phạm Ngọc Tinh  | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 5120848143     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 212793494                     |
| 361                      | Võ Thành Tâm    | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 5121159701     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 212841377                     |
| 362                      | Nguyễn Văn Lễ   | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 0205158199     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 025707288                     |
| 363                      | Bùi Văn Điền    | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 7915066577     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 351609509                     |
| 364                      | Nguyễn Thanh Vũ | Công nhân                       | XĐTH                   | 01/10/2020                       | 8013034606     | 07/08/2021                                                               | 07/08/2021                              | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |       |           | 025578048                     |
| Cộng: 364 người lao động |                 |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                         |                    | 1.350.440.000  |                                          |       |           |                               |

## II. Hỗ trợ người lao động đang mang thai

| H. Hỗ trợ người lao động đang mang thai                                                              |                  |                  |                   | Số CMND/thẻ<br>căn cước công<br>dân      |       |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|-------------------|------------------------------------------|-------|-----------|
| TT                                                                                                   | Họ và tên        | Thứ tự tại mục I | Số tiền<br>hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           |
|                                                                                                      |                  |                  |                   | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |
| 1                                                                                                    | Lê Thị Mỹ Lệ     | 102              | 1.000.000         |                                          |       | 215236041 |
| 2                                                                                                    | Phan Thị Ngà     | 193              | 1.000.000         |                                          |       | 272338787 |
| 3                                                                                                    | Đào Thị Thu Thủy | 319              | 1.000.000         |                                          |       | 272044332 |
| Cộng: 03 người lao động                                                                              |                  |                  |                   |                                          |       |           |
| III. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi |                  |                  |                   |                                          |       |           |



| TT | Họ và tên            | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động          | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ | Số sổ bảo hiểm                  | Thời điểm bắt đầu tạm hoàn                     |                       | Số tiền hỗ trợ                               | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |           |                               | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|----------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------|------------------------------------------|-----------|-------------------------------|-------------------------------|
|    |                      |                                 |                                 |                                  |                                 | đầu tạm hoàn nghỉ việc                         | HDLĐ nghỉ không lương |                                              | Tên TK                                   | Số TK     | Ngân hàng                     |                               |
| TT | Họ và tên            | Số TT tại mục 1                 | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi | Ngày tháng năm sinh của trẻ em   | Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2 | Số CMN/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng | Số tiền hỗ trợ        | Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ | Số tài khoản                             | Ngân hàng | Số CMND/thẻ căn cước công dân |                               |
| 1  | Lan Thị Thủy Hòa     | 4                               | Vũ Khánh Linh                   | 17/05/2017                       | Vũ Đình Tuấn                    | 272569300                                      | 1.000.000             |                                              |                                          |           | 272268444                     |                               |
|    |                      |                                 | Vũ Tấn Tài                      | 27/06/2020                       |                                 |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           |                               |                               |
| 2  | Thiếu Thị Hiền       | 8                               | Lê Minh Khang                   | 22/08/2019                       | Lê Thế Đức                      | 272203597                                      | 1.000.000             |                                              |                                          |           | 271885653                     |                               |
| 3  | Nguyễn Thị Hiền      | 11                              | Nguyễn Duy Khôi                 | 11/4/2017                        | Nguyễn Duy Thanh                | 272500904                                      | 1.000.000             |                                              |                                          |           | 173236028                     |                               |
| 4  | Nguyễn Thị Thảo Uyên | 15                              | Nguyễn Tuấn Phát                | 27/02/2018                       | Nguyễn Văn Chính                |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           | 271969498                     |                               |
|    |                      |                                 | Nguyễn Khánh Vy                 | 9/5/2019                         |                                 |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           |                               |                               |
| 5  | Lê Thị Mai Em        | 39                              | Nguyễn Thị Khả Hân              | 17/10/2016                       | Nguyễn Minh Phúc                |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           | 272895914                     |                               |
|    |                      |                                 | Nguyễn Lê Y Men                 | 21/07/2019                       |                                 |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           |                               |                               |
| 6  | Phạm Thị Mân         | 61                              | Phạm Công Trí                   | 22/01/2017                       | Không có                        |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           | 186532048                     |                               |
| 7  | Nguyễn Hữu Tuấn      | 122                             | Nguyễn Ngọc Kim Ngân            | 19/07/2018                       | Hồ Nguyễn Ánh Trinh             |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           | 272372208                     |                               |
| 8  | Nguyễn Đình Phúc Đức | 112                             | Nguyễn Ngọc Hà My               | 13/12/2020                       | Phạm Tú Anh                     |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           | 272248203                     |                               |
| 9  | Hoàng Thị Thu Phương | 74                              | Hà Minh Quang                   | 18/04/2020                       | Hà Ngọc Quân                    |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           | 90793935                      |                               |
| 10 | Hoàng Thị Diệp       | 151                             | Bùi Hoàng Gia Phát              | 20/09/2016                       | Bùi Văn Quảng                   |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           | 197087479                     |                               |
| 11 | Nguyễn Thủy Thu Nga  | 279                             | Nguyễn Hoàng Minh Kha           | 06/8/2020                        | Nguyễn Thanh Dược               |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           | 272456199                     |                               |
|    |                      |                                 | Nguyễn Hoàng Minh Khang         | 17/10/2015                       |                                 |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           |                               |                               |
| 12 | Nguyễn Thị Thủy Hằng | 221                             | Nguyễn Thị Thủy Ngân            | 25/10/2015                       | Không có                        |                                                | 1.000.000             |                                              |                                          |           | 312146574                     |                               |



| TT | Họ và tên            | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động      | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLD/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|----------------------|---------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|    |                      |                                 |                             |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 13 | Phan Thị Hồng Tâm    | 167                             | Nguyễn Thị Phương Trang     |                                  | 21/09/2019     | Nguyễn Văn Trinh                                                         |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 186209755                     |
| 14 | Trần Thị Quỳnh Như   | 238                             | Võ Đình Tuấn Kiệt           |                                  | 18/02/2017     | Võ Đình Nam                                                              |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 271885327                     |
| 15 | Nguyễn Thị Kim Yến   | 275                             | Nguyễn Ngọc Kim Khánh       |                                  | 20/12/2017     | Nguyễn Ngọc Tân                                                          |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272399868                     |
| 16 | Trần Thị Kim Kiều    | 159                             | Nguyễn Trần Gia Hân         |                                  | 19/01/2016     | Nguyễn Hữu Vinh                                                          |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 271444836                     |
| 17 | Bùi Thị Phương Nga   | 208                             | Dương Trâm Anh              |                                  | 14/07/2020     | Dương Văn Nghĩa                                                          |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272715609                     |
| 18 | Nguyễn Thanh Lịch    | 234                             | Trương Nguyễn Diệu Hương    |                                  | 6/5/2017       | Trương Việt Đình                                                         |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272806371                     |
| 19 | Bùi Thị Huệ          | 182                             | Bùi Thị Hải My              |                                  | 26/10/2015     | Bùi Văn Tuấn                                                             |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 125054302                     |
| 20 | Nguyễn Thị Hiền      | 251                             | Đào Quỳnh Như               |                                  | 02/3/2018      | Đào Quang Dương                                                          |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 171743400                     |
| 21 | Nguyễn Thị Thu Hòa   | 259                             | Trần Nguyễn Như Ý Cát Tường |                                  | 21/08/2017     | Trần An Nam                                                              |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 271510623                     |
| 22 | Triệu Thị Lệ Thu     | 185                             | Nguyễn Đạt                  |                                  | 02/5/2019      | Nguyễn Xuân Phi                                                          |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272067751                     |
| 23 | Đinh Thị Thắm        | 198                             | Nguyễn Bích Diệp            |                                  | 23/09/2017     | Nguyễn Văn Phiên                                                         |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272387878                     |
|    |                      |                                 | Nguyễn Phi Long             |                                  | 13/06/2019     |                                                                          |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           |                               |
| 24 | Trần Nhật Tuyền Vy   | 146                             | Nguyễn Trần Minh Khoa       |                                  | 11/6/2016      | Nguyễn Phúc Khôi                                                         |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272049388                     |
| 25 | Nguyễn Ngọc Kim Ngân | 273                             | Nguyễn Ngọc Uyên Nhi        |                                  | 11/3/2018      | Nguyễn Hoàng Long                                                        |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272428275                     |
|    |                      |                                 | Nguyễn Hoàng Nam Khôi       |                                  | 16/11/2019     |                                                                          |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           |                               |
| 26 | Đinh Thị Mai         | 164                             | Nguyễn Thị Trâm Anh         |                                  | 26/06/2020     | Nguyễn Văn Mùi                                                           |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272778623                     |
| 27 | Nguyễn Thị Thủy Tiên | 266                             | Phạm Nguyễn Ngọc Châu       |                                  | 20/2/2019      | Phạm Phan Thái Bình                                                      |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272389362                     |
| 28 | Lê Thị Mỹ            | 209                             | Trần Lê Bảo Ngọc            |                                  | 09/1/2016      | Trần Văn Chương                                                          |                                                |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272848887                     |



| TT | Họ và tên           | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu làm hoàn lương (Ngày tháng năm) |                   |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|---------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|---------------------------------------------------|-------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|    |                     |                                 |                        |                                  |                | không hưởng lương (Ngày tháng năm)                | Từ ngày tháng năm | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 29 | Nguyễn Thị Mai      | 216                             | Mã Thu Kỳ              |                                  | 13/08/2018     | Mã Thành Công                                     |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272752397                     |
| 30 | Lê Thị Man          | 156                             | Mai Thị Hòa An         |                                  | 11/9/2015      | Mai Văn Miên                                      |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272759866                     |
| 31 | Lê Thị Hồng Dịu     | 150                             | Trần Lê Thanh Phong    |                                  | 12/9/2016      | Trần Huy Thanh                                    |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 250826110                     |
| 32 | Quách Thị Thảo Em   | 214                             | Nguyễn Ngọc Thiên Ân   |                                  | 12/7/2019      | Nguyễn Văn Hòa                                    |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 331936677                     |
| 33 | Nguyễn Thị Viên     | 213                             | Bùi Trí Bảo            |                                  | 18/06/2016     | Bùi Bảo Quốc                                      |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 240727223                     |
| 34 | Lưu Thị Bạch Nguyệt | 297                             | Huỳnh Thị Thanh Trúc   |                                  | 10/7/2016      | Huỳnh Thanh                                       |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 271345556                     |
| 35 | Tô Thị Thương       | 287                             | Hồ Nhật Gia Huy        |                                  | 21/12/2016     | Hồ Mộng Long                                      |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272085118                     |
| 36 | Huỳnh Yến Nhi       | 295                             | Phan Huỳnh Thiên Hưng  |                                  | 11/8/2017      | Phan Hồng Quân                                    |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272894951                     |
| 37 | Phạm Thị Hoa        | 289                             | Trần Minh Tâm          |                                  | 17/04/2019     | Trần Nam Sơn                                      |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272438236                     |
| 38 | Vũ Thị Phương       | 296                             | Nguyễn Hiếu            |                                  | 26/11/2018     | Nguyễn Minh                                       |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272997628                     |
| 39 | Cù Thị Linh         | 303                             | Nguyễn Quốc Huy        |                                  | 14/09/2016     | Nguyễn Quốc Hưng                                  |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 163016203                     |
| 40 | Đoàn Thị Liên       | 305                             | Nguyễn Đoàn Nguyễn     |                                  | 24/07/2018     | Nguyễn Quốc Huy                                   |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 276080465                     |
| 41 | Nguyễn Đức Vên      | 286                             | Nguyễn Thị Huỳnh Thư   |                                  | 3/1/2017       | Thái Thị Huỳnh Khoa                               |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 341015117                     |
| 42 | Lê Minh Quang       | 298                             | Lê Minh Huy            |                                  | 11/1/2018      | Nguyễn Thị Yến Nhi                                |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272157060                     |
| 43 | Nguyễn Thị Cẩm Thu  | 340                             | Đỗ Thiện Nhân          |                                  | 23/01/2017     | Đỗ Thanh Hòa                                      |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 312072486                     |
|    |                     |                                 | Đỗ Ngọc Thảo Nguyễn    |                                  | 01/4/2019      |                                                   |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           |                               |
| 44 | Dương Thị Thu Thảo  | 345                             | Lê Huy Khánh           |                                  | 16/08/2016     | Lê Đặng Tuấn Huy                                  |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 271524689                     |
| 45 | Đỗ Thị Hồng Đào     | 309                             | Ngô Thị Cẩm Tiên       |                                  | 19/10/2019     | Ngô Quốc Tiến                                     |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272410947                     |
| 46 | Phan Thị Cẩm Hoài   | 347                             | Phan Thanh Tú          |                                  | 01/3/2017      | Phan Thanh Trung                                  |                   |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272832969                     |



| TT              | Họ và tên             | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ | Số số bảo hiểm   | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) |  | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-----------------|-----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|                 |                       |                                 |                        |                                  |                  |                                                                          |  | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |
| 47              | Vy Yến Nhi            | 323                             | Phạm Thiên Ân          | 20/9/2018                        | Phạm Ngọc Tuấn   |                                                                          |  |                                          |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272531481                     |
| 48              | Chu Thị Hồng Loan     | 330                             | Võ Thị Ngọc Thư        | 10/4/2020                        | Võ Văn Duy       |                                                                          |  |                                          |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272016864                     |
| 49              | Vũ Thị Hòa            | 310                             | Trần Vũ Tuệ Anh        | 02/9/2019                        | Trần Văn Tấn     |                                                                          |  |                                          |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 38189004942                   |
| 50              | Lê Thị Thu Sang       | 327                             | Huỳnh Tấn Phát         | 11/7/2017                        | Huỳnh Tấn Tài    |                                                                          |  |                                          |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272643689                     |
| 51              | Đào Thị Thu Thủy      | 319                             | Trương Đào Anh Tú      | 07/8/2018                        | Trương Thành Tín |                                                                          |  |                                          |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 272044332                     |
| 52              | Huỳnh Bùi Thị Anh Thư | 342                             | Trần Hạ Vy             | 09/4/2018                        | Trần Hoài Nam    |                                                                          |  |                                          |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 285479822                     |
|                 |                       |                                 | Trần Tuấn Kiệt         | 03/12/2019                       |                  |                                                                          |  |                                          |                    | 1.000.000      |                                          |       |           |                               |
| 53              | Nguyễn Ngọc Lực       | 313                             | Nguyễn Thị Thanh Phúc  | 14/10/2020                       | Nguyễn Thị Hằng  |                                                                          |  |                                          |                    | 1.000.000      |                                          |       |           | 271441821                     |
| Cộng: 61 trẻ em |                       |                                 |                        |                                  |                  |                                                                          |  |                                          |                    | 61.000.000     |                                          |       |           |                               |
| TỔNG CỘNG       |                       |                                 |                        |                                  |                  |                                                                          |  |                                          |                    | 1.414.440.000  |                                          |       |           |                               |

Tổng số tiền hỗ trợ: 1.414.440.000 đồng  
(Một tỷ bốn trăm mười bốn triệu, bốn trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng





**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC  
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH JIN HUNG VINA**

(Đính kèm theo Quyết định số **4024** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                                                                         | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc       | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ việc không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                 | Số CMND/thẻ căn cước công dân     |              |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------|--------------|
|                                                                                            |                   |                                       |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                            | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK           |                                   | Ngân hàng    |
| I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương |                   |                                       |                        |                                  |                |                                                                          |                                              |                    |                |                                          |                 |                                   |              |
| 1                                                                                          | Hồ Thị Phương     | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Vô thời hạn            | 01/03/2015                       | 7515008060     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                                   | 20/09/2021         | 3.710.000      | Hồ Thị Phương                            | 0481000767097   | Ngân Hàng vietcombank-CN Đồng Nai | 184176268    |
| 2                                                                                          | Lương Thị Bén     | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Vô thời hạn            | 01/07/2015                       | 7515037959     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                   | 187351274    |
| 3                                                                                          | Bùi Thị Thu Huyền | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Vô thời hạn            | 01/7/2016                        | 7516034748     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                                   | 20/09/2021         | 3.710.000      | Bùi Thị Thu Huyền                        | 19037477384015  | Ngân Hàng Techcombank-CN Đồng Nai | 271674452    |
| 4                                                                                          | Nguyễn Thị Thu    | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Vô thời hạn            | 06/04/2017                       | 7514005045     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                   | 231034756    |
| 5                                                                                          | Lê Thị Phúc       | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Thời hạn 1 năm         | 20/03/2021                       | 3823357479     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                                   | 20/09/2021         | 3.710.000      | Lê Thị Phúc                              | 425704060018302 | Ngân Hàng VIB-CN Thanh Hóa        | 038189010223 |
| 6                                                                                          | Ngô Thị Bé Thi    | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Thời hạn 1 năm         | 20/03/2021                       | 9421579148     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                                   | 20/09/2021         | 3.710.000      | Ngô Thị Bé Thi                           | 700006951708    | Ngân hàng Shinhanbank-CN Đồng Nai | 365470874    |
| 7                                                                                          | Trần Anh Bảo      | Tổ trưởng sản xuất                    | Vô thời hạn            | 01/07/2005                       | 4706005409     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                                   | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |                 |                                   | 272548662    |



| TT | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc       | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghi không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                    | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|-------------------|---------------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|------------------------------------|-------------------------------|
|    |                   |                                       |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                          |                               |
| 8  | Nguyễn Trí Linh   | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Vô thời hạn            | 01/02/2008                       | 7510130183     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Trí Linh                          | 5913281002924 | Ngân Hàng Agribank- CN Đồng Nai    | 183503329                     |
| 9  | Nguyễn Hồng Phong | Công nhân đứng máy ép                 | Vô thời hạn            | 01/06/2012                       | 7512042008     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                    | 184041098                     |
| 10 | Trần Huy Đức      | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Vô thời hạn            | 01/07/2012                       | 7508118467     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      | Trần Huy Đức                             | 5913281002960 | Ngân Hàng Agribank- CN Đồng Nai    | 183136041                     |
| 11 | Nguyễn Hữu Thêm   | Nhân viên giao hàng                   | Vô thời hạn            | 23/03/2017                       | 7511086291     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Hữu Thêm                          | 0481000772711 | Ngân Hàng vietcombank- CN Đồng Nai | 183903509                     |
| 12 | Đinh Văn Chính    | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Vô thời hạn            | 05/04/2019                       | 4420161137     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      | Đinh Văn Chính                           | 0121000798707 | Ngân Hàng vietcombank- CN Đồng Nai | 194417236                     |
| 13 | Đinh Văn Hòa      | Công nhân đứng máy tạo hạt            | Vô thời hạn            | 01/08/2019                       | 4220407283     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                    | 183925108                     |
| 14 | Đinh Văn Lắm      | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Thời hạn 1 năm         | 09/10/2019                       | 4420153747     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                    | 194322301                     |
| 15 | Đoàn Hữu Hoa      | Công nhân đứng máy tạo hạt            | Thời hạn 1 năm         | 05/03/2020                       | 4216078210     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      | Đoàn Hữu Hoa                             | 1017569974    | Ngân Hàng vietcombank- CN Đồng Nai | 1843 520 46                   |
| 16 | Lê Văn Lữ         | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Thời hạn 1 năm         | 05/03/2020                       | 7411310291     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |                                    | 187062737                     |
| 17 | Quách Văn Định    | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Thời hạn 1 năm         | 25/08/2020                       | 3821065660     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      | Quách Văn Định                           | 030061679266  | Ngân Hàng Sacombank - CN Thanh Hóa | 038095012239                  |
| 18 | Phan Thế Tùng     | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Thời hạn 1 năm         | 25/10/2020                       | 7412312785     | 14/08/2021                                                               | 14/08/2021                               | 20/09/2021         | 3.710.000      | Phan Thế Tùng                            | 5990205904997 | Ngân Hàng Agribank- CN Đồng Nai    | 184010027                     |



| TT                                                                                                  | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc       | Loại hợp đồng lao động          | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm                  | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn nghĩa vụ quân sự (Ngày tháng năm) |                   |                                              | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                               |                                    | Số CMND/thẻ căn cước công dân |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------|----------------|------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|--|
|                                                                                                     |                   |                                       |                                 |                                  |                                 | không hưởng lương                                            | Từ ngày tháng năm | Đến ngày tháng năm                           |                | Tên TK                                   | Số TK                         | Ngân hàng                          |                               |  |
| 19                                                                                                  | Nguyễn Trung Hưng | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Thời hạn 1 năm                  | 01/04/2021                       | 7526102031                      | 14/08/2021                                                   | 14/08/2021        | 20/09/2021                                   | 3.710.000      |                                          |                               |                                    | 272178252                     |  |
| 20                                                                                                  | Đặng Danh Đức     | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Thời hạn 1 năm                  | 01/04/2021                       | 4220788691                      | 14/08/2021                                                   | 14/08/2021        | 20/09/2021                                   | 3.710.000      | Đặng Danh Đức                            | 1014423256                    | Ngân Hàng vietcombank- CN Đồng Nai | 183759580                     |  |
| 21                                                                                                  | Nguyễn Hữu Linh   | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Thời hạn 1 năm                  | 01/04/2021                       | 7412281694                      | 14/08/2021                                                   | 14/08/2021        | 20/09/2021                                   | 3.710.000      | Nguyễn Hữu Linh                          | 0481000800985                 | Ngân Hàng vietcombank- CN Đồng Nai | 183961686                     |  |
| 22                                                                                                  | Vũ Ngọc Tài       | Công Nhân sản xuất lắp ráp thùng nhựa | Thời hạn 1 năm                  | 18/05/2021                       | 7515011258                      | 14/08/2021                                                   | 14/08/2021        | 20/09/2021                                   | 3.710.000      | Vũ Ngọc Tài                              | 19033450701013                | Ngân Hàng Techcombank- CN Đồng Nai | 077087001551                  |  |
| 23                                                                                                  | Nguyễn Thị Lý     | Nhân viên vệ sinh                     | Vô thời hạn                     | 01/07/2021                       | 7526676594                      | 14/08/2021                                                   | 14/08/2021        | 20/09/2021                                   | 3.710.000      |                                          |                               |                                    | 272945041                     |  |
| 24                                                                                                  | Vân Thị Kim Trang | Nhân viên Kinh Doanh                  | Vô thời hạn                     | 01/12/2010                       | 7511001437                      | 14/08/2021                                                   | 14/08/2021        | 20/09/2021                                   | 3.710.000      | Vân Thị Kim Trang                        | 0481000748341                 | Ngân Hàng vietcombank- CN Đồng Nai | 271855180                     |  |
| 25                                                                                                  | Đinh Thị Tinh     | Nhân sự                               | Vô thời hạn                     | 01/10/2017                       | 4706081211                      | 14/08/2021                                                   | 14/08/2021        | 20/09/2021                                   | 3.710.000      | Đinh Thị Tinh                            | 0121001008759                 | Ngân Hàng vietcombank- CN Đồng Nai | 183552189                     |  |
| 26                                                                                                  | Trần Thị Nhân     | Kế Toán                               | Vô thời hạn                     | 01/02/2018                       | 7515001258                      | 14/08/2021                                                   | 14/08/2021        | 20/09/2021                                   | 3.710.000      | Trần Thị Nhân                            | 0481000673355                 | Ngân Hàng vietcombank- CN Đồng Nai | 271984071                     |  |
| 27                                                                                                  | Diễm Công Tuyền   | Tài Xế sedona 7 chỗ                   | Thời hạn 1 năm                  | 01/05/2021                       | 7523036342                      | 14/08/2021                                                   | 14/08/2021        | 20/09/2021                                   | 3.710.000      | Diễm Công Tuyền                          | 19036675583019                | Ngân Hàng Techcombank- CN Đồng Nai | 272377034                     |  |
| Tổng: 27 người lao động                                                                             |                   |                                       |                                 |                                  |                                 |                                                              |                   |                                              |                |                                          |                               | 100.170.000                        |                               |  |
| II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi |                   |                                       |                                 |                                  |                                 |                                                              |                   |                                              |                |                                          |                               |                                    |                               |  |
| TT                                                                                                  | Họ và tên         | Số TT tại mục I                       | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi | Ngày tháng năm sinh của trẻ em   | Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2 | Số CMND/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng              | Số tiền hỗ trợ    | Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ | Số tài khoản   | Ngân hàng                                | Số CMND/thẻ căn cước công dân |                                    |                               |  |
| I                                                                                                   | Nguyễn Thị Phương | I                                     | Nguyễn Diệu Nhi                 | 10/9/2018                        | Nguyễn Hồng Phong               | 184041098                                                    | 1.000.000         | Hồ Thị Phương                                | 481000767097   | Ngân Hàng vietcombank- CN Đồng Nai       | 184176268                     |                                    |                               |  |



| TT | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ | Số sổ bảo hiểm   | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |                                    | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|-------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|------------------------------------|-------------------------------|
|    |                   |                                 |                         |                                  |                  |                                                                          | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng                          |                               |
| 2  | Nguyễn Hữu Thêm   | 11                              | Nguyễn Trần Mỹ Tươi     | 10/9/2017                        | Trần Thị Hồng    | 184058347                                                                |                                         |                    | 1.000.000      | Nguyễn Hữu Thêm                          | 481000772711  | Ngân Hàng vietcombank- CN Đồng Nai | 183903509                     |
|    |                   |                                 | Nguyễn Cát Tiên         | 05/4/2020                        |                  |                                                                          |                                         |                    | 1.000.000      |                                          |               |                                    |                               |
| 4  | Đinh Văn Chính    | 12                              | Đinh Phú Trọng          | 25/11/2015                       | Đinh Thị Hằng    | 194562537                                                                |                                         |                    | 1.000.000      | Đinh Văn Chính                           | 121000798707  | Ngân Hàng vietcombank- CN Đồng Nai | 194417236                     |
| 5  | Phan Thế Tùng     | 18                              | Phan Thế Minh Quân      | 31/10/2017                       | Phạm Thị Nhung   | 184263083                                                                |                                         |                    | 1.000.000      | Phan Thế Tùng                            | 5990205904997 | Ngân Hàng Agribank- CN Đồng Nai    | 184010027                     |
| 6  | Nguyễn Hữu Linh   | 21                              | Nguyễn Bùi Bảo Ngọc     | 22/4/2017                        | Bùi Thị Nga      | 183890966                                                                |                                         |                    | 1.000.000      | Nguyễn Hữu Linh                          | 481000800985  | Ngân Hàng vietcombank- CN Đồng Nai | 183961686                     |
|    |                   |                                 | Nguyễn Hữu Sáng         | 17/12/2020                       |                  |                                                                          |                                         |                    | 1.000.000      |                                          |               |                                    |                               |
| 7  | Vân Thị Kim Trang | 24                              | Phạm Ngọc Anh Thư       | 04/6/2018                        | Phạm Trường Sơn  | 271290138                                                                |                                         |                    | 1.000.000      | Vân Thị Kim Trang                        | 481000748341  | Ngân Hàng vietcombank CN Đồng Nai  | 271855180                     |
| 8  | Đinh Thị Tịnh     | 25                              | Nguyễn Ngọc Khánh Huyền | 15/5/2019                        | Nguyễn Văn Thuận | 151348182                                                                |                                         |                    | 1.000.000      | Đinh Thị Tịnh                            | 121001008759  | Ngân Hàng vietcombank CN Đồng Nai  | 183552189                     |
|    | Cộng: 09 trẻ em   |                                 |                         |                                  |                  |                                                                          |                                         |                    | 9.000.000      |                                          |               |                                    |                               |
|    |                   |                                 |                         |                                  |                  |                                                                          |                                         |                    | 109.170.000    |                                          |               |                                    |                               |

**TỔNG CỘNG**

**Tổng số tiền hỗ trợ: 109.170.000 đồng**  
**(Một trăm lẻ chín triệu, một trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn)**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature in blue ink)*  
**Nguyễn Sơn Hùng**



DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC  
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH STAR UN

(Đính kèm theo Quyết định số 4024 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT | Họ và tên | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLD | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoàn HDLD/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |       |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|-----------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-------|-----------|-------------------------------|
|    |           |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK | Ngân hàng |                               |

I. Hỗ trợ người lao động tạm hoàn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương

|   |                  |           |                   |           |            |            |            |            |           |                  |                 |          |           |
|---|------------------|-----------|-------------------|-----------|------------|------------|------------|------------|-----------|------------------|-----------------|----------|-----------|
| 1 | Lê Thị Ánh Hương | Văn Phòng | Thời hạn 12 tháng | 4/5/2021  | 4704060013 | 12/07/2021 | 12/07/2021 | 31/07/2021 | 1.855.000 | Lê Thị Ánh Hương | 181510101000595 | Eximbank | 271548350 |
| 2 | Trương Bình Định | Văn Phòng | Thời hạn 12 tháng | 8/5/2021  | 4707102049 | 12/07/2021 | 12/07/2021 | 31/07/2021 | 1.855.000 | Trương Bình Định | 180114849098807 | Eximbank | 271325500 |
| 3 | Nguyễn Văn Hùng  | Sản xuất  | Thời hạn 12 tháng | 10/5/2021 | 7514023060 | 12/07/2021 | 12/07/2021 | 12/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Văn Hùng  | 181510101000750 | Eximbank | 272122329 |
| 4 | Nguyễn Văn Bình  | Bảo Trì   | Thời hạn 12 tháng | 5/5/2021  | 7511028132 | 12/07/2021 | 12/07/2021 | 12/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Văn Bình  | 181510101000536 | Eximbank | 183750458 |
| 5 | Nguyễn Văn Bình  | Bảo Trì   | Thời hạn 12 tháng | 5/5/2021  | 7513160913 | 12/07/2021 | 12/07/2021 | 26/07/2021 | 1.855.000 | Nguyễn Văn Bình  | 181510101000494 | Eximbank | 381350594 |
| 6 | Nguyễn Thanh Chủ | Bảo Trì   | Thời hạn 12 tháng | 11/5/2021 | 9621888071 | 12/07/2021 | 12/07/2021 | 12/08/2021 | 3.710.000 | Nguyễn Thanh Chủ | 181510101000487 | Eximbank | 381319471 |
| 7 | Trần Thị Nhanh   | TẬP VỰ    | Thời hạn 12 tháng | 4/5/2021  | 7510018255 | 12/07/2021 | 12/07/2021 | 29/07/2021 | 1.855.000 | Trần Thị Nhanh   | 181510101000623 | Eximbank | 363909346 |
| 8 | Nguyễn Thị Liễu  | KHO       | Thời hạn 12 tháng | 4/5/2021  | 7510151434 | 12/07/2021 | 12/07/2021 | 05/08/2021 | 1.855.000 | Nguyễn Thị Liễu  | 181510101000463 | Eximbank | 281216027 |



| TT | Họ và tên            | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                 |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|----------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------|-----------|-------------------------------|
|    |                      |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK           | Ngân hàng |                               |
| 9  | Lâm Cẩm Hoa          | KHO                             | Thời hạn 12 tháng      | 8/5/2021                         | 7510119710     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Lâm Cẩm Hoa                              | 181510101000560 | Eximbank  | 385930870                     |
| 10 | Ngô Thị Tiên         | KHO                             | Thời hạn 12 tháng      | 8/5/2021                         | 7516041603     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Ngô Thị Tiên                             | 181510101000628 | Eximbank  | 385620291                     |
| 11 | Đoàn Kim Loan        | KHO                             | Thời hạn 12 tháng      | 8/5/2021                         | 9222033092     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Đoàn Kim Loan                            | 181510101000625 | Eximbank  | 92180004144                   |
| 12 | Tăng Chi Ly          | KHO                             | Thời hạn 12 tháng      | 8/5/2021                         | 9622963424     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Tăng Chi Ly                              | 181510101000716 | Eximbank  | 381991238                     |
| 13 | Phan Tây Nguyên      | TỔ SƠN                          | Thời hạn 12 tháng      | 11/5/2021                        | 9321412767     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 28/07/2021         | 1.855.000      | Phan Tây Nguyên                          | 181510101000514 | Eximbank  | 364135179                     |
| 14 | Trần Thị Diễm        | TỔ SƠN                          | Thời hạn 12 tháng      | 11/5/2021                        | 7511133074     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 30/07/2021         | 1.855.000      | Trần Thị Diễm                            | 181510101000544 | Eximbank  | 331467961                     |
| 15 | Phan Diệu Linh       | TỔ SƠN                          | Thời hạn 12 tháng      | 11/5/2021                        | 9422687605     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Phan Diệu Linh                           | 181510101000554 | Eximbank  | 365772494                     |
| 16 | Huỳnh Thị Đẹp        | TỔ SƠN                          | Thời hạn 12 tháng      | 11/5/2021                        | 7510172602     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 10/08/2021         | 1.855.000      | Huỳnh Thị Đẹp                            | 181510101000477 | Eximbank  | 381216138                     |
| 17 | Nguyễn Ngọc Diễm     | TỔ SƠN                          | Thời hạn 12 tháng      | 13/5/2021                        | 9516003093     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 30/07/2021         | 1.855.000      | Nguyễn Ngọc Diễm                         | 181510101000569 | Eximbank  | 385499682                     |
| 18 | Trần Thị Xem         | TỔ SƠN                          | Thời hạn 12 tháng      | 11/5/2021                        | 7516012742     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Xem                             | 181510101000749 | Eximbank  | 381720966                     |
| 19 | Trần Thị Thủy        | TỔ PHỐI                         | Thời hạn 12 tháng      | 11/5/2021                        | 7516219051     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Thủy                            | 181510101000474 | Eximbank  | 331217622                     |
| 20 | Nguyễn Thị Thùy Tiên | Tổ Nhám                         | Thời hạn 12 tháng      | 8/5/2021                         | 9622317160     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 28/07/2021         | 1.855.000      | Nguyễn Thị Thùy Tiên                     | 181510101000472 | Eximbank  | 381930787                     |





| TT | Họ và tên         | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                 |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|-------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------|-----------|-------------------------------|
|    |                   |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK           | Ngân hàng |                               |
| 21 | Nguyễn Trọng Tinh | TỔ PHÔI                         | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 9622305859     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 12/08/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Trọng Tinh                        | 181510101000676 | Eximbank  | 381783245                     |
| 22 | Trần Thị Yến      | TỔ PHÔI                         | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 7509108976     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 12/08/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Yến                             | 181510101000471 | Eximbank  | 330827686                     |
| 23 | Lê Thị Hồng Cúc   | TỔ PHÔI                         | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 8622073737     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 12/08/2021         | 3.710.000      | Lê Thị Hồng Cúc                          | 181510101000532 | Eximbank  | 331711230                     |
| 24 | Nguyễn Cẩm Tiên   | TỔ PHÔI                         | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 9622282032     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 12/08/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Cẩm Tiên                          | 181510101000534 | Eximbank  | 381919242                     |
| 25 | Nguyễn Hùng Cường | TỔ PHÔI                         | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 7526703336     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 01/08/2021         | 1.855.000      | Nguyễn Hùng Cường                        | 181510101000543 | Eximbank  | 38201002349                   |
| 26 | Dương Văn An      | TỔ PHÔI                         | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 7514026588     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 27/07/2021         | 1.855.000      | Dương Văn An                             | 181510101000546 | Eximbank  | 366204727                     |
| 27 | Trần Diễm My      | TỔ MỘC                          | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 9622358835     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 12/08/2021         | 3.710.000      | Trần Diễm My                             | 181510101000727 | Eximbank  | 381855847                     |
| 28 | Nguyễn Chí Tường  | TỔ PHÔI                         | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 9521102568     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 10/08/2021         | 1.855.000      | Nguyễn Chí Tường                         | 181510101000618 | Eximbank  | 385757878                     |
| 29 | Hồ Việt Khải      | TỔ PHÔI                         | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 7523659217     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 28/07/2021         | 1.855.000      | Hồ Việt Khải                             | 181510101000705 | Eximbank  | 381876720                     |
| 30 | Trần Huỳnh Đàm    | TỔ GHIẾP                        | Thời hạn 12 tháng      | 5/5/2021                         | 4706025076     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 28/07/2021         | 1.855.000      | Trần Huỳnh Đàm                           | 181510101000503 | Eximbank  | 381113905                     |
| 31 | Phạm Hải Đăng     | TỔ GHIẾP                        | Thời hạn 12 tháng      | 11/5/2021                        | 9622279770     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 12/08/2021         | 3.710.000      | Phạm Hải Đăng                            | 181510101000469 | Eximbank  | 381842076                     |
| 32 | Dương Minh Khang  | TỔ VÁN                          | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 7513173308     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 10/08/2021         | 1.855.000      | Dương Minh Khang                         | 181510101000500 | Eximbank  | 272720389                     |



| TT | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ | Số số bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HDLĐ/ngỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                 |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|----|--------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------|-----------|-------------------------------|
|    |                    |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                       | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK           | Ngân hàng |                               |
| 33 | Thạch Thanh Hiếu   | TỔ VẤN                          | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 9422633954     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 29/07/2021         | 1.855.000      | Thạch Thanh Hiếu                         | 181510101000517 | Eximbank  | 365963425                     |
| 34 | Huỳnh Thanh Sang   | TỔ VẤN                          | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 8622219674     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 29/07/2021         | 1.855.000      | Huỳnh Thanh Sang                         | 181510101000466 | Eximbank  | 331579619                     |
| 35 | Nguyễn Thủy Em     | TỔ VẤN                          | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 9621878801     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Thủy Em                           | 181510101000520 | Eximbank  | 381551247                     |
| 36 | Nguyễn Hoàng Giang | TỔ VẤN                          | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 9422075879     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 28/07/2021         | 1.855.000      | Nguyễn Hoàng Giang                       | 181510101000547 | Eximbank  | 366055999                     |
| 37 | Hồ Thị Ngoan       | TỔ VẤN                          | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 4706025088     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Hồ Thị Ngoan                             | 181510101000523 | Eximbank  | 331411210                     |
| 38 | Lữ Linh Dương      | TỔ VẤN                          | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 9623084337     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 30/07/2021         | 1.855.000      | Lữ Linh Dương                            | 181510101000555 | Eximbank  | 381418353                     |
| 39 | Cao Hồng Nghi      | TỔ VẤN                          | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 9622475158     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Cao Hồng Nghi                            | 181510101000632 | Eximbank  | 381490621                     |
| 40 | Lê Thị Mỹ Hương    | TỔ VẤN                          | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 7516066794     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Lê Thị Mỹ Hương                          | 181510101000707 | Eximbank  | 381638633                     |
| 41 | Phan Mỹ Tiên       | TỔ VẤN                          | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 9124122010     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 27/07/2021         | 1.855.000      | Phan Mỹ Tiên                             | 181510101000725 | Eximbank  | 371843927                     |
| 42 | Trần Kiều Trang    | TỔ SƠN                          | Thời hạn 12 tháng      | 19/5/2021                        | 9621459597     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 28/07/2021         | 1.855.000      | Trần Kiều Trang                          | 181510101000718 | Eximbank  | 381940126                     |
| 43 | Biện Văn Nghi      | TỔ ĐÓNG GÓI                     | Thời hạn 12 tháng      | 24/6/2021                        | 9621977835     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Biện Văn Nghi                            | 181510101000572 | Eximbank  | 381268648                     |
| 44 | Vòng Chồng Và      | Nhân Viên CNC                   | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 4706004312     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                              | 12/08/2021         | 3.710.000      | Vòng Chồng Và                            | 181510101000552 | Eximbank  | 271647087                     |





| TT                      | Họ và tên       | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |                 |           | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|-------------------------|-----------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------|-----------|-------------------------------|
|                         |                 |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK           | Ngân hàng |                               |
| 45                      | Bùi Hữu Tâm     | TỔ MỘC                          | Thời hạn 12 tháng      | 11/5/2021                        | 9622546096     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 12/08/2021         | 3.710.000      | Bùi Hữu Tâm                              | 181510101000584 | Eximbank  | 381289475                     |
| 46                      | Nguyễn Văn Nhật | TỔ MỘC                          | Thời hạn 12 tháng      | 10/5/2021                        | 9621775696     | 12/07/2021                                                               | 12/07/2021                                     | 12/08/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Nhật                          | 181510101000600 | Eximbank  | 385899631                     |
| Tổng: 46 người lao động |                 |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                                |                    | 129.850.000    |                                          |                 |           |                               |

**Tổng số tiền hỗ trợ: 129.850.000 đồng**  
**(Một trăm hai mươi chín triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)**

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
  
**Nguyễn Sơn Hùng**





**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC  
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ỖNG KIM ĐẠI PHÁT**  
(Đính kèm theo Quyết định số **4024** /QĐ-UBND ngày **06** tháng **10** năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                                                                         | Họ và tên        | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoàn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |              |                                                        | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------|------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------|
|                                                                                            |                  |                                 |                        |                                  |                |                                                                          | Từ ngày tháng năm                              | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK        | Ngân hàng                                              |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động tạm hoàn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương |                  |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                                |                    |                |                                          |              |                                                        |                               |
| 1                                                                                          | Huỳnh Linh Thiện | Thu Ngân                        | Không thời hạn         | 1/9/2017                         | 7516195286     | 01/07/2021                                                               | 01/07/2021                                     | 31/08/2021         | 3.710.000      | Huỳnh Linh Thiện                         | 048100084373 | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam_PGD Long Bình Tân | 273526762                     |
| 2                                                                                          | Trần Thu Thủy    | Tập vụ                          | Không thời hạn         | 1/9/2017                         | 7516195287     | 01/07/2021                                                               | 01/07/2021                                     | 31/08/2021         | 3.710.000      |                                          |              | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam_PGD Long Bình Tân | 022786910                     |
| 3                                                                                          | Lâm Minh Quang   | Tài xế                          | Không thời hạn         | 1/9/2017                         | 7932527954     | 01/07/2021                                                               | 01/07/2021                                     | 31/08/2021         | 3.710.000      | Lâm Minh Quang                           | 050122470625 | TMCP Ngoại Thương Việt Nam_PGD Long Bình Tân           | 079078003814                  |
| Cộng: 03 người lao động                                                                    |                  |                                 |                        |                                  |                |                                                                          |                                                |                    | 11.130.000     |                                          |              |                                                        |                               |

**Tổng số tiền hỗ trợ: 11.130.000 đồng**  
**(Mười một triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**  
  
**Nguyễn Sơn Hùng**







ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC  
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH CƠ GIỚI ĐẠI TIẾN PHÁT  
(Đính kèm theo Quyết định số 4024 /QB-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

| TT                                                                                         | Họ và tên          | Phòng, ban, phân xưởng làm việc | Loại hợp đồng lao động  | Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ | Số sổ bảo hiểm | Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng (Ngày tháng năm) | Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không lương |                    | Số tiền hỗ trợ | Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ |               |             | Số CMND/thẻ căn cước công dân |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------------------------------|---------------|-------------|-------------------------------|
|                                                                                            |                    |                                 |                         |                                  |                |                                                                    | Từ ngày tháng năm                        | Đến ngày tháng năm |                | Tên TK                                   | Số TK         | Ngân hàng   |                               |
| I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương |                    |                                 |                         |                                  |                |                                                                    |                                          |                    |                |                                          |               |             |                               |
| 1                                                                                          | Nguyễn Duy Tâm     | Vận hành máy CNC                | Không xác định thời hạn | 01/07/2020                       | 7722440330     | 01/07/2021                                                         | 01/07/2021                               | 30/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Duy Tâm                           | 0881000485593 | Vietcombank | 273678435                     |
| 2                                                                                          | Nguyễn Văn Tín     | Vận hành máy CNC                | Không xác định thời hạn | 01/07/2020                       | 7721743543     | 01/07/2021                                                         | 01/07/2021                               | 30/09/2021         | 3.710.000      | Nguyễn Văn Tín                           | 060124141349  | Sacombank   | 077092001892                  |
| 3                                                                                          | Lê Hữu Thắng       | Vận hành máy CNC                | Không xác định thời hạn | 01/07/2020                       | 8322866491     | 01/07/2021                                                         | 01/07/2021                               | 30/09/2021         | 3.710.000      | Lê Hữu Thắng                             | 0181002194768 | Vietcombank | 321056941                     |
| 4                                                                                          | Phạm Văn Thảo      | Vận hành máy CNC                | Không xác định thời hạn | 01/07/2020                       | 8023233433     | 01/07/2021                                                         | 01/07/2021                               | 30/09/2021         | 3.710.000      |                                          |               |             | 300871029                     |
| 5                                                                                          | Trần Thị Kiều Loan | Nhân viên phòng QC              | Không xác định thời hạn | 01/09/2020                       | 7913333401     | 01/07/2021                                                         | 01/07/2021                               | 30/09/2021         | 3.710.000      | Trần Thị Kiều Loan                       | 050105710108  | Sacombank   | 290931634                     |
| 6                                                                                          | Lê Thái Huy        | Vận hành máy CNC                | Không xác định thời hạn | 01/06/2021                       | 5421025197     | 01/07/2021                                                         | 01/07/2021                               | 30/09/2021         | 3.710.000      | Lê Thái Huy                              | 1013046889    | Vietcombank | 221462127                     |
| Tổng: 06 người lao động                                                                    |                    |                                 |                         |                                  |                |                                                                    |                                          |                    | 22.260.000     |                                          |               |             |                               |



| II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi |                 |                 |                                 |                                |                                 |                                                |                |                                              |               |             |                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------|----------------|----------------------------------------------|---------------|-------------|----------------------------------|
| TT                                                                                                  | Họ và tên       | Số TT tại mục I | Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi | Ngày tháng năm sinh của trẻ em | Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2 | Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng | Số tiền hỗ trợ | Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ | Số tài khoản  | Ngân hàng   | Số Số CMND/thẻ căn cước công dân |
| 1                                                                                                   | Nguyễn Văn Tín  | 2               | Nguyễn Mộc Nhi                  | 11/01/2021                     | Lê Kim Tuyền                    |                                                | 1.000.000      | Nguyễn Văn Tín                               | 060124141349  | Sacombank   | 07709200189<br>2                 |
| 2                                                                                                   | Lê Hữu Thắng    | 3               | Lê Phan Yến Trang               | 20/04/2017                     | Phan Thị Kim Hoa                |                                                | 1.000.000      | Lê Hữu Thắng                                 | 0181002194768 | Vietcombank | 321056941                        |
|                                                                                                     | Cộng: 02 trẻ em |                 |                                 |                                |                                 |                                                | 2.000.000      |                                              |               |             |                                  |
|                                                                                                     |                 |                 |                                 |                                |                                 | TỔNG CỘNG                                      |                |                                              |               |             |                                  |
|                                                                                                     |                 |                 |                                 |                                |                                 |                                                | 24.260.000     |                                              |               |             |                                  |

Tổng số tiền hỗ trợ: 24.260.000 đồng  
(Hai mươi bốn triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng